

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2012 đính kèm Quyết định số 2289/QĐ-QLGS2 ngày 05/09/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 554 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm tại:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)**
Trụ sở chính : Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (84.24) 2220 5544 Fax: (84.24) 2220 0399
Website : www.bidv.com.vn
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**
Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (84.28) 3910 2222 Fax: (84.28) 3910 7222
Website : www.masvn.com

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : (Ông) Trần Long
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc BIDV
Điện thoại : (84.24) 2220 1162 Fax: (84.24) 2222 5329

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
(Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2012 đính kèm Quyết định số 2289/QĐ-QLGS2 ngày 05/09/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên trái phiếu** : Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng.
- Loại trái phiếu** : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và là nợ thứ cấp của BIDV.
- Mệnh giá** : 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng Việt Nam)/trái phiếu.
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán** : 90.000.000 (Chín mươi triệu) Trái Phiếu.
- Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá** : 9.000.000.000.000 (Chín nghìn tỷ) Đồng Việt Nam.
- Chi tiết** :

Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá	Lãi suất áp dụng trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại	Lãi suất áp dụng nếu Tổ Chức Phát Hành không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại
Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1					
BIDL2633001C	07 năm	20.000.000 (Hai mươi triệu)	2.000.000.000.000 VND (Hai nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,80%/năm	Lãi suất 02 (hai) năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 4,30%/năm
BIDL2634002C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,85%/năm	Lãi suất 03 (ba) năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 3,52%/năm
BIDL2636003C	10 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,90%/năm	Lãi suất 05 (năm) năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 2,90%/năm
Tổng cộng		40.000.000 (Bốn mươi triệu)	4.000.000.000.000 VND (Bốn nghìn tỷ đồng)		

Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 2					
BIDL2633004C	07 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,80%/năm	Lãi suất 02 (hai) năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 4,30%/năm
BIDL2634005C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,85%/năm	Lãi suất 03 (ba) năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 3,52%/năm
BIDL2636006C	10 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,90%/năm	Lãi suất 05 (năm) năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 2,90%/năm
Tổng cộng		30.000.000 (Ba mươi triệu)	3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)		
Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 3					
BIDL2633007C	07 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,80%/năm	Lãi suất 02 (hai) năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 4,30%/năm
BIDL2634008C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,85%/năm	Lãi suất 03 (ba) năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 3,52%/năm
Tổng cộng		20.000.000 (Hai mươi triệu)	2.000.000.000.000 VND (Hai nghìn tỷ đồng)		

Trong đó:

“Lãi Suất Tham Chiếu”, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân hàng thương mại tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi (làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân), bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - khu vực/thành phố Hà Nội (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** và gọi chung là **“Các Ngân Hàng Tham Chiếu”**). Chi tiết xem phần *Thông Tin Về Đợt Chào Bán (Mục VI) – 7. Tiền lãi và lãi suất*.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Từ 01/01/2019 đến 31/12/2023 và từ 01/01/2025 đến 30/06/2025: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính : Tầng 15, Toà nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84.24) 6288 3568

Fax: (84.24) 6288 5678

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024: Công ty TNHH KPMG

Trụ sở chính : Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hoà, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84.24) 39461600

Fax: (84.24) 39461601

TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3910 2222

Fax: (84.28) 3910 7222

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3910 2222

Fax: (84.28) 3910 7222

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRÁI PHIẾU:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Trụ sở chính : 74 Phố Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

Số điện thoại : (84.24) 39411 846

Fax: (84.24) 39411 847

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	14
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	128
VI.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	150
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	182
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	182
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	190
X.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	191
XI.	PHỤ LỤC	194

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

(Ông) Phan Đức Tú Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ông) Lê Ngọc Lâm Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Bà) Bùi Thị Hòa Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đại diện theo pháp luật: Ông Huh Hong Suk

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 01-2025/HĐDV-MAS-BIDV ngày 27 tháng 11 năm 2025 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế và thị trường tài chính tiền tệ Việt Nam ghi nhận một số kết quả tích cực nhờ đột phá thể chế, thực hiện các quyết sách chiến lược, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 8% trở lên năm 2025 gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số rủi ro, thách thức khi rủi ro bên ngoài vẫn hiện hữu, phức tạp, khó lường và những khó khăn nội tại.

- ❖ *Rủi ro, thách thức bên ngoài:* (i) căng thẳng địa chính trị dai dẳng, khó đoán định (đặc biệt là xung đột tại Trung Đông và Ukraine); (ii) cạnh tranh chiến lược về thương mại-công nghệ, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng làm tăng nguy cơ đứt gãy/gián đoạn chuỗi cung ứng, biến động giá năng lượng, nguyên nhiên vật liệu; (iii) lạm phát, lãi suất dù giảm

nhưng còn ở mức cao, neo lâu (đến cuối tháng 10/2025, Fed đã 2 lần hạ lãi suất và có thể hạ thêm 1 lần nữa trong năm 2025 song còn phụ thuộc nhiều vào diễn biến lạm phát) gây áp lực đối với lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dòng vốn đầu tư toàn cầu và Việt Nam; cùng với đó, rủi ro tài khóa, nợ công và tư còn cao khiến đà phục hồi khó khăn hơn; (iv) kinh tế thế giới phục hồi chưa vững chắc, đặc biệt các nền kinh tế hàng đầu như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản... do “cú sốc” thuế quan (mức thuế quan thực tế của Mỹ với hầu hết các nước -trong đó có Việt Nam - thấp hơn đáng kể so với các dự kiến song diễn biến vẫn khó đoán định) có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đà tăng trưởng của các hoạt động thương mại, đầu tư, du lịch... của Việt Nam; (v) An ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh chuỗi cung ứng, an ninh mạng, dữ liệu; thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu cực đoan, ô nhiễm môi trường vẫn là những mối đe dọa thường trực, thách thức đà tăng trưởng và phát triển bền vững kinh tế thế giới, trong đó Việt Nam.

- ❖ *Khó khăn nội tại:* (i) Một số động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng, sản xuất công nghiệp) chưa thực sự bứt phá trong khi các động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, tăng năng suất lao động, đóng góp của TFP vào tăng trưởng...) vẫn cần thêm thời gian để phát huy hiệu quả rõ nét hơn; (ii) DN vẫn còn khó khăn; thị trường bất động sản phục hồi chưa bền vững; (iii) Áp lực nợ xấu, tỷ giá tăng (dù trong tầm kiểm soát); (iv) Vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp còn vướng mắc hoàn thiện thể chế, thực thi pháp luật còn bất cập; tình trạng lãng phí còn chậm khắc phục (dù đã và đang được chú trọng tháo gỡ); (v) Đời sống và hoạt động sản xuất - kinh doanh của DN và người dân còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực của bão lũ, thiên tai cực đoan.

2. Rủi ro về luật pháp

BIDV là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng quy mô lớn, niêm yết, hoạt động của BIDV chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản,... Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay vẫn còn chông chéo, phân tán và chưa đồng bộ với nhiều quy định đan xen giữa các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn. Chính sự chưa đồng bộ này đã và đang tạo ra không ít thách thức trong quá trình áp dụng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần như BIDV, đồng thời tiềm ẩn những rủi ro pháp lý cơ bản có thể phát sinh trong hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh như:

- (i) Sự chông chéo của hệ thống pháp luật: Thực tế cho thấy, việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi từ đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể ảnh hưởng ngắn hạn không mong muốn đến hoạt động của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đồng thời, việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng của hệ thống pháp luật thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

- (ii) Sự chưa thống nhất giữa các quy định pháp luật: Việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất với nội dung hướng dẫn của cơ quan khác; bên cạnh đó, một số trường hợp, văn bản giải thích, hướng dẫn của cấp dưới không hoàn toàn thống nhất với văn bản của cấp trên (nghị định không thống nhất với luật, pháp lệnh; Thông tư không thống nhất với nghị định/luật/pháp lệnh,...) dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- (iii) Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng luật của các cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát) đối với một vấn đề, đặc biệt là những vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể, trong một số trường hợp chưa thống nhất và có quan điểm khác nhau, theo đó, có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.

Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về chứng khoán, tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra một khung pháp lý chặt chẽ, tiến bộ, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển.

Ảnh hưởng của những thay đổi về chính sách, pháp luật trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của BIDV. Tuy nhiên để chủ động hạn chế rủi ro này, BIDV luôn bám sát quá trình ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng, chủ động tham gia, đề xuất, kiến nghị trong quá trình soạn thảo nhằm nắm được nội dung văn bản để chủ động trong hoạt động kinh doanh, đồng thời hạn chế các vướng mắc, bất cập khi văn bản được ban hành; cập nhật và phổ biến các văn bản pháp luật mới nhất đến toàn thể các phòng ban và đơn vị kinh doanh trong hệ thống. Đồng thời Ngân hàng cũng xây dựng một hệ thống các văn bản nội bộ gồm các chính sách, quy định, quy trình và bộ phận Pháp chế là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tham gia biên soạn và kiểm soát các chính sách, quy định, quy trình nội bộ,... đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và luôn được cập nhật theo những quy định mới của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của BIDV do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết. Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ sự bất cập trong cơ chế, chính sách của Nhà nước; môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của BIDV và đòi hỏi BIDV phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Tại BIDV, Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập giới hạn tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng, đối với mỗi lĩnh vực ngành nghề cũng như thiết lập giới hạn tín dụng trung, dài hạn phù hợp với cơ cấu huy động vốn.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Mỗi khách hàng được xếp hạng ở một mức độ rủi ro theo kết quả chấm điểm trên hệ thống xếp hạng tín dụng, mức độ rủi ro này được cập nhật, điều chỉnh định kỳ hoặc đột xuất. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập dựa trên mức độ rủi ro, phương án sử dụng vốn và tài sản bảo đảm. Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua xây dựng mức thẩm quyền phán quyết của từng cấp từ Trụ sở chính đến chi nhánh trên cơ sở hiệu quả, chất lượng tín dụng thực tế, năng lực quản lý của từng đơn vị và đánh giá tiềm năng của từng vùng. Bên cạnh đó, trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo thông lệ quốc tế và kinh nghiệm của các ngân hàng tại Hàn Quốc, BIDV đã xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng nhằm nhận diện, đánh giá các thay đổi về rủi ro tín dụng của khách hàng ngay từ giai đoạn sớm, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý cần thiết, kịp thời nhằm ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro tín dụng xảy ra đối với BIDV.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro tín dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV luôn chủ động tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất để quản trị rủi ro tín dụng. Đến nay, mô hình quản lý rủi ro của BIDV đã đáp ứng nguyên tắc độc lập và tập trung theo khuyến nghị của Ủy ban Basel. Trong toàn hệ thống BIDV từ Trụ sở chính đến các chi nhánh, cơ cấu tổ chức được thiết lập phù hợp, phân định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của các bộ phận/các cá nhân liên quan theo mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng. Hệ thống văn bản chế độ trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng, chính sách quản lý rủi ro toàn hàng được ban hành đầy đủ, thường xuyên được rà soát cập nhật đáp ứng quy định của NHNN cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa. Rủi ro lãi suất Sở kinh doanh là rủi ro xảy ra tổn thất đối với giá trị danh mục do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sở kinh doanh của BIDV. Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi BIDV có trạng thái ngoại tệ. Rủi ro ngoại hối của BIDV hiện nay phát sinh và được quản lý theo các danh mục toàn hàng, danh mục tự doanh và danh mục kinh doanh phục vụ khách hàng. Rủi ro ngoại hối được quản lý tập trung tại Trụ sở chính. Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sở kinh doanh của BIDV. Rủi ro hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của BIDV.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Đối với rủi ro lãi suất Sở ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập lãi thuần và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (khe hở tái định giá) và khe hở thời lượng

của Sở ngân hàng, thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của BIDV có thể sẽ bị ảnh hưởng.

3.4. *Rủi ro hoạt động*

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Để quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã triển khai đồng bộ các công việc bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn hoạt động của ngân hàng: Thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến phòng vệ, bảo đảm tính độc lập của từng tuyến; Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chế độ; Thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động và cơ chế theo dõi, giám sát; Triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động (Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động - RCSA, chỉ số rủi ro trọng yếu - KRI, thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động - LDC, sử dụng phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, thí điểm sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ); Quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới; Quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài; Xây dựng, triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục; Mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động và Kiểm soát xung đột lợi ích trong Quản lý rủi ro hoạt động.

BIDV cũng đã triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động, kiểm tra sức chịu đựng về vốn đáp ứng các quy định của NHNN. Đồng thời, xây dựng và triển khai chương trình Quản lý rủi ro hoạt động và các giải pháp phần mềm hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động; Xây dựng và triển khai hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ, đột xuất; Triển khai các chương trình đào tạo, truyền thông định kỳ nhằm nâng cao kiến thức, nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro; Tăng cường thực hiện các báo cáo chuyên đề, cảnh báo rủi ro kịp thời.

3.5. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

BIDV đã triển khai đầy đủ các nội dung để quản lý rủi ro thanh khoản theo quy định hiện hành của NHNN, đồng thời nghiên cứu áp dụng thông lệ tiên tiến phù hợp. Hệ thống văn bản được ban hành đồng bộ bao gồm chính sách, quy định, các văn bản hướng dẫn. BIDV cũng thực hiện nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro và báo cáo theo đúng quy định của NHNN và đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ.

Bên cạnh việc đảm bảo các chỉ tiêu, tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN, BIDV còn xây dựng hệ thống chỉ tiêu cảnh báo sớm căng thẳng thanh khoản, áp dụng các chỉ tiêu đo lường rủi ro thanh khoản theo thông lệ tiên tiến, xây dựng mô hình hành vi khách hàng,... Kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ nhằm xác định khả năng chống đỡ của Ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng thanh khoản, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp.

3.6. *Rủi ro tập trung*

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

BIDV đã thực hiện đầy đủ trong hoạt động nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro tập trung, đảm bảo tuân thủ quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN và các quy định nội bộ của BIDV về kiểm soát các giới hạn an toàn trong hoạt động ngân hàng.

3.7. *Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng*

Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2025, tổng các cam kết ngoại bảng của BIDV là 286.133 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 274.909 tỷ đồng, các cam kết khác là 11.224 tỷ đồng. Rủi ro từ các cam kết ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (mất khả năng thanh toán Thư tín dụng (L/C), không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh). Khi đó BIDV sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, BIDV đã ban hành quy trình thẩm định, phê duyệt và phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, quy định về định hạng tín dụng và phân loại khách hàng, quy định về tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng cũng như mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- Đối với các cam kết bảo lãnh: BIDV phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần (lần lượt là: bảo lãnh dự thầu/bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn,...). Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, BIDV sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ phù hợp để hạn chế rủi ro.
- Đối với các cam kết thanh toán L/C: BIDV quản lý khả năng xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, quy định về nguồn thanh toán L/C và yêu cầu tỷ lệ ký quỹ/tài sản đảm bảo tương ứng với mức độ tín nhiệm của từng nhóm khách hàng.

4. *Rủi ro đặc thù khác*

4.1. *Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin*

Rủi ro công nghệ thông tin có thể phát sinh do nhiều nguyên nhân khác nhau, BIDV đã nhận dạng và phân loại rủi ro CNTT, bao gồm: Rủi ro kiến trúc, chiến lược CNTT, Rủi ro an ninh mạng, Rủi ro gián đoạn hệ thống CNTT, Rủi ro thực thi chương trình CNTT, Rủi ro vận hành hệ thống CNTT, Rủi ro sử dụng dịch vụ CNTT bên thứ ba. Đối với mỗi loại hình rủi ro CNTT, BIDV thực hiện nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro theo Quy định quản lý rủi ro CNTT (được rà soát, cập nhật định kỳ hàng năm).

Trong số các rủi ro được nhận diện, rủi ro về an ninh mạng và gián đoạn hệ thống CNTT có thể gây ra ảnh hưởng lớn nhất tới hoạt động của Ngân hàng. Để triển khai các biện pháp kiểm soát

đối với các rủi ro này, BIDV đã triển khai đồng bộ các công tác đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình hoạt động thực tế. Theo đó, BIDV đã triển khai đáp ứng đầy đủ Thông tư 09/2020/TT-NHNN Quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến công tác bảo đảm an toàn thông tin và hoạt động liên tục cho các hệ thống CNTT. Về công tác an ninh bảo mật hệ thống, BIDV triển khai đồng bộ cả 03 yếu tố: (i) Tăng cường cả về số lượng và chất lượng nhân sự về an toàn thông tin; (ii) Hoàn thiện các quy trình, chính sách về an toàn thông tin; (iii) Triển khai các giải pháp công nghệ hiện đại về an ninh bảo mật, dự phòng thảm họa CNTT.

4.2. Rủi ro đối với BIDV

- ❖ BIDV là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao

Sau khi thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) thành công vào cuối tháng 12 năm 2011, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, BIDV chính thức hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê chuẩn BIDV là công ty đại chúng vào ngày 24/01/2014, cổ phiếu BIDV chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (mã cổ phiếu: BID).

Hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần giúp BIDV có thể đa dạng hóa hình thức sở hữu và từng bước giảm sự phụ thuộc về vốn vào Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, điều đó có thể dẫn tới việc BIDV sẽ phải tuân thủ hệ thống quy định về quản trị điều hành, giám sát mới.

BIDV hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng khác, bao gồm các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường rộng hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

- ❖ Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý

BIDV lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo VAS và IFRS mà các chuẩn mực này có những khác biệt cơ bản. Trừ trường hợp được quy định khác đi, các thông tin tài chính thể hiện trong Bản công bố thông tin này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS.

NHNN quy định hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Nhà nước, các ngân hàng thương mại cổ phần mà Nhà nước có cổ phần chi phối và có khả năng tác động đến thị trường ngân hàng tài chính nói chung. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác so với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Bên cạnh đó, do BIDV hoạt động trong ngành ngân hàng và chứng khoán là những ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và các quy định cụ thể tại Việt Nam đối với các lĩnh vực đặc thù nêu trên.

5. Rủi ro liên quan đến trái phiếu và đợt chào bán

- ❖ *Trái phiếu không được chào bán hết*

Đợt chào bán trái phiếu không có tổ chức bảo lãnh phát hành hay đại lý phát hành do đó có thể có khả năng không huy động được đủ số vốn dự kiến. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng trái phiếu đã đăng ký, BIDV có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác... phù hợp với quy định của pháp luật.

❖ ***Trái Phiếu không được bảo đảm***

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành.

Do đó, trong trường hợp BIDV phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của BIDV. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của BIDV. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà BIDV có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- Trái Phiếu chỉ được BIDV mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- BIDV được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của BIDV bị lỗ.

❖ ***Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp***

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của BIDV và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

❖ ***Phát hành thêm chứng khoán***

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BIDV có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ ***Rủi ro về việc sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán***

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động cho BIDV và thực hiện cho vay nền kinh tế. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào

bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...

❖ ***Bảo hiểm tiền gửi***

Nhà đầu tư là tổ chức cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của Tổ Chức Phát Hành, ảnh hưởng đến các hoạt động quản lý tài sản và nguồn vốn, quản lý nguồn nhân lực và quy trình vận hành hệ thống. Để giảm thiểu rủi ro, BIDV luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát, kiểm toán nội bộ.

7. Rủi ro khác

7.1. Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động của Tổ Chức Phát Hành còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, bãi công, chiến tranh,...v.v là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa dự kiến của Tổ Chức Phát Hành. Nếu các rủi ro này xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và khiến gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

7.2. Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam

❖ ***Thuế tại Việt Nam***

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BIDV có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV.

❖ ***Hạn chế chuyển tài sản về nước***

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại tổ chức tín dụng được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA BIDV.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- “ATM”: Máy rút tiền tự động
- “BIDV”, “Tổ Chức Phát Hành”: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- “CHDCND”: Cộng hòa dân chủ nhân dân
- “CMND”: Chứng minh thư nhân dân
- “CCCD”: Căn cước công dân
- “CNTT”: Công nghệ Thông tin
- “CTCP”: Công ty Cổ phần
- “ĐHĐCĐ”: Đại Hội đồng Cổ đông
- “Giấy CNĐKDN”: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- “HĐQT”: Hội đồng Quản trị
- “MAS”: Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
- “ISO”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- “MHB”: Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- “NHTM”: Ngân hàng Thương mại
- “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- “TMCP”: Thương mại Cổ phần
- “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
- “TCTD”: Tổ chức tín dụng
- “UBCKNN”: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- “USD”: Đồng đô la Mỹ
- “VND”: Việt Nam Đồng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Tên viết tắt: BIDV

- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- Logo: **BIDV** 
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024
- Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024.22205544
- Fax: 024.22200399
- Website: www.bidv.com.vn
- Vốn điều lệ: 70.213.619.170.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi nghìn hai trăm mười ba tỷ sáu trăm mười chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*)
- Mã cổ phiếu: BID
- Sàn niêm yết: HSX
- Mã số thuế: 0100150619
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc Lâm** – Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**
- Giấy phép thành lập và hoạt động của BIDV:

Ngày 23 tháng 04 năm 2012, BIDV được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN (Giấy phép 84), Giấy phép này đã được NHNN nhiều lần sửa đổi, bổ sung, dưới đây là các Văn bản sửa đổi, bổ sung và còn hiệu lực đến nay:

- + Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015;
- + Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017;
- + Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018;
- + Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/5/2018;
- + Quyết định số 1506/QĐ-NHNN ngày 27/09/2021;
- + Quyết định 466/QĐ-NHNN ngày 29/3/2022;
- + Quyết định số 1752/QĐ-NHNN ngày 15/04/2025;
- + Quyết định số 884/QĐ-QLGS2 ngày 13/05/2025;
- + Quyết định số 2289/QĐ-QLGS2 ngày 05/09/2025;

- + Giấy phép kinh doanh mua bán, vàng miếng số 269/GP-NHNN ngày 28/12/2012;
- + Quyết định số 909/QĐ-NHNN ngày 08/5/2018 điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua bán vàng miếng số 269/GP-NHNN ngày 28/12/2012.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Ngành nghề kinh doanh chính: BIDV được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp; các Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã ngành 6419 (chính)) và Điều lệ hoạt động của BIDV, phù hợp với các quy định của pháp luật, bao gồm:

- + Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- + Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài;
- + Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
 - f) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.
- + Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- + Cung ứng các phương tiện thanh toán;
- + Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế;
 - c) Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật.

- + Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- + Mở tài khoản:
 - a) Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác;
 - c) Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- + Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán:
 - a) Tổ chức thanh toán nội bộ, thanh gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
 - b) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.
- + Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;
- + Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- + Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- + Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất;
- + Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- + Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại:
 - a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
 - c) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - d) Cung cấp dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - e) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng;
 - f) Hoạt động mua nợ;

- g) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán;
- h) Ngân hàng giám sát theo pháp luật chứng khoán;
- i) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- j) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- k) Dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại và các hoạt động kinh doanh khác được NHNN chấp thuận theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ với nhiệm vụ chính ban đầu là cấp phát vốn ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ bản, phục vụ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong suốt 18 năm (từ 1957 đến 1975), Ngân hàng Kiến thiết đã bám sát nhiệm vụ cốt lõi, cấp phát vốn kịp thời, hiệu quả để xây dựng hàng trăm công trình quốc kế dân sinh ở miền Bắc. Đồng thời, ngân hàng đã tổ chức những đơn vị đặc biệt để cấp vốn xây dựng các công trình cầu đường, thông tin liên lạc, đường ống xăng dầu dọc tuyến đường Hồ Chí Minh, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, Ngân hàng Kiến thiết đã tiếp quản và sớm hình thành mạng lưới hoạt động ở các tỉnh thành phía Nam để làm nhiệm vụ quản lý và cung ứng vốn nhằm tái thiết và xây dựng CNXH trên cả nước. Trong giai đoạn này, ngân hàng đã tập trung mọi nguồn lực với trách nhiệm cao nhất để tiếp tục thực hiện quản lý hiệu quả nguồn vốn phục vụ xây dựng các công trình tạo đà cho phát triển kinh tế.

Nhằm triển khai chủ trương tập trung hệ thống tín dụng, tiền tệ vào một ngân hàng thống nhất, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 259/CP ngày 24/6/1981 về việc chuyển Ngân hàng Kiến thiết thuộc Bộ Tài chính để thành lập Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước với nghiệp vụ chủ yếu vẫn là cấp phát, cho vay thi công xây lắp. Đây cũng là thời gian Ngân hàng tham gia tích cực vào việc cung ứng vốn xây dựng nhiều công trình lớn, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong gần 10 năm, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng đã vượt qua nhiều khó khăn để có những bước phát triển mạnh mẽ trong dòng chảy đổi mới của đất nước, khẳng định vị thế là một ngân hàng chuyên doanh chủ lực trong lĩnh vực kiến thiết, đầu tư, xây dựng đất nước. Qua đó, ngân hàng đã góp phần thiết thực hình thành cơ chế mới trong đầu tư kinh tế, khơi dậy tiềm năng to lớn của toàn xã hội để phát triển sản xuất kinh doanh.

Thực hiện Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 401/CT ngày 14/11/1990 để thành lập Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) trên cơ sở chuyển đổi từ Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng. Tiếp tục phát huy truyền thống xung kích và sáng tạo, BIDV đã có những đột phá về xóa bao cấp trong đầu tư xây dựng cơ bản, tự lo một phần tới tự lo toàn bộ nguồn vốn cho đầu tư trung và dài hạn các công trình, dự án theo kế hoạch nhà nước; từ độc

canh tín dụng theo kế hoạch đã phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ mới theo nhu cầu của thị trường.

Đến cuối năm 1994, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, hoạt động cấp phát, tín dụng chỉ định được tách ra khỏi chức năng nhiệm vụ của BIDV để hình thành nên Tổng cục Đầu tư Phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam). Và kể từ 01/01/1995, BIDV chính thức hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại. Mặc dù chính thức chuyển sang kinh doanh thương mại muộn nhất trong số các ngân hàng quốc doanh của Việt Nam, song bằng khát vọng cống hiến, bản lĩnh vững vàng, tinh thần đoàn kết, sự năng động sáng tạo,... BIDV đã trưởng thành vượt bậc về bản lĩnh vượt khó và tư duy kinh doanh; gặt hái được những thành tựu quan trọng về phát triển thể chế, mạng lưới, sản phẩm - dịch vụ, công nghệ, đối ngoại,... Trong suốt thời gian tiếp đó, BIDV đã có những đổi mới toàn diện và mạnh mẽ, đột phá và tăng tốc; hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả; vươn lên thành một ngân hàng có đẳng cấp cao, có đủ năng lực cạnh tranh và tự tin tham gia vào sân chơi quốc tế.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, BIDV cổ phần hóa thành công và từ tháng 5/2012 chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (theo Giấy phép số 84/GP-NHNN ngày 23/4/2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Từ đó đến nay, BIDV tiếp tục quán triệt, chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ; chỉ đạo điều hành của Ngân hàng Nhà nước; linh hoạt theo diễn biến thị trường, chủ động, sáng tạo, nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và kế hoạch kinh doanh. BIDV đã chuyển đổi toàn diện, đồng bộ sang mô hình ngân hàng thương mại hiện đại, đa năng; xác lập mô hình kinh doanh theo tiêu chí của ngân hàng hiện đại; xác định khách hàng là trung tâm, công nghệ và nguồn nhân lực là giá trị, là công cụ cạnh tranh cốt lõi. BIDV cũng đã có những bước tiến phát triển trong đổi mới thể chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành. Hoạt động kinh doanh của BIDV luôn tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành ngân hàng và đất nước.

Trong giai đoạn này, có một số dấu mốc đáng chú ý: (i) Ngày 25/5/2015, BIDV sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) vào hệ thống; (ii) Ngày 11/11/2019, BIDV hoàn thành giao dịch hợp tác chiến lược với Tập đoàn tài chính Hana (Hàn Quốc) và công bố Ngân hàng Hana trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài. Đây là giao dịch mua bán sáp nhập lớn nhất lịch sử ngành tài chính ngân hàng Việt Nam, đem lại lợi ích to lớn cho BIDV và cho cổ đông Nhà nước; (iii) Ngày 11/01/2021, BIDV ban hành “Chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV đến năm 2025, tầm nhìn 2030”; (iv) Ngày 26/04/2022, nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập, BIDV chính thức điều chỉnh nhận diện thương hiệu; (v) Ngày 03/09/2023, BIDV chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi Core Banking Profile - mở ra một chặng đường mới trong lịch sử phát triển của BIDV, trong đó BIDV tự tin làm chủ công nghệ, sáng tạo đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và củng cố vị thế ngân hàng trong tương lai; (vi) Năm 2024, BIDV tiếp tục khẳng định vai trò dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính xanh với việc phát hành thành công 5.500 tỷ đồng trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững, có quy mô lớn nhất tại Việt Nam

Trải qua 68 năm hoạt động với 30 năm kinh doanh thương mại, từ một ngân hàng đơn sở hữu, hoạt động đơn lĩnh vực trong môi trường nội địa và khách hàng thuần túy là doanh nghiệp nhà nước, BIDV ngày nay đã trở thành một định chế tài chính đa sở hữu, hoạt động đa quốc gia, kinh doanh đa năng, đa lĩnh vực, vận hành công khai, minh bạch theo chuẩn mực, thông lệ quản trị quốc tế. Từ một ngân hàng chuyên doanh với quy mô ban đầu rất khiêm tốn là 11 chi nhánh và 200 cán bộ, BIDV ngày nay có mạng lưới kinh doanh rộng khắp gồm hơn 1.100 chi nhánh, phòng giao dịch trong và ngoài nước, 10 công ty con và các hiện diện thương mại tại Lào,

Campuchia, Myanmar, Nga, Đài Loan (Trung Quốc) với gần 30.000 cán bộ được đào tạo bài bản, dày dạn kinh nghiệm. BIDV hiện đang phục vụ gần 22 triệu khách hàng cá nhân, gần 500.000 khách hàng doanh nghiệp; hợp tác, giao dịch với hơn 2.300 định chế tài chính ở 177 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Vào thời điểm kết thúc Quý III/2025, BIDV vững vàng với vị thế là ngân hàng thương mại có quy mô đứng đầu Việt Nam với tổng tài sản đạt trên 3 triệu tỷ đồng (tương đương khoảng 114 tỷ USD); vốn điều lệ đạt 70.214 tỷ đồng.

Với những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước, BIDV tự hào được Đảng, Nhà nước Việt Nam phong tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Ba; Huân chương Lao động các hạng... BIDV cũng đã được Đảng, Nhà nước Lào trao tặng thưởng Huân chương Hữu nghị, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất...; được Quốc vương Campuchia trao tặng Huân chương Hoàng gia hạng Nhất, Huân chương Monisaraphon hạng Maha Sereivath... Bên cạnh đó, BIDV còn được các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế ghi nhận, vinh danh với nhiều giải thưởng, tiêu biểu như: Top 1.000 công ty đại chúng lớn nhất và quyền lực nhất thế giới, Top 10 Doanh nghiệp bền vững lĩnh vực thương mại – dịch vụ, Top 25 Thương hiệu tài chính dẫn đầu Việt Nam, Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng SME tốt nhất Đông Nam Á; Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng Chuyển đổi số xuất sắc; Doanh nghiệp vì cộng đồng...

Bảng 1: Chặng đường phát triển của BIDV

Năm	Sự kiện
26/04/1957	Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước.
27/05/1957	Thành lập 11 Chi nhánh Ngân hàng Kiến thiết đầu tiên
15/11/1976	Mở rộng quy mô hoạt động ra toàn quốc
24/06/1981	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước).
14/11/1990	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
1992	Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
01/01/1995	Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.
23/03/1996	Trở thành Doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt
1996	Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay.
27/12/2000	Đón nhận Danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới”
2001	Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.

2001–2006	Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng.
2006	Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody's thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay.
25/04/2007	Đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh
2008	Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do World Bank tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng.
2009	Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng.
2010	Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P.
2011	Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương đương với 847,5 tỷ đồng), giá đầu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).
08/03/2012	Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam.
01/05/2012	Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng.
06/08/2013	Tăng vốn điều lệ lên 28.112.026.440.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
24/01/2014	Cổ phiếu BIDV (mã BID) chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
25/05/2015	Sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) vào hệ thống BIDV

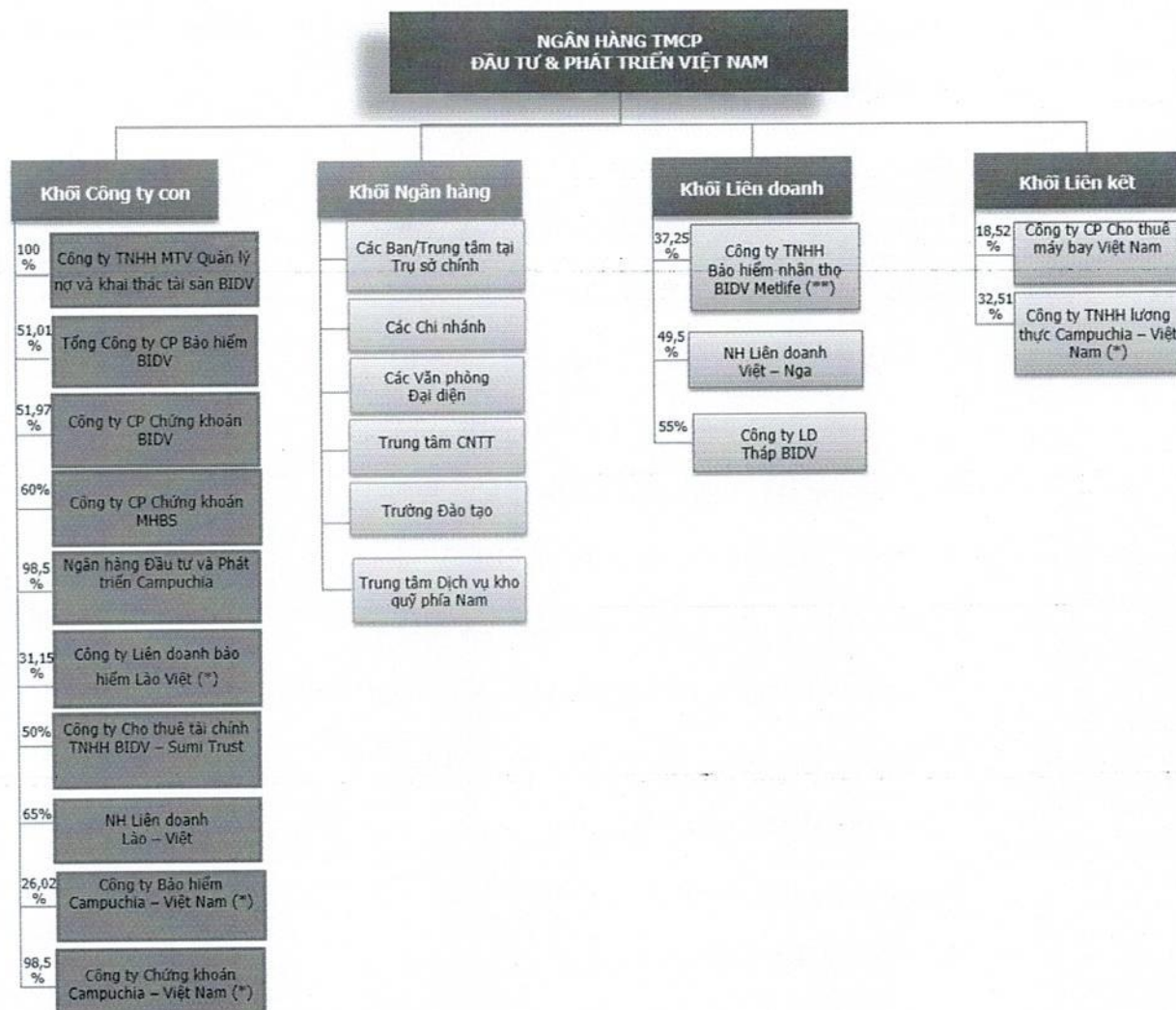
2015	22/05/2015: Tăng vốn điều lệ lên 31.481.237.440.000 đồng 29/09/2015: Tăng vốn điều lệ lên 34.187.153.340.000 đồng.
30/06/2016	BIDV được cấp phép chính thức thành lập chi nhánh tại Myanmar.
2016	BIDV trở thành ngân hàng TMCP đầu tiên cán mốc giá trị tổng tài sản trên 1 triệu tỷ đồng.
26/4/2017	Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập BIDV và đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam, Huân chương độc lập hạng nhất của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Huân chương Hoàng gia cao quý nhất của Quốc vương Campuchia.
11/11/2019	Hoàn thành giao dịch chiến lược với Tập đoàn Tài chính Hana (Hàn Quốc) và công bố Hana Bank trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài sở hữu 15% vốn điều lệ của BIDV. Đây là thương vụ M&A với một nhà đầu tư chiến lược lớn nhất trong lịch sử ngành ngân hàng Việt Nam. Tăng vốn điều lệ lên 40.220.180.400.000 VND
11/01/2021	Ban hành “Chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV đến năm 2025, tầm nhìn 2030”.
31/12/2021	Căn cứ văn bản số 8625/NHNN-TTGSNH ngày 07/12/2021 của NHNN về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của BIDV, BIDV phát hành thành công hơn 1.036 triệu cổ phiếu để chi trả cổ tức và tăng vốn điều lệ lên 50.585 tỷ đồng, tiếp tục giữ vững vị trí là ngân hàng thương mại có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường.
26/04/2022	Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập, BIDV chính thức điều chỉnh nhận diện thương hiệu
03/9/2023	Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi Core Banking Profile
21/12/2023	Tăng vốn điều lệ lên 57.004.359.000.000 đồng.
31/12/2024	Tăng vốn điều lệ lên 68.975.152.680.000 đồng
05/03/2025	Tăng vốn điều lệ lên 70.213.619.170.000 đồng

Nguồn: BIDV

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV

[Hình vẽ ở trang tiếp theo]



Nguồn: BIDV

Ghi chú:

(*) Sở hữu gián tiếp qua công ty con.

(**) Sở hữu trực tiếp và gián tiếp qua công ty con

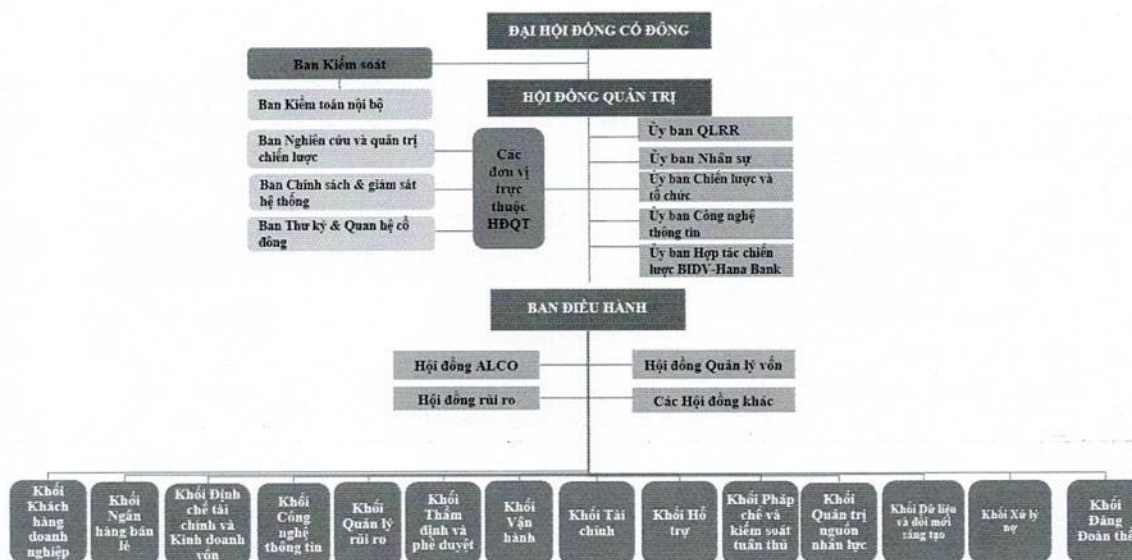
Tính đến thời điểm hiện tại, cơ cấu tổ chức của BIDV như sau:

- ❖ Khối ngân hàng: gồm có
 - 01 Trụ sở chính tại Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - 175 Chi nhánh tại Việt Nam; 1 Chi nhánh ở nước ngoài (tại Myanmar);
 - 927 Phòng Giao dịch;

- 03 Đơn vị Sự nghiệp (Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trung tâm Dịch vụ Kho quỹ phía Nam, Trường Đào tạo);
 - 02 Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (TP Hồ Chí Minh và TP Đà Nẵng);
 - 04 Văn phòng Đại diện ở nước ngoài (Campuchia, Lào, Đài Loan, Liên Bang Nga).
 - ❖ Khối công ty con gồm 10 đơn vị, gồm:
 - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (BAMC);
 - Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC);
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC);
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS);
 - Ngân hàng liên doanh Lào-Việt (LVB);
 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC);
 - Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi TRUST (BSL);
 - Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI);
 - Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (CVS);
 - Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI).
 - ❖ Khối liên doanh gồm 03 đơn vị:
 - Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB);
 - Công ty liên doanh Tháp BIDV;
 - Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.
 - ❖ Khối Liên kết gồm 02 đơn vị:
 - Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC);
 - Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam.
- 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành**

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV

[Hình vẽ ở trang tiếp theo]



Nguồn: BIDV

4.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

4.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát BIDV hiện tại gồm 05 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Tạ Thị Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát
2	Ông Cao Cự Trí	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm Soát
4	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên Ban Kiểm Soát
5	Ông Huỳnh Phương	Thành viên Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

4.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị BIDV gồm 11 thành viên.

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Phan Đức Tú	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Ngọc Lâm	Ủy viên
3	Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên
4	Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
5	Ông Phạm Quang Tùng	Ủy viên
6	Ông Yoo Je Bong	Ủy viên
7	Ông Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
8	Ông Lê Kim Hòa	Ủy viên
9	Ông Quách Hùng Hiệp	Ủy viên
10	Ông Lê Quốc Nghị	Ủy viên
11	Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên độc lập

Các Ban, Ủy Ban trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm:

- Ủy ban Chiến lược và tổ chức
- Ủy ban Quản lý rủi ro
- Ủy ban nhân sự
- Ủy ban Công nghệ thông tin
- Ủy ban Hợp tác chiến lược BIDV – Hanabank
- Ban Thư ký và Quan hệ cổ đông
- Ban Chính sách và Giám sát hệ thống
- Ban Nghiên cứu và Quản trị Chiến lược

4.4. Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của BIDV theo Điều Lệ của BIDV. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Điều hành có các hội đồng là Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (Hội đồng ALCO), Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng rủi ro, Hội đồng tín dụng Trung ương và một số Hội đồng khác.

Cơ cấu Ban Điều hành BIDV như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Hoàng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
9	Ông Đoàn Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Lại Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc
11	Ông Ham Jin Sik	Thành viên Ban điều hành
12	Bà Bùi Thị Hòa	Kế toán trưởng

4.5. Các khối chức năng tại Trụ sở chính:

Trụ sở chính của BIDV được tổ chức theo 14 khối chức năng, 3 đơn vị giúp việc HĐQT bao gồm:

- ❖ Khối Khách hàng doanh nghiệp chịu trách nhiệm: (i) Duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng doanh nghiệp; (ii) Xây dựng, quản lý, phát triển và đầu mối triển khai các sản phẩm tới các khách hàng là doanh nghiệp, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này; (ii) Quản lý và phát triển hoạt động tài trợ dự án, tư vấn, thu xếp phát hành và mua bán trái phiếu doanh nghiệp và các hoạt động ngân hàng đầu tư; (iii) Thu hút và quản lý các nguồn vốn ủy thác quốc tế.
- ❖ Khối Ngân hàng bán lẻ chịu trách nhiệm: (i) Quản lý, triển khai các hoạt động Marketing các sản phẩm ngân hàng bán lẻ và quản lý, phát triển mạng lưới/kênh phân phối của ngân hàng/đối tác để triển khai các sản phẩm ngân hàng bán lẻ; (ii) Xây dựng, quản lý, phát triển và đầu mối triển khai các sản phẩm dịch vụ bán lẻ dành cho Khách hàng cá nhân phù hợp theo từng phân khúc Khách hàng (Khách hàng thông thường, Khách hàng ưu tiên, Khách hàng cá nhân cao cấp,...); (iii) Triển khai, quản lý và phát triển hoạt động hỗ trợ, chăm sóc khách hàng, tiếp thị bán sản phẩm dịch vụ ngân hàng qua hệ

thông tổng đài/website/email,... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

- ❖ **Khối Định chế tài chính và Kinh doanh vốn:** Duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng định chế tài chính, chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch kinh doanh vốn và tiền tệ phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) cho Sở Ngân hàng, tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- ❖ **Khối Công nghệ thông tin** chịu trách nhiệm: (i) phát triển các sản phẩm ngân hàng số hiện đại và công tác số hóa hoạt động ngân hàng trong toàn hệ thống; (ii) quản lý hoạt động công nghệ thông tin của ngân hàng; (iii) triển khai công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân tại BIDV theo quy định của Pháp luật.
- ❖ **Khối Quản lý rủi ro**, chịu trách nhiệm: (i) triển khai công tác Quản lý rủi ro đối với các loại rủi ro trọng yếu theo quy định của Ngân hàng nhà nước và các loại rủi ro khác tại BIDV; (ii) Quản lý danh mục tín dụng và giám sát, kiểm soát các hoạt động tín dụng; (iii) đầu mối triển khai công tác giám sát tín dụng độc lập; (iv) Triển khai công tác phòng, chống rửa tiền; phòng, chống khủng bố; phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; công tác tuân thủ các chính sách cấm vận; (iv) Triển khai công tác Văn hóa kiểm soát rủi ro, Basel và kiểm định mô hình.
- ❖ **Khối Thẩm định và phê duyệt**, chịu trách nhiệm: (i) thẩm định độc lập các đề xuất cấp tín dụng, đầu tư, cấp hạn mức giao dịch tương lai hàng hóa từ các bộ phận kinh doanh, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng/cấp hạn mức giao dịch tương lai hàng hóa theo thẩm quyền được giao; (ii) Thực hiện định giá tài sản bảo đảm (định giá lần đầu và định giá lại) đối với các hồ sơ đề nghị định giá tài sản bảo đảm đảm bảo cho nghĩa vụ của Khách hàng tại BIDV từ Chi nhánh/các đơn vị kinh doanh; (iii) Kiểm soát, kiểm tra chất lượng hoạt động định giá tài sản bảo đảm toàn hệ thống.
- ❖ **Khối Vận hành**, chịu trách nhiệm: (i) Thực hiện quản lý các hoạt động tác nghiệp về thanh toán, chuyển tiền trong nước, quốc tế, tài trợ thương mại và tác nghiệp bảo lãnh quốc tế của toàn hệ thống; (ii) Quản lý hoạt động tác nghiệp về quản trị tín dụng, giao dịch khách hàng tại bộ phận giao dịch khách hàng của chi nhánh; (iv) Trực tiếp tác nghiệp quản trị tín dụng, giải ngân và kinh doanh vốn tại Trụ sở chính; (v) Quản lý công tác tiền tệ, kho quỹ trong toàn hệ thống, thực hiện thu chi tiền mặt đối với các chi nhánh.
- ❖ **Khối Tài chính** chịu trách nhiệm: (i) Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và các công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán Trụ sở chính và kế toán chung; quản lý tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát hoạt động tài chính; (ii) Quản lý kế hoạch kinh doanh của các đơn vị, xếp hạng chi nhánh/phòng giao dịch và quản lý mạng lưới tại BIDV; (iii) Quản lý cân đối tài sản nợ - có, báo cáo đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; (iii) Báo cáo phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tài chính các cấp và các báo cáo chuyên đề phục vụ quản trị điều hành (iv) quản lý hoạt động đầu tư của toàn hệ thống.
- ❖ **Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ** chịu trách nhiệm: (i) kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, quy trình, quy định của BIDV đối với tất cả các mặt hoạt động; (ii) Quản lý công tác pháp chế, chế độ, đầu mối quản lý, tham gia giải quyết các tranh chấp của ngân hàng.

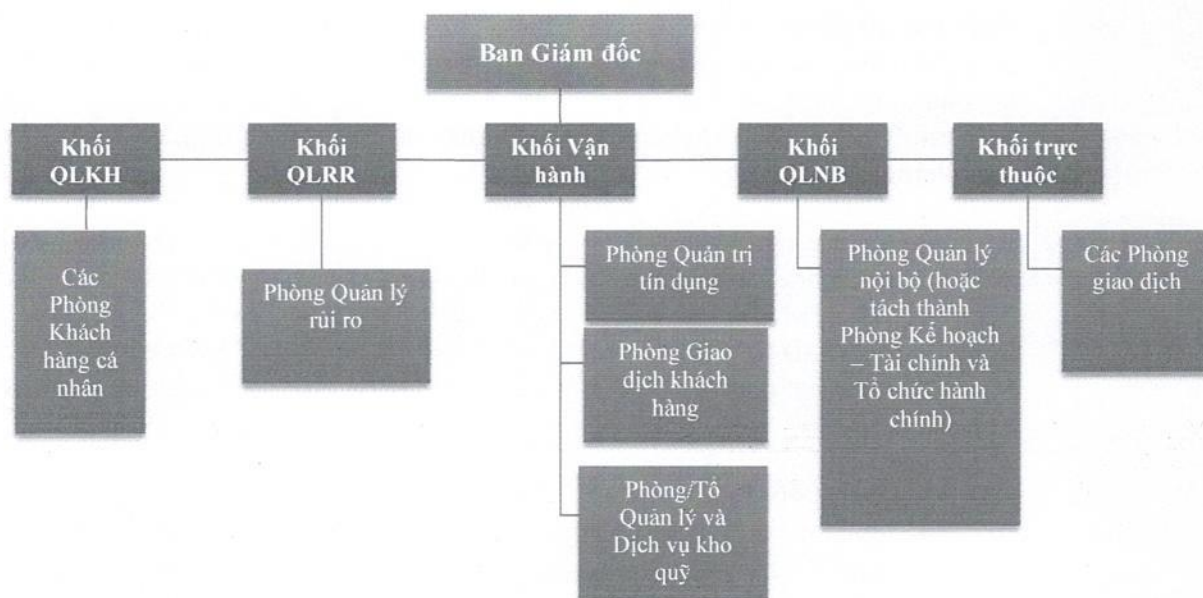
- ❖ **Khối Hỗ trợ:** chịu trách nhiệm thực hiện hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng, bao gồm các công tác: truyền thông, thương hiệu; quản lý công tác đầu tư mua sắm tài sản, thuê tài sản và quản lý tài sản nội ngành; quản lý đầu tư xây dựng công trình; triển khai công tác đấu thầu, mua sắm tập trung; công tác hành chính, văn phòng.
- ❖ **Khối Quản trị nguồn nhân lực:** (i) Triển khai công tác thiết kế tổ chức (xây dựng, quản lý mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ, hệ thống vị trí chức danh, mô tả công việc của các Đơn vị) (ii) phát triển, quản lý nguồn nhân lực trong toàn hệ thống; triển khai hoạt động đào tạo; (iii) triển khai công tác khảo thí; (iv) quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của hệ thống trên cơ sở chiến lược, kế hoạch và yêu cầu quản trị nội bộ của BIDV
- ❖ **Khối dữ liệu và đổi mới sáng tạo:** Xây dựng, triển khai ứng dụng AI, nghiên cứu, phát triển thử nghiệm các ý tưởng, sáng kiến công nghệ đột phá, dẫn dắt hoạt động đổi mới sáng tạo tại BIDV; Tổ chức triển khai công tác quản trị dữ liệu, kiến trúc dữ liệu, quản lý hệ thống thông tin báo cáo và công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân, phân tích dữ liệu nâng cao
- ❖ **Khối xử lý nợ** (đơn vị độc lập thuộc cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính), chịu trách nhiệm quản lý, xử lý và thu hồi các khoản nợ ngoại bảng, nợ xấu, nợ có vấn đề cần xử lý được Ban Lãnh đạo giao.
- ❖ **Khối Đảng đoàn thể:** Tham mưu, giúp việc cho Cơ quan Đảng Ủy BIDV để phục vụ công tác Đảng theo quy định, Phụ trách công tác Đoàn thanh niên toàn hệ thống, Phụ trách công tác Công đoàn toàn hệ thống
- ❖ **Các đơn vị giúp việc HĐQT:** Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác điều hành, quản trị chiến lược, giám sát hệ thống và quản lý quan hệ cổ đông.

4.6. **Cấu trúc các chi nhánh**

Tính đến thời điểm hiện tại, BIDV có 176 chi nhánh (bao gồm 175 chi nhánh tại Việt Nam và 01 chi nhánh nước ngoài tại Myanmar). Mô hình chi nhánh tại Việt Nam có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 3: Mô hình tổ chức các chi nhánh của BIDV

[Hình vẽ ở trang tiếp theo]



(1) Cơ cấu tổ chức thông thường của chi nhánh bao gồm Ban Giám đốc và các Khối chức năng giúp việc cho Ban Giám đốc như sau:

- Khối Quản lý khách hàng: Gồm các Phòng khách hàng
- Khối Quản lý rủi ro: Gồm Phòng quản lý rủi ro
- Khối Vận hành: Gồm Phòng Quản trị tín dụng, Phòng Giao dịch khách hàng, Phòng/Tổ Quản lý và Dịch vụ kho quỹ
- Khối Quản lý nội bộ: Gồm Phòng Quản lý nội bộ (hoặc tách thành Phòng Kế hoạch – Tài chính và Tổ chức hành chính)
- Khối trực thuộc: Gồm các Phòng Giao dịch

(2) Phòng Quản lý và dịch vụ kho quỹ chỉ có tại các chi nhánh có quy mô giao dịch lớn.

(3) Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long không có các Phòng khách hàng cá nhân và Khối trực thuộc.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Danh sách công ty mẹ, công ty con của BIDV, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với BIDV, những công ty mà BIDV nắm quyền kiểm soát hoặc

cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/09/2025 như sau:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

BIDV hiện có duy nhất 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với BIDV là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), cụ thể như sau:

- NHNN đóng vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại BIDV.
- Trụ sở chính của NHNN đặt tại 49 Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.
- NHNN tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 06/05/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
 - + NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
 - + Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Tỷ lệ sở hữu của NHNN tại BIDV tại 30/09/2025: 79,56% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách các công ty con của BIDV:

Bảng 2: Danh sách các công ty con trong năm 2023, 2024 và đến thời điểm 30/09/2025

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2023	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2024	Tỷ lệ sở hữu của BIDV đến thời điểm 30/09/2025
1	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản BIDV ("BAMC")	Giấy CNĐKDN số 0101196750 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	05/2018	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%	100,00%	100,00%
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	Giấy phép số B7.09.148 ngày 14 tháng 08 năm 2009 do Ngân hàng Quốc gia Campuchia cấp	08/2009	Ngân hàng	98,50%	98,50%	98,50%
3	Công ty Chứng khoán	Giấy ĐKKD số Co0394E/2010 do Bộ	02/2010	Chứng khoán	98,50%	98,50%	98,50%

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2023	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2024	Tỷ lệ sở hữu của BIDV đến thời điểm 30/09/2025
	Campuchia – Việt Nam ("CVS") (*)	Thương mại Campuchia cấp ngày 23/02/2010					
4	Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt ("LVB")	Giấy phép số 985-326 ngày 10 tháng 06 năm 1999 và bản sửa đổi bổ sung mới nhất số bản sửa đổi bổ sung mới nhất số 003-2021/KH-ĐT4 ngày 04 tháng 1 năm 2021 do Ủy Ban Quản lý Đầu tư Nước ngoài của CHDCND Lào cấp	06/1999	Ngân hàng	65,00%	65,00%	65,00%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV ("BSC")	Số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 và GPĐC gần nhất số 65/GPĐC-UBCK ngày 11/08/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	11/1999	Thị trường vốn	51,96%	51,96%	51,97%
6	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV ("BIC")	Giấy phép số 11/GPĐC20/KDBH ngày 26 tháng 07 năm 2022 của Bộ Tài chính	01/2006	Bảo hiểm	51,01%	51,01%	51,01%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB ("MHBS")	Giấy phép số 45/UBCK- GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006	12/2006	Thị trường vốn	60,00%	60,00%	60,00%
8	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST ("BSL")	Giấy CNĐKDN số 0100777569, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 7 tháng 4 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	05/2017	Cho thuê tài chính	50,00%	50,00%	50,00%
9	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt ("LVI") (*)	077-08/ĐT ngày 19/06/2008 do Bộ Kế hoạch Đầu tư nước CHDCND Lào cấp	06/2008	Bảo hiểm	33,15%	33,15%	33,15%
10	Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam ("CVI") (*)	Số Co. 6037/09E ngày 06 tháng 08 năm 2009 của Bộ Thương mại Campuchia	11/2009	Bảo hiểm	50,23%	50,23%	26,02%

(*) Sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

Nguồn: BIDV

5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV:

Bảng 3: Danh sách các công ty liên doanh liên kết trong năm 2023, 2024 và đến thời điểm 30/09/2025

STT	Tên Công ty	Giấy ĐKKD/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2023	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2024	Tỷ lệ sở hữu của BIDV 30/09/2025
I. Công ty liên doanh							
1	Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga (“VRB”)	Giấy CNĐKDN số 0102100878 ngày 09/11/2006 của Sở KHĐT Hà Nội, sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/7/2022	11/2006	Tài chính/Ngân hàng	50,00%	49,50%	49,50%
2	Công ty liên doanh Tháp BIDV (“BIDV Tower”)	Giấy phép số 2523/GP do Bộ KHĐT cấp ngày 02/11/2005	11/2005	Xây dựng, vận hành và quản lý khối văn phòng làm việc	55,00%	55,00%	55,00%
3	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife (“BML”)	72/GPĐC5/KD BH do Bộ Tài chính cấp ngày 28/8/2024	07/2014	Bảo hiểm	37,25%	37,25%	37,25%
II. Công ty liên kết							
1	Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (“VALC”)	0102384108, đăng ký lần đầu ngày 08/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02/11/2023	10/2017	Mua và cho thuê máy bay	18,52%	18,52%	18,52%
2	Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam (“Cavifood”)	Giấy CN đăng ký thành lập số Inv.0810 M/2010 do Bộ Thương mại Campuchia cấp	04/2010	Kinh doanh lương thực và sản phẩm nông nghiệp	32,51%	32,51%	32,51%

Nguồn: BIDV

5.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV.

6. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Kể từ khi thành lập cho đến nay, BIDV đã thực hiện 13 lần tăng vốn điều lệ và 01 lần giảm vốn điều lệ. Các lần tăng và giảm vốn điều lệ (“VĐL”) của BIDV như sau:

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1995		1.100.000		- Quyết định số 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, theo đó BIDV chính thức bắt đầu hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại.	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	- Không có
Lần 1 (2006)	2.977.401	4.077.401	- Nhận lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt đợt I và Đợt II năm 2006; - Tăng vốn từ thu hồi Nợ tồn đọng Nhóm 2 theo Quyết định của Chính phủ; - Giảm tiền gửi của Bộ Tài chính tại Ngân hàng.	- Quyết định số 3599/QĐ-BTC ngày 30/11/2006 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 4225/QĐ-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính.	Bộ Tài chính	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”
Lần 2 (2008)	4.678.417	8.755.818	- Thu hồi Nợ thương mại theo Quyết định của Chính phủ; - Thu hồi Nợ tồn đọng Nhóm 2 và nợ có tính chất như Nợ tồn đọng nhóm 2 theo Quyết định của Chính phủ; - Nguồn xử lý nợ cho vay đánh bắt hải sản xa bờ; - Dư nợ tái cấp vốn của Ngân hàng tại Sở	- Quyết định số 2964/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính - Quyết định số 2969/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính - Quyết định số 2972/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.	Bộ Tài chính	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và của các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
			Giao dịch Ngân hàng nhà nước Việt Nam để xử lý nợ vay khác phục hậu quả cơn bão số 5 năm 1997; - Nhận lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt lần 1 và lần 2 năm 2008.			<i>quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>
Lần 3 (2009)	1.742.750	10.498.568	- Thu hồi Nợ tổng động Nhóm 2 theo Quyết định của Chính Phủ; - Bộ Tài chính cấp vốn điều lệ 100 triệu USD; - Nhận lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt lần 1 và lần 2 năm 2009.	- Quyết định số 1571/QĐ-BTC ngày 13/07/2009 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 25/QĐ-BTC ngày 25/08/2009 của Bộ Tài Chính.	Bộ Tài chính	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: <i>“Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”</i>
Lần 4 (2010)	4.101.145	14.599.713	- Bộ Tài chính cấp vốn điều lệ; - Thu hồi nợ thương mại đã xử lý theo Quyết định của Chính phủ; - Nhận lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt lần 1 và lần 2 năm 2010.	- Quyết định số 257/QĐ-BTC ngày 11/03/2010 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 480/QĐ-BTC ngày 15/03/2010 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 1257/QĐ-BTC ngày 21/06/2010 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 1559/QĐ-BTC ngày 23/07/2010 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 3371/QĐ-BTC ngày 29/12/2010 của Bộ Tài Chính;	Bộ Tài chính	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: <i>“Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng</i>

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						Nhà nước Việt Nam
Lần 5 (2011)	(1.652.150)	12.947.563	- Phân tách các công ty con tại Campuchia ra khỏi Ngân hàng.	n/a	n/a	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”
Lần 6 (2012)	10.064.142.	23.011.705	- Ngân hàng được chuyển khoản vốn vay đặc biệt với Ngân hàng Nhà nước thành vốn điều lệ; - Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.	- Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012); - Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 84/GP-NHNN ngày 23/04/2012; - Quyết định 3150/2011/QĐ-BTC ngày 28/12/2011 v/v bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam của Bộ Tài chính; - Quyết định 2589/QĐ-NHNN ngày 01/12/2011 v/v công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa BIDV; - Quyết định 278/QĐ-TTg ngày 07/03/2012 v/v điều chỉnh mức vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Thủ tướng Chính phủ	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/5/2012 đến ngày 31/12/2012 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”
Lần 7 (06/08/2013)	5.100.321	28.112.026	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 4,52784%) và chào bán cổ phần cho cổ	- Nghị quyết số 1335/NQ-HĐQT ngày 09/8/2013 v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; - Văn bản số 3840/NHNN-	- HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
			đồng hiện hữu (tỷ lệ 17,63655%)	TTGSNH ngày 30/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 16/GCN-UBCK ngày 10/6/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN); - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1274/BC-HDQT ngày 05/08/2013; - Công văn số 4492UBCK-QLPH ngày 06/08/2013 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 21/08/2013.	Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”
Lần 8 (22/05/2015)	3.369.211	31.481.237	Phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (tỷ lệ hoán đổi 1:1)	- Nghị quyết số 1462/NQ-BIDV ngày 25/05/2015 của Hội đồng quản trị v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; - Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/4/2015 của NHNN về việc sát nhập Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; - Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 19/GCN-UBCK ngày 25/4/2015 của UBCKNN; - Công văn số 2585/UBCK-QLPH ngày 22/05/2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi BIDV; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 14/07/2015.	- HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: “Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30/6/2015 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Lần 9 (30/09/2015)	2.705.916	34.187.153	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 8,595329%)	- Nghị quyết số 3155/NQ-BIDV ngày 02/10/2015 của Hội đồng quản trị v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ; - Văn bản số 3626/NHNN-TTGSNH ngày 22/5/2015 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 52/GCN-UBCK ngày 29/7/2015 của UBCKNN; - Công văn số 6209/UBCK-QLPH ngày 30/09/2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v xác nhận kết quả chào bán của BID; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 26/04/2016.	- HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: <i>“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”</i>
Lần 10 (01/11/2019)	6.033.027	40.220.180	Chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài (giá chào bán: 33.640 đồng/cổ phiếu)	- Nghị quyết số 837/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2018 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án chào bán cổ phần và tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phần riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; - Văn bản số 1029/NHNN-TTGSNH ngày 21/02/2019 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Nghị quyết số 696/NQ-BIDV ngày 22/07/2019 của Hội đồng quản trị BIDV v/v thông qua văn kiện giao dịch với nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; - Văn bản số 6479/UBCK-QLCB ngày 25/10/2019 của UBCKNN về đã nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ; - Văn bản số 6712/UBCK-QLCB ngày 01/11/2019 của UBCKNN v/v kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BID; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: <i>“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”</i>

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 20/02/2020.		
Lần 11 (18/01/2022)	10.365.058.	50.585.238	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020	- Nghị quyết số 1141/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/12/2021 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020; - Nghị quyết số 1159/NQ-BIDV ngày 08/12/2021 của Hội đồng quản trị BIDV v/v phê duyệt triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020; - Văn bản số 8625/NHNN-TTGSNH ngày 07/12/2021 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Văn bản số 346/UBCK-QLCB ngày 18/01/2022 của UBCKNN về đã nhận được đầy đủ hồ sơ báo cáo điều chỉnh kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (thay thế Văn bản số 9003/UBCK-QLCB ngày 29/12/2021); - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 01/03/2022.	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”
Lần 12 (12/12/2023)	6.419.121	57.004.359	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021	- Nghị quyết số 393/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2023 thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021; - Nghị quyết số 932/NQ-	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				BIDV ngày 11/10/2023 của Hội đồng quản trị BIDV v/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021; - Văn bản số 8125/NHNN-TTGSNH ngày 19/10/2023 của NHNN v/v Tăng vốn điều lệ của BIDV; - Nghị quyết số 984/NQ-BIDV ngày 26/10/2023 của Hội đồng quản trị BIDV về việc phê duyệt triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021; - Văn bản số 7706/UBCK-QLCB ngày 10/11/2023 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của BID - Văn bản số 8833/UBCK-QLCB ngày 12/12/2023 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của BID; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024.	Chứng khoán Nhà nước Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”
Lần 13 (30/12/2024)	11.970.794	68.975.153	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022	- Nghị quyết số 485/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022; - Nghị quyết số 1326/NQ-BIDV ngày 11/10/2023 của Hội đồng quản trị BIDV v/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 – Công ty TNHH KPMG: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022; - Văn bản số 9992/NHNN-TTGSNH ngày 06/12/2024 của NHNN v/v Tăng vốn điều lệ của BIDV; - Nghị quyết số 1348/NQ-BIDV ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị BIDV về việc Phê duyệt triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022; - Văn bản số 8919/UBCK-QLCB ngày 30/12/2024 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của BID.		và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".
Lần 14 (05/03/2025)	1.238.466	70.213.619	Chào bán riêng lẻ cho 04 nhà đầu tư nước ngoài và 01 nhà đầu tư trong nước (giá chào bán: 38.800 đồng/cổ phần)	- Nghị quyết số 485/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án chào bán cổ phần và tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phần riêng lẻ; - Nghị quyết số 28/NQ-BIDV ngày 07/01/2025 của Hội đồng quản trị BIDV về việc Phê duyệt giá cổ phần chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư; - Nghị quyết số 31/NQ-BIDV ngày 07/01/2025 của Hội đồng quản trị BIDV về việc phê duyệt triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ; - Nghị quyết số 32/NQ-BIDV ngày 07/01/2025 của Hội đồng quản trị BIDV về việc phê duyệt nội dung Hợp đồng Đặt mua cổ phần và Hợp đồng Tài khoản ký quỹ trong giao dịch BIDV chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư; - Văn bản số 485/NHNN-TTGSNH ngày 22/01/2025 của NHNN v/v Tăng vốn điều lệ của BIDV; - Văn bản số 661/UBCK-	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét tại 30/06/2025 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				QLCB ngày 11/02/2025 của UBCKNN v/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BID; - Văn bản số 08/UBCK-QLCB ngày 05/3/2025 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BID.		

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 30/09/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	5.798.676.285	82,59
a	Cá nhân	136.158.979	1,94
b	Tổ chức(*)	5.662.514.519	80,64695
c	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	2.787	0,00004
2	Nước ngoài	1.222.685.632	17,41
a	Cá nhân	3.008.850	0,04
b	Tổ chức	1.219.676.782	17,37
3	Tổng cộng	7.021.361.917	100

(*): Không bao gồm tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Nguồn: BIDV

7.2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có

7.3. Các loại chứng khoán khác:

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến thời điểm 30/09/2025, BIDV đang lưu hành **60.193.127 triệu đồng** trái phiếu tính theo mệnh giá, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng. Thông tin chi tiết các trái phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 30/09/2025 như sau:

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (đồng)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu
Trái phiếu phát hành riêng lẻ							
BID12539	1.000.000.000	600	600.000	6,26%	15/09/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12514	1.000.000.000	600	600.000	5,68%	05/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12513	1.000.000.000	3.000	3.000.000	5,83%	29/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12125	1.000.000.000	50	50.000	6,90%	29/07/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12101	1.000.000.000	200	200.000	6,90%	30/08/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12544	1.000.000.000	150	150.000	6,30%	29/09/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12540	1.000.000.000	120	120.000	5,68%	18/09/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12541	1.000.000.000	250	250.000	5,83%	18/09/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12543	1.000.000.000	200	200.000	5,83%	29/09/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12542	1.000.000.000	320	320.000	5,68%	29/09/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12538	1.000.000.000	415	415.000	5,68%	10/09/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12536	1.000.000.000	100	100.000	5,68%	30/07/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12532	1.000.000.000	100	100.000	5,68%	03/07/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12533	1.000.000.000	1.200	1.200.000	5,83%	03/07/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12534	1.000.000.000	400	400.000	5,68%	09/07/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12535	1.000.000.000	200	200.000	5,68%	15/07/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12531	1.000.000.000	2.000	2.000.000	5,88%	30/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12526	1.000.000.000	367	367.000	5,68%	27/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12528	1.000.000.000	150	150.000	5,83%	27/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (đồng)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu
BID12527	1.000.000.000	150	150.000	5,68%	27/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12529	1.000.000.000	200	200.000	5,83%	27/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12525	1.000.000.000	135	135.000	5,68%	24/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12524	1.000.000.000	150	150.000	5,83%	24/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12521	1.000.000.000	260	260.000	5,68%	20/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12522	1.000.000.000	122	122.000	5,83%	20/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12523	1.000.000.000	100	100.000	5,68%	20/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12520	1.000.000.000	202	202.000	5,83%	13/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12518	1.000.000.000	360	360.000	5,68%	13/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12519	1.000.000.000	850	850.000	5,68%	13/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12515	1.000.000.000	250	250.000	5,68%	10/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12517	1.000.000.000	200	200.000	5,83%	10/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12150	1.000.000.000	40	40.000	6,90%	08/09/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12152	1.000.000.000	200	200.000	6,90%	22/09/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12510	1.000.000.000	238	238.000	5,68%	26/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12509	1.000.000.000	1.500	1.500.000	5,68%	26/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12511	1.000.000.000	150	150.000	5,83%	27/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12504	1.000.000.000	1.100	1.100.000	5,68%	16/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12505	1.000.000.000	2.200	2.200.000	5,83%	16/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12507	1.000.000.000	53	53.000	5,68%	20/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (đồng)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu
BID12508	1.000.000.000	355	355.000	5,83%	20/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12441	1.000.000.000	100	100.000	5,78%	09/09/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12442	1.000.000.000	13	13.000	5,88%	09/09/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12371	1.000.000.000	186	186.000	5,78%	12/12/2023	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12372	1.000.000.000	257	257.000	5,98%	12/12/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12427	1.000.000.000	1.500	1.500.000	5,88%	23/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12501	1.000.000.000	780	780.000	5,68%	15/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12502	1.000.000.000	305	305.000	5,83%	15/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12433	1.000.000.000	100	100.000	5,78%	26/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12434	1.000.000.000	392	392.000	5,88%	26/08/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12435	100.000.000	10.000	1.000.000	5,88%	27/08/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12436	1.000.000.000	400	400.000	5,78%	28/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12437	1.000.000.000	450	450.000	5,78%	29/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12438	1.000.000.000	100	100.000	5,78%	29/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12439	1.000.000.000	250	250.000	5,88%	29/08/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12432	1.000.000.000	95	95.000	5,88%	21/08/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12431	1.000.000.000	900	900.000	5,78%	21/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12426	1.000.000.000	50	50.000	5,88%	17/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12425	1.000.000.000	105	105.000	5,78%	17/07/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12404	1.000.000.000	950	950.000	5,78%	10/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (đồng)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu
BID12413	1.000.000.000	50	50.000	5,78%	30/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12415	1.000.000.000	3.500	3.500.000	6,08%	07/06/2024	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12257	1.000.000.000	60	60.000	7,20%	09/09/2022	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12211	1.000.000.000	200	200.000	8,50%	09/12/2022	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12416	1.000.000.000	720	720.000	5,78%	17/06/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12417	1.000.000.000	150	150.000	5,88%	17/06/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12418	1.000.000.000	400	400.000	5,93%	26/06/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12419	1.000.000.000	180	180.000	5,78%	27/06/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12420	1.000.000.000	150	150.000	5,93%	27/06/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12422	1.000.000.000	1.000	1.000.000	5,88%	05/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12421	1.000.000.000	100	100.000	5,88%	05/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12423	1.000.000.000	450	450.000	5,78%	09/07/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12424	1.000.000.000	50	50.000	5,88%	09/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12406	1.000.000.000	245	245.000	5,78%	22/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12407	1.000.000.000	50	50.000	5,93%	22/05/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12408	1.000.000.000	50	50.000	5,78%	24/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12409	1.000.000.000	300	300.000	5,93%	24/05/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12410	1.000.000.000	700	700.000	5,78%	28/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12411	100.000.000	20.000	2.000.000	5,88%	29/05/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12376	1.000.000.000	100	100.000	5,78%	20/12/2023	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (đồng)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu
BID12375	1.000.000.000	1.000	1.000.000	6,18%	20/12/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12301	1.000.000.000	202	202.000	5,78%	26/12/2023	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12302	1.000.000.000	35	35.000	5,98%	26/12/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12212	1.000.000.000	100	100.000	8,50%	27/12/2022	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12121	1.000.000.000	50	50.000	6,90%	29/06/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12238	1.000.000.000	100	100.000	7,00%	26/07/2022	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID2_RL20.14	1.000.000.000	500	500.000	7,95%	26/05/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID2_RL20.35	1.000.000.000	230	230.000	7,70%	25/06/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12373	1.000.000.000	100	100.000	6,88%	13/12/2023	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12405	1.000.000.000	1.000	1.000.000	6,50%	21/05/2024	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12412	1.000.000.000	200	200.000	6,50%	30/05/2024	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12414	1.000.000.000	100	100.000	6,50%	30/05/2024	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12303	1.000.000.000	1.000	1.000.000	5,98%	27/12/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12367	1.000.000.000	322	322.000	5,78%	23/11/2023	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12368	1.000.000.000	732	732.000	5,98%	23/11/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12369	1.000.000.000	10	10.000	6,08%	23/11/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12364	1.000.000.000	3.000	3.000.000	5,98%	29/09/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12363	1.000.000.000	10	10.000	5,98%	29/09/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12328	1.000.000.000	240	240.000	5,78%	30/08/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12329	1.000.000.000	60	60.000	5,88%	30/08/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (đồng)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu
BID12349	1.000.000.000	200	200.000	5,88%	13/09/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12255	1.000.000.000	27	27.000	5,98%	26/08/2022	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12131	1.000.000.000	24	24.000	5,68%	16/07/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12206	100.000	2.000.000	200.000	5,88%	06/05/2022	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12243	1.000.000.000	14	14.000	5,68%	22/06/2022	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12246	1.000.000.000	200	200.000	5,98%	29/06/2022	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12237	1.000.000.000	25	25.000	5,78%	26/07/2022	12	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12122	1.000.000.000	300	300.000	5,68%	27/07/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12124	1.000.000.000	90	90.000	5,68%	29/07/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12102	1.000.000.000	800	800.000	5,68%	29/07/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12309	1.000.000.000	200	200.000	5,78%	18/08/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12119	1.000.000.000	5	5.000	5,68%	25/06/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID2_RL19.18	1.000.000.000	100	100.000	6,38%	18/12/2019	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BIDL2035059	1.000.000.000	50	50.000	7,00%	24/09/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BIDL2035065	1.000.000.000	47	47.000	7,20%	14/10/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BIDL2035063	1.000.000.000	50	50.000	7,00%	19/10/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BIDL2035050	1.000.000.000	200	200.000	7,00%	29/10/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12307	1.000.000.000	460	460.000	7,60%	21/07/2023	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12326	1.000.000.000	700	700.000	7,70%	24/07/2023	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12308	1.000.000.000	500	500.000	7,70%	01/08/2023	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (đồng)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu
BID12530	1.000.000.000	500	500.000	6,40%	30/06/2025	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12537	1.000.000.000	150	150.000	6,30%	30/07/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12116	1.000.000.000	800	800.000	6,90%	21/05/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12370	1.000.000.000	100	100.000	7,00%	30/11/2023	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12440	1.000.000.000	200	200.000	6,50%	29/08/2024	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12503	1.000.000.000	173	173.000	5,90%	15/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12506	1.000.000.000	1.200	1.200.000	6,26%	20/05/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12117	1.000.000.000	120	120.000	6,90%	23/06/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12512	1.000.000.000	100	100.000	6,30%	27/05/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12516	1.000.000.000	85	85.000	5,90%	10/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID12430	1.000.000.000	2.460	2.460.000	5,48%	16/08/2024	5	Trái phiếu thường
BID12365	1.000.000.000	980	980.000	6,20%	25/10/2023	5	Trái phiếu thường
BID12366	1.000.000.000	1.520	1.520.000	5,38%	25/10/2023	5	Trái phiếu thường
BID12429	1.000.000.000	540	540.000	5,68%	16/08/2024	5	Trái phiếu thường
Trái phiếu phát hành ra công chúng							
BID123003	100.000	1.000	100	6,08%	16/01/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID123004	100.000	3.000.000	300.000	6,18%	16/01/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
BID122005	100.000	1.570.272	157.027	5,68%	25/01/2022	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
Tổng		6.657.808	60.193.127				

Nguồn: BIDV

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh chính của BIDV bao gồm:

❖ Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

❖ Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;

❖ Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

Bảng 5: Hoạt động kinh doanh của BIDV giai đoạn 2023 – 30/09/2025 theo sản phẩm dịch vụ

T T	Chỉ tiêu	Doanh thu (tỷ đồng)			Tỷ trọng doanh thu (%)			Thu nhập thuần (tỷ đồng)			Tỷ trọng thu nhập thuần (%)		
		2023	2024	30/09/ 2025	2023	2024	30/09/ 2025	2023	2024	30/09/ 2025	2023	2024	30/09/ 2025
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	152.761	138.288	111.258	82,9	78,7	81,1	56.136	58.008	44.110	76,9	71,6	72,9
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	11.893	13.465	9.593	6,5	7,7	7,0	6.570	7.074	5.159	9,0	8,7	8,4
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	8.886	8.671	5.705	4,8	4,9	4,2	4.707	5.361	3.186	6,4	6,6	5,9
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	346	460	672	0,2	0,3	0,5	305	285	328	0,4	0,4	0,5
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.394	5.235	1.211	1,8	3,0	0,9	2.872	4.900	1.310	3,9	6,0	2,9
6	Thu nhập từ hoạt động khác	6.543	9.192	8.386	3,6	5,2	6,1	2.068	4.987	6.670	2,8	6,2	10,9
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	355	446	379	0,2	0,3	0,3	355	446	379	0,5	0,6	0,6
Tổng cộng		184.178	175.757	137.204	100	100	100	73.013	81.061	61.142	100	100	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý III/2025

8.1.1. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

BIDV thực hiện huy động vốn trên các nguyên tắc: Tuân thủ quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ của NHNN trong từng thời kỳ; Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên gửi tiền và BIDV theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết với khách hàng, các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng và ngân hàng trong huy động vốn; Gắn liền với sử dụng vốn đảm bảo mục tiêu an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật và phù hợp với định hướng của HĐQT trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo nhu cầu nguồn vốn trong từng thời kỳ, BIDV thực hiện huy động vốn theo nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng với các đặc điểm khác nhau: huy động vốn từ cá nhân, tổ chức kinh tế, định chế tài chính phi tín dụng qua các sản phẩm tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá; huy động vốn từ nguồn ủy thác của các tổ chức trong nước, nước ngoài; vay tổ chức tín dụng trong nước, nước ngoài... Bên cạnh các sản phẩm truyền thống phục vụ tại quầy giao dịch, với định hướng phát triển ngân hàng hiện đại hội nhập quốc tế, BIDV cũng đã triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn ứng dụng công nghệ cao, mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng. Các sản phẩm tiền gửi tiêu biểu hiện tại bao gồm:

- Tiền gửi thanh toán: dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán mở tại Ngân hàng với mục đích gửi, giữ tiền hoặc thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng bằng các phương tiện thanh toán. Tài khoản thanh toán gắn với nhiều dịch vụ tiện ích như dịch vụ thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử, chuyển tiền ...
- Tài khoản thanh toán đặc biệt: Tiền gửi chuyên dùng đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi ký quỹ; Tiền gửi chuyên thu; Tiền gửi thanh toán chuyên dùng.
- Tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho khách hàng với mức lãi suất hấp dẫn. Một số sản phẩm tiền gửi kỳ hạn BIDV cung cấp:
 - + Sản phẩm tiền gửi thông thường;
 - + Tiền gửi Online: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn được mở qua ứng dụng Smartbanking;
 - + Nhóm sản phẩm tiền gửi tích lũy: Là sản phẩm tiền gửi kỳ hạn, khách hàng có thể gửi định kỳ tự động vào ngày mở tài khoản hàng tháng của khách hàng nhằm tích lũy cho nhu cầu tương lai, sản phẩm tiền gửi: Tích lũy trẻ em “Lớn lên cùng yêu thương”, Tiền gửi Tích lũy Bảo An; Tiền gửi tích lũy cho khách hàng doanh nghiệp;....
 - + Tiền gửi như ý: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn mà khách hàng có thể lựa chọn kỳ hạn gửi tiền theo ngày phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn nhằm tối đa lợi ích cho khoảng thời gian vốn nhàn rỗi.

- + Tiền gửi tiết kiệm thông minh: Là sản phẩm tiền gửi có ngày đáo hạn tự động chuyển sang ngày làm việc tiếp theo nếu ngày đáo hạn của tài khoản trùng với ngày nghỉ/lễ để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng.

Bảng 6: Nguồn vốn huy động giai đoạn 2023 – 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi của khách hàng	1.704.690	80,72%	1.953.165	76,49%	2.087.181	73,56%
Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn	189.487	8,97%	198.900	7,79%	204.714	7,21%
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	35.896	1,70%	168.389	6,59%	215.824	7,61%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	181.831	8,61%	232.954	9,12%	329.639	11,62%
Tổng cộng	2.111.904	100%	2.553.408	100%	2.837.358	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất giữa niên độ quý III/2025

Tiền gửi của khách hàng: Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trên 70% tổng nguồn huy động vốn của BIDV trong giai đoạn 2023 – 30/09/2025.

Bảng 7: Cơ cấu tiền gửi khách hàng giai đoạn 2023 - 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
	Tổng tiền gửi khách hàng	1.704.690	1.953.165	2.087.181
	Phân theo kỳ hạn (%)			
	Không kỳ hạn	19,60%	19,47%	19,89%
1	Tiền gửi có kỳ hạn	79,76%	79,85%	79,43%
	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,41%	0,43%	0,47%
	Tiền gửi ký quỹ	0,24%	0,25%	0,22%
	Phân theo loại tiền (%)			
2	VND	93,72%	93,13%	91,02%
	Ngoại tệ	6,28%	6,87%	8,98%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất giữa niên độ quý III/2025

Tiền gửi khách hàng dân cư chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (duy trì tỷ trọng trên 50%), thể hiện BIDV đang thực hiện thành công chiến lược thu hút vốn theo hướng đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ.

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn luôn đóng góp gần 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 30/09/2025, tiền gửi có kỳ hạn của BIDV đạt 1.657.762 tỷ đồng, tăng 98.152 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024, tương đương mức tăng trưởng 6,29%. Đồng thời, với việc triển khai nhất quán các biện pháp gia tăng tiền gửi không kỳ hạn trong những năm gần đây, quy mô và tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn trong 9 tháng đầu năm 2025 đều gia tăng so với năm 2024 (số dư cuối kỳ tăng trưởng 9,16%), góp phần tiết giảm chi phí vốn đầu vào, gia tăng hiệu quả ngân hàng.

Bảng 8: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn giai đoạn 2023 - 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Không kỳ hạn	334.076	380.289	415.130
Có kỳ hạn	1.359.619	1.559.610	1.657.762
Tiền gửi vốn chuyên dụng	6.935	8.397	9.727
Tiền gửi ký quỹ	4.061	4.869	4.562
Tổng	1.704.690	1.953.165	2.087.181

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất giữa niên độ quý III năm 2025

Tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của BIDV (trên 90%). Tại 30/09/2025, tổng tiền gửi nội tệ là 1.899.811 tỷ đồng, tăng 80.744 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024, tương đương mức tăng trưởng 4,44%.

Bảng 9: Huy động tiền gửi khách hàng theo đồng tiền giai đoạn 2023 - 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
VND	1.597.554	1.819.068	1.899.811
Ngoại tệ	107.137	134.098	187.370
Tổng	1.704.690	1.953.165	2.087.181

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất giữa niên độ quý III năm 2025

8.1.2. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Tại thời điểm 30/09/2025, BIDV có tổng dư nợ cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư hợp nhất đạt 2.237.119 tỷ đồng. BIDV hiện là một trong những ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn

nhất tại Việt Nam. Thu nhập từ hoạt động cho vay chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu thu nhập của BIDV.

❖ Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng của BIDV tại 31/12/2023 theo BCTC hợp nhất và riêng lẻ lần lượt đạt mức 16,78% và 16,95%, tại 31/12/2024 lần lượt đạt mức 15,66% và 15,71% tại 30/09/2025 lần lượt đạt mức 8,80% và 8,76%. Mục tiêu của BIDV giai đoạn này và trong giai đoạn tiếp theo là kiểm soát và quản lý chất lượng tín dụng, chuyển dịch cơ cấu tín dụng, nền khách hàng và theo đúng yêu cầu của HĐQT BIDV, đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 2023 - 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Theo BCTC hợp nhất						
Nợ ngắn hạn	1.178.612	66,30	1.332.622	64,81	1.389.053	62,09
Nợ trung hạn	94.280	5,30	104.835	5,10	135.587	6,06
Nợ dài hạn	504.774	28,40	618.626	30,09	712.479	31,85
Tổng	1.777.665	100,00	2.056.082	100,00	2.237.119	100,00
Theo BCTC riêng lẻ						
Nợ ngắn hạn	1.162.916	66,82	1.314.747	65,29	1.368.604	62,49
Nợ trung hạn	85.903	4,94	95.429	4,74	125.941	5,75
Nợ dài hạn	491.572	28,24	603.632	29,97	695.626	31,76
Tổng	1.740.391	100,00	2.013.808	100,00	2.190.171	100,00

Nguồn: BCTC riêng lẻ, hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán,
BCTC riêng lẻ, hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

❖ Chất lượng nợ cho vay và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)

BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến, có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời có biện pháp, kế hoạch xử lý.

Tỷ lệ nợ xấu của BIDV trong giai đoạn 2023- tháng 09/2025 ở mức dưới 2% do BIDV đã thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời. Tại thời điểm 30/09/2025, tỷ lệ nợ xấu của BIDV là 1,87% theo BCTC hợp nhất và 1,84% theo BCTC riêng lẻ. Phân loại nợ của BIDV theo chất lượng như sau:

Bảng 11: Phân loại nợ cho vay theo chất lượng trong giai đoạn 2023 - 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Theo BCTC hợp nhất						
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.727.244	97,16	1.992.891	96,93	2.161.602	96,62
Nợ cần chú ý	28.053	1,58	34.155	1,66	33.575	1,50
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.820	0,21	3.671	0,18	5.233	0,23
Nợ nghi ngờ	5.523	0,31	5.563	0,27	7.294	0,33
Nợ có khả năng mất vốn	13.025	0,73	19.801	0,96	29.416	1,31
Tổng cộng	1.777.665	100,00	2.056.082	100,00	2.237.119	100,00
Nợ xấu	22.368	1,26	29.036	1,41	41.942	1,87
Theo BCTC riêng lẻ						
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.692.679	97,26	1.953.130	96,99	2.117.378	96,68
Nợ cần chú ý	26.695	1,53	32.995	1,64	32.479	1,48
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.321	0,19	3.210	0,16	4.682	0,21
Nợ nghi ngờ	5.484	0,32	5.513	0,27	7.125	0,33
Nợ có khả năng mất vốn	12.212	0,70	18.960	0,94	28.507	1,30
Tổng cộng	1.740.391	100,00	2.013.808	100,00	2.190.172	100,00
Nợ xấu	21.017	1,21	27.683	1,37	40.314	1,84

Nguồn: BCTC riêng lẻ, hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán,
BCTC riêng lẻ, hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

BIDV thực hiện việc phân loại nợ bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đồng thời theo phương pháp định lượng và định tính quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 31/2024/TT-NHNN (sau đây gọi là “Thông tư 31”). Đối với các khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ, BIDV thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

BIDV đã đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cùng với hàng loạt các chuẩn mực Basel II, được NHNN công nhận đáp ứng yêu cầu Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn. Về khung quản lý rủi ro, BIDV đã ban hành các chính sách, quy định về khung quản lý rủi ro tổng thể (bao gồm khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro) và các loại rủi ro trọng yếu. BIDV cũng đã hoàn thiện các công cụ đo lường rủi ro hiện đại, theo dõi và giám sát chặt chẽ rủi ro. Mặt khác, công tác chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ tại BIDV góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro hướng tới các thông lệ quốc tế.

Bảng 12: Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2023 - 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2023	27.243	13.226	40.469
31/12/2024	22.781	15.257	38.039
30/09/2025	23.113	16.536	39.649

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

❖ Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng và là thế mạnh của BIDV. Tại thời điểm 31/12/2023, tổng cam kết ngoại bảng của BIDV đạt 313.751 tỷ đồng, tại thời điểm 31/12/2024 là 283.258 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/09/2025 là 286.133 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 274.909 tỷ đồng, các cam kết khác là 11.224 tỷ đồng.

❖ Tỷ lệ an toàn vốn

BIDV luôn bảo đảm và đáp ứng quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Bảng 13: Tỷ lệ an toàn vốn của BIDV

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Tỷ lệ an toàn vốn – Hợp nhất	9,18%	9,03%	9,40%
Tỷ lệ an toàn vốn – Riêng lẻ	8,85%	8,78%	9,22%

Nguồn: BIDV

8.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động thanh toán

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại hối của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, và đạt được các thành tích như: Giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất (2007-2009 và 2013-2016); Giải thưởng “Ngân hàng cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Global Banking & Finance bình chọn năm 2017 & 2025; Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất” do Asian Banking & Finance bình chọn năm 2018, 2019, 2024; 02 năm liên tiếp (2022-2023) được The Asian Banker vinh danh với các giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam”; Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh tốt nhất Việt Nam” do Asian Banking & Finance bình chọn các năm 2022, 2023, 2024; 06 lần nhận giải

thường Ngân hàng của Năm Việt Nam về quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2018 do tạp chí AsiaRisk trao tặng; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007; Giải thưởng của tạp chí Asia Money 4 năm liên tiếp (2013-2016) dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt động phái sinh lãi suất tốt nhất và Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất; Ngân hàng nội địa có hoạt động nghiên cứu và phân tích tỷ giá, lãi suất tốt nhất năm 2013, 2014, 2015, 2016 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2023 – 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	30/09/2025
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.707	5.361	3.186

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

❖ Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp đa dạng dịch vụ mua bán ngoại tệ với các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (khách hàng doanh nghiệp lớn, khách hàng doanh nghiệp FDI, khách hàng cá nhân,...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh, phương thức giao dịch linh hoạt, nền tảng giao dịch hiện đại, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi bằng ngoại tệ...; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV.

❖ Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai hơn 20 sản phẩm phái sinh khác nhau trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, quyền chọn giá cả hàng hóa... Các sản phẩm phái sinh đa dạng đã mang lại lợi ích rất lớn cho khách hàng, càng khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường. Vì vậy, BIDV được các tạp chí uy tín trên thế giới đánh giá rất cao với 6 lần (2012-2015, 2017 và 2018) giành giải thưởng “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam – House of the year, Vietnam” của tạp chí tài chính uy tín Asia Risk, 4 lần liên tiếp (2013-2016) được Tạp chí AsiaMoney bình chọn là “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam do khách hàng bình chọn”, 3 lần liên tiếp (2022-2024) được tạp chí Asian Banking & Finance bình chọn là “Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh tốt nhất Việt Nam”.

❖ Hoạt động thanh toán

Dịch vụ thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế) là một trong ba dòng sản phẩm đóng góp chính trong tổng thu dịch vụ BIDV. So với năm 2023, hoạt động thanh toán

năm 2024 của BIDV có những cải thiện đáng kể: doanh số dịch vụ thanh toán trong nước đạt 66.865 nghìn tỷ đồng (tăng 30%) cùng với đó là số lượng giao dịch tăng vọt, đạt 1.566 triệu giao dịch (tăng 92%), doanh số chuyển tiền quốc tế đạt 46.716 triệu USD (tăng 1.80%), doanh số tài trợ thương mại đạt 22.458 triệu USD (tăng 10,08%).

Đầu năm 2025, kinh tế thế giới chịu tác động từ xung đột địa chính (Ucraina, Trung Đông), gián đoạn chuỗi cung ứng và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, ảnh hưởng đến thương mại và thanh toán quốc tế. Tuy nhiên, tình hình thế giới vẫn có những điểm sáng như lạm phát toàn cầu giảm, sự sôi động của thị trường tài chính và tăng trưởng thương mại đầu năm 2025 tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng xuất nhập khẩu. Cuộc cách mạng 4.0 bùng nổ trên toàn cầu, những công nghệ số như robot, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng mạnh mẽ, giúp doanh nghiệp tối ưu vận hành, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả. Nhờ đó các nền kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng ổn định. Trong tình hình phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu, qua 9 tháng đầu năm 2025, BIDV cũng đạt được sự tăng trưởng trong dịch vụ thanh toán so với cùng kỳ năm 2024, cụ thể: doanh số thanh toán trong nước đạt 64.937 nghìn tỷ (tăng 23%), số lượng giao dịch đạt 2.513 triệu giao dịch (tăng 45%), doanh số thanh toán quốc tế đạt hơn 68,46 tỷ USD (tăng 36,55%) trong đó hoạt động chuyển tiền quốc tế đóng góp đáng kể với doanh số 53.352 triệu USD, tăng 58,50% so với 09 tháng đầu năm 2024. BIDV đang đẩy mạnh mở rộng khách hàng xuất nhập khẩu, đa dạng hóa và số hóa dịch vụ thanh toán nhằm nâng cao trải nghiệm và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Bảng 15: Kết quả hoạt động thanh toán quốc tế của BIDV giai đoạn 2023-30/09/2025

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/09/2025	
	Giá trị	Tăng trưởng so với 2022	Giá trị	Tăng trưởng so với 2023	Giá trị	Tăng trưởng so với cùng kỳ 2024
Thanh toán trong nước						
Số lượng giao dịch (triệu)	815	+84%	1.566	+92%	2.513	45%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	51.538	(2)%	66.865	+30%	64.937	23%
Thanh toán quốc tế và TTTM						
Doanh số chuyển tiền (triệu USD)	45.890	+1,83%	46.716	+1,80%	53.352	+58,50%
Doanh số TTTM (triệu USD)	20.403	-5,6%	22.458	+10,08%	15.108	-8.30%

Nguồn: BIDV

❖ Dịch vụ Thanh toán trong nước

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), BIDV còn chủ động xây dựng chương trình kết nối thanh toán song phương/đa phương với 44 đối tác là các NHTM, các định chế tài chính, trong đó kết nối giao dịch 247 ngày với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, BIDV không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc triển khai các kênh giao dịch hiện đại như BIDV Payment Hub,

Internet Banking, Mobile/Smartbanking... BIDV iBank là giải pháp ngân hàng số tổng thể với hơn 18 nhóm chức năng, đáp ứng toàn diện các nhu cầu giao dịch của khách hàng: vắn tin, chuyển tiền trong nước và quốc tế, thanh toán hóa đơn, gửi tiền có kỳ hạn online, nộp thuế - ngân sách Nhà nước.... Ngoài ra, BIDV còn cung cấp các giải pháp ngân hàng chuyên biệt như quản lý dòng tiền; tài khoản định danh/áo và kết nối hệ sinh thái ERP connection với hệ thống kế toán nội bộ của doanh nghiệp.

Với những kết quả ấn tượng về chuyển đổi số, trong thời gian qua, BIDV đã được nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế vinh danh với nhiều giải thưởng tiêu biểu như: “Ngân hàng chuyển đổi số xuất sắc” của Tạp chí Global Finance, “Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc” của Hội Truyền thông số Việt Nam và Tạp chí điện tử Viettimes, “Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu” của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam và Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG Việt Nam, Danh hiệu Sao Khuê của Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam, “Giải pháp công nghệ số tiêu biểu” của Hội Truyền thông số Việt Nam... BIDV SmartBanking đã được trao giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2022 cho hạng mục “Sản phẩm, Giải pháp, Công nghệ số tiêu biểu”; giải pháp Payment Hub được nhận giải thưởng TOP 10 Sao Khuê 2024 và được ghi nhận là giải pháp thanh toán hiện đại và tối ưu nhất ở thời điểm hiện tại do BIDV tự nghiên cứu và xây dựng bằng 100% nguồn lực nội bộ.

❖ Dịch vụ thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu

BIDV đã quyết liệt ứng dụng công nghệ số trong hệ thống thanh toán từ năm 2021, góp phần nâng cao năng suất lao động, hạn chế các thao tác thủ công, giúp khách hàng trải nghiệm không gian số với công nghệ tiên tiến. Trong thời gian qua, BIDV đã nâng cấp nhiều tính năng tiên tiến đối với sản phẩm chuyển tiền quốc tế trên chương trình iBank, Smartbanking để hỗ trợ cả hai nhóm đối tượng khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Đồng thời, BIDV đã phát triển thành công một số sản phẩm, dịch vụ thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại mới như:

- Hệ thống BIDV Trade Flat: Hệ sinh thái số toàn trình đầu tiên dành cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài trợ thương mại, khai báo hải quan và các dịch vụ khác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu trực tuyến thông qua trình duyệt web.
- ISO20022: Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam thực hiện thành công việc gửi/nhận, xử lý và lưu trữ điện swift MX native theo chuẩn ISO20022 đối với kênh thanh toán qua Swift từ 01/9/2023;
- Dịch vụ Swift Go: Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam triển khai dịch vụ chuyển tiền nhanh, giá trị thấp cho nhiều loại tiền (USD/EUR) và dưới nhiều vai trò (NH chuyển tiền, NH hưởng) qua kênh Swift;
- Dịch vụ BIDV i-Swift: triển khai cổng tra cứu thông tin Swift GPI trên BIDV web portal trên cơ sở kết nối với kho dữ liệu BIDV-iSwift nhằm cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời về giao dịch CTQT qua Swift, gia tăng trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng;
- Dịch vụ BIDV i-Translation: triển khai cung cấp bộ giải pháp về triển khai chuẩn tin điện ISO20022 đa kênh cho các đơn vị trong hệ thống và hiện diện thương mại của BIDV tại hải ngoại, hỗ trợ các đơn vị tiết giảm chi phí và thời gian triển khai ISO20022, tối ưu hóa quy trình, tăng tỷ lệ xử lý tự động nhờ dữ liệu được chuẩn hóa.

- Dịch vụ Swift Score: Là NHTM đầu tiên tại Việt nam triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dựa trên kết nối SWIFT SCORE như Dịch vụ tổng hợp Sao kê TK, Dịch vụ thanh toán bằng kê qua Swift, Dịch vụ thanh toán theo điện chuyển tiền MT101/Pain.001 qua Swift cho các đối tượng khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài, khách hàng tổ chức có mã SWIFT CODE.

Với mạng lưới 1.200 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với khoảng 50 ngân hàng trên toàn thế giới và nền tảng công nghệ hiện đại, hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV luôn được xử lý an toàn, chính xác, nhanh chóng, đem lại sự hài lòng cho khách hàng. Hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV đã được nhiều tổ chức trong nước và ngân hàng đại lý nước ngoài đánh giá cao, BIDV liên tiếp nhiều năm nhận giải thưởng dành cho “Ngân hàng có tỷ lệ điện xử lý tự động STP cao nhất” của các ngân hàng lớn trên thế giới như: Bank of New York Mellon, ngân hàng Standard Charter Bank, JP Morgan Chase Bank, Wells Fargo Bank, Citibank... Trong hai năm liên tiếp 2023 và 2024, BIDV vinh dự được nhận giải Sao Khuê 2023 từ Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam đối với sản phẩm “Dịch vụ Chuyển tiền quốc tế đa kênh 24/7” và sản phẩm “Hệ thống Payment Hub – Trung tâm xử lý giao dịch thanh toán tập trung”.

Hoạt động tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế, chuyển tiền của BIDV cũng được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức Quacert và được kiểm soát theo Mục tiêu chất lượng công bố công khai về thời gian thực hiện và sự hài lòng của khách hàng. Hệ thống phần mềm tác nghiệp Tài trợ thương mại được xây dựng mới, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để tăng trưởng về cả chất lượng, số lượng đối với dịch vụ Tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế. Không ngừng triển khai ứng dụng công nghệ tự động hóa trong tác nghiệp tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế.

BIDV đã nhận giải thưởng Ngân hàng đối tác hàng đầu tại Việt Nam năm 2023 tại sự kiện Lễ trao giải Chương trình Tài trợ thương mại và Chuỗi cung ứng do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tổ chức, qua đó tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong việc khai thác nguồn tài trợ với giá phí ưu đãi hơn cho các khách hàng doanh nghiệp, góp phần phát triển hoạt động tài trợ thương mại tại Việt Nam. Năm 2024, hoạt động tài trợ thương mại của BIDV nhận 3 giải thưởng: Ngân hàng đối tác hàng đầu trong giao dịch tài trợ thương mại một thập kỷ của ADB; Ngân hàng có giao dịch tài trợ xanh tốt nhất trong năm 2024 của ADB; Ngân hàng cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam do Asian Banker trao tặng.

8.1.4. Hoạt động ngân hàng đại lý

Là định chế tài chính lớn nhất Việt Nam về tổng tài sản với mạng lưới ngân hàng đại lý (NHĐL) rộng khắp thế giới, BIDV định hướng trở thành đối tác uy tín hàng đầu của các đối tác ngân hàng trong nước và quốc tế. Tính đến tháng 10/2025, BIDV đã thiết lập 2.300 quan hệ ngân hàng đại lý với các ngân hàng uy tín tại các thị trường rộng khắp trên toàn cầu.

Về lĩnh vực hợp tác, BIDV khai thác sâu về quan hệ kinh doanh với các NHĐL ở cả hai chiều. Đối với chiều hợp tác sử dụng dịch vụ của các Ngân hàng, BIDV duy trì quan hệ tài khoản Nostro tại các ngân hàng đại lý hàng đầu để phục vụ hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ cho thương mại của BIDV, hợp tác trong lĩnh vực vay vốn ngoại tệ, các dịch vụ Tài trợ thương mại (UPAS L/C, LC Discounting, Factoring/Forfeiting), kinh doanh vốn và tiền tệ, xuất nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt, hợp tác đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm với đa dạng đối tác và thị trường... Đối với chiều ngược lại, BIDV là đối tác quan trọng hàng đầu trong cung cấp các dịch vụ ngân hàng nội địa cho các ngân hàng Việt Nam, các ngân hàng nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam bao

gồm Dịch vụ tài khoản, Thu chi hộ, Thanh toán đa phương, Thanh toán thuế, Quản lý tiền mặt, Ngân quỹ,... đồng thời thường xuyên tài trợ nguồn vốn ngắn hạn (trade loan, UPAS LC), Tài trợ thương mại cũng như hợp tác trong lĩnh vực Kinh doanh vốn & Tiền tệ.

Với nền tảng ngày càng hướng đến chuẩn mực quốc tế, xếp hạng tín nhiệm ở mức trần quốc gia, lợi thế về quy mô, vị thế và uy tín cao trong nước và quốc tế đã tạo thuận lợi cho BIDV trong phát triển nền khách hàng là Ngân hàng lớn, ổn định, luôn giữ thị phần hàng đầu trong quan hệ với NHDL. Mô hình tổ chức quản lý khối ĐCTC&KDV được xây dựng và vận hành đầy đủ theo thông lệ thị trường tốt nhất, các hoạt động kinh doanh được triển khai, thực hiện bài bản. Sản phẩm dịch vụ cung cấp cho các NHDL được thực hiện chuyên nghiệp, uy tín, đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe của khách hàng NHDL vốn có yêu cầu cao. BIDV được vinh danh là ngân hàng có tỷ lệ thanh toán đạt chuẩn STP cao bởi các ngân hàng J.P Morgan Chase, Wells Fargo, The Bank of New York Mellon, Citibank... trong nhiều năm.

Đặc biệt tháng 10/2025, BIDV trở thành ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) công nhận là đối tác triển khai tài chính khí hậu. Thông qua huy động nguồn vốn xanh ưu đãi từ GCF, BIDV có thể cung cấp các khoản vay lãi suất tốt cho các dự án giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu, qua đó nhân rộng mô hình thực hành ESG theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hoạt động nguồn vốn ủy thác nước ngoài:

BIDV đang huy động và quản lý phục vụ hơn 286 chương trình dự án NVUTNN từ Chính phủ các nước Đức, Thụy Sĩ, Nga, Pháp, Nhật Bản và các tổ chức Tài chính quốc tế lớn như WB, AFD, ADB, KFW, NIB, EIB, JICA với tổng giá trị cam kết 21,83 tỷ USD tương đương 574.000 tỷ đồng quy đổi, góp phần thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp thiết yếu của Việt Nam như than, điện, nước, cơ sở hạ tầng, chống biến đổi khí hậu, năng lượng xanh, phát triển bền vững, giúp cải thiện đời sống, môi trường, nâng cao trình độ cho người dân, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong quá trình cho vay lại, phục vụ NVUTNN, BIDV đã triển khai giải ngân hiệu quả các nguồn vốn đến người vay cuối cùng, hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân được tiếp cận với các NVUTNN có điều kiện vay ưu đãi, thời gian vay dài để đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau theo chủ trương phát triển của Chính phủ.

Với ưu thế hệ thống chi nhánh rộng khắp cả nước, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp trong phục vụ, cho vay lại các NVUTNN cùng khả năng cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng hiện đại, đa dạng có thể hỗ trợ quá trình thực hiện các chương trình/dự án đạt kết quả cao, BIDV luôn khẳng định vị thế là ngân hàng số một trong hoạt động NVUTNN tại Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các NVUTNN thành công.

8.2. Tài sản

8.2.1. Chi tiết các tài sản của BIDV tại thời điểm 30/09/2025

Bảng 16: Chi tiết tài sản cố định tại 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Theo BCTC riêng				
1. TSCĐ hữu hình	15.596	(9.426)	6.170	39,56%
Máy móc, thiết bị	6.219	(4.786)	1.432	23,03%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	212	(172)	39	18,54%
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	1.622	(1.283)	339	20,89%
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.396	(3.062)	4.333	58,59%
TSCĐ hữu hình khác	148	(122)	26	17,45%
2. TSCĐ vô hình	7.814	(2.805)	5.009	64,10%
Quyền sử dụng đất	4.844	(594)	4.250	87,74%
Phần mềm máy vi tính	2.968	(2.211)	757	25,52%
TSCĐ vô hình khác	2	(1)	1	59,54%
Tổng	23.410	(12.232)	11.179	47,75%
Theo BCTC hợp nhất				
1. TSCĐ hữu hình	17.046	(10.202)	6.844	40,15%
Máy móc, thiết bị	6.562,58	(5.071)	1.491	22,72%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	283,75	(234)	50	17,60%
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	1.796,92	(1.408)	389	21,65%
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.180,43	(3.336)	4.845	59,22%
TSCĐ hữu hình khác	221,88	(153)	69	31,13%
2. TSCĐ vô hình	8.182	(3.016)	5.166	63,14%
Quyền sử dụng đất	4.913,58	(594)	4.320	87,92%
Phần mềm máy vi tính	3.215,52	(2.382)	833	25,92%
TSCĐ vô hình khác	52,94	(40)	13	24,50%
Tổng	25.228	(13.217)	12.010	47,61%

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng giữa niên độ Quý III năm 2025 của BIDV

8.2.2. Một số tài sản lớn của BIDV tại thời điểm 30/09/2025

Bảng 17: Chi tiết một số tài sản lớn của BIDV tại 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
QSD đất 50 năm tại Nguyễn Huệ, TP HCM	489,870	(142,990)	346,880	70,81%
QSD đất tại 74 Thợ Nhuộm, HN	416,718	0	416,718	100,00%
Trụ sở chính tại Tháp A 191 Bà Triệu HN	374,382	(183,756)	190,626	50,92%
QSD đất lâu dài tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP HCM	300,113	0	300,113	100,00%
QSD đất tại số 56-62 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP HCM	186,047	0	186,047	100,00%

Nguồn: BIDV

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a. Quản lý rủi ro tín dụng

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro tín dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV luôn chủ động tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất để quản trị rủi ro tín dụng. Đến nay, mô hình quản lý rủi ro của BIDV đã đáp ứng nguyên tắc độc lập và tập trung theo khuyến nghị của Ủy ban Basel. Trong toàn hệ thống BIDV từ Trụ sở chính đến các chi nhánh, cơ cấu tổ chức được thiết lập phù hợp, phân định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của các bộ phận/các cá nhân liên quan theo mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng. Hệ thống văn bản chế độ trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng, chính sách quản lý rủi ro toàn hàng được ban hành đầy đủ, thường xuyên được rà soát cập nhật đáp ứng quy định của NHNN (bao gồm Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018) cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

❖ Định hướng hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng của BIDV tăng trưởng ổn định, bền vững phù hợp với phê duyệt của NHNN. Trong từng năm, Ngân hàng xác định cơ cấu, giới hạn tín dụng trong từng ngành nghề, lĩnh vực, thời hạn vay, loại tiền, khu vực địa lý ... khác nhau để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo các mục tiêu kinh doanh trong năm.

❖ Mô hình quản lý rủi ro

Hiện nay, BIDV thực hiện phân cấp thẩm quyền trong phán quyết tín dụng từ các cấp tại Hội sở chính (Hội đồng quản trị, Hội đồng Tín dụng trung ương, Hội đồng tín dụng cấp cao, Ban điều hành...) đến các cấp, chức danh tại Chi nhánh căn cứ mức độ rủi ro của khoản cấp tín dụng, năng lực của các cấp thẩm quyền, khối lượng công việc phát sinh. Việc phân cấp cho các cấp, chức danh điều hành tại Chi nhánh đảm bảo phù hợp theo các quy trình cấp tín dụng bán buôn, bán lẻ và mức phân cấp được Hội sở chính rà soát, giao hàng năm cho từng chi nhánh căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh. Các tiêu chí

để xác định mức thẩm quyền phán quyết tín dụng đối với Chi nhánh bao gồm: (i) hiệu quả tín dụng; (ii) chất lượng hoạt động tín dụng; (iii) quy mô dư nợ của Chi nhánh; (iv) hiệu quả, năng lực quản trị điều hành của chi nhánh và (v) một số căn cứ khác như tỷ lệ hồ sơ trình TSC, địa bàn,.....

BIDV thiết lập và duy trì cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro tập trung trong hoạt động tín dụng tuân thủ nguyên tắc 03 tuyên bảo vệ độc lập của hệ thống kiểm soát nội bộ: (i) tuyên bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro; (ii) tuyên bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật; (iii) tuyên bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ.

BIDV đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; Hội đồng Tín dụng trung ương/Hội đồng tín dụng cấp cao trực thuộc Tổng giám đốc và Hội đồng tín dụng cơ sở thuộc chi nhánh. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại ba miền và quản lý tập trung tại Hội sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV có thể phòng ngừa và hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

❖ Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng

BIDV không ngừng hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro thông qua việc (i) thường xuyên rà soát quy trình đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nền khách hàng của BIDV, (ii) xác định khẩu vị và chiến lược rủi ro từng thời kỳ, và (iii) triển khai các dự án nhằm tăng cường và hiện đại hóa việc quản trị rủi ro của Ngân hàng như xây dựng hệ thống công cụ đo lường rủi ro hiện đại...

Về quản trị danh mục tín dụng: Trên cơ sở chiến lược phát triển từng thời kỳ (định hướng kinh doanh, khách hàng và thị trường mục tiêu) BIDV đã xây dựng và ban hành chiến lược và khẩu vị rủi ro/giới hạn tín dụng theo ngành/lĩnh vực... nhằm mục tiêu đa dạng hóa danh mục tín dụng, kiểm soát rủi ro đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu. Theo đó BIDV đẩy mạnh cho vay đối với các ngành được đánh giá có triển vọng tốt, ngành được Chính phủ ưu tiên nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc phân tán rủi ro, không tập trung vào một số ít ngành lĩnh vực, đồng thời hạn chế cho vay đối với các ngành có độ rủi ro cao và các ngành không phù hợp với chiến lược phát triển của Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế,...

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro.

❖ Công cụ quản lý rủi ro

BIDV đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro thông qua việc xây các công cụ phục vụ mục tiêu quản trị rủi ro hệ thống như: Hệ thống thông tin quản lý (MIS); Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (liên tục cải tiến và hoàn thiện nhằm phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro để thực hiện phân loại nợ và áp dụng các chính sách phù hợp)... Ngoài ra, BIDV cũng xây dựng triển khai các công cụ/ phần mềm trị rủi ro theo các thông lệ quốc tế như: Kiểm tra sức chịu đựng (stress test) rủi ro tín dụng, mô hình xác định VaR theo phương pháp Monte Carlo... vào thực tiễn hoạt động của ngân hàng để ngày càng hoàn chỉnh hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường đáp

ứng yêu cầu quản lý rủi ro của NHNN và hướng theo thông lệ quốc tế. Từ năm 2020 tới nay, BIDV cũng đã chủ động triển khai việc tính toán tổn thất dự kiến (ECL) và lập BCTC theo chuẩn mực quốc tế IFRS; Triển khai các báo cáo đánh giá hiệu quả dựa trên rủi ro và đưa các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dựa trên rủi ro vào các tiêu chí trong báo cáo xét duyệt cấp tín dụng, triển khai công tác định giá lãi suất dựa trên rủi ro...

BIDV thực hiện Phân loại nợ định kỳ theo cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 31/2024/NHNN của NHNN, trường hợp kết quả phân loại một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

BIDV thực hiện trích dự phòng rủi ro theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 của Chính Phủ, cụ thể, dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng cụ thể được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định:

STT	Hạng	Nhóm nợ	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	AAA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	AA+			
3	AA			
4	AA-			
5	A+			
6	A			
7	A-			
8	BBB			
9	BB+			
10	BB			
11	BB-	Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
12	B			
13	D1	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
14	D2	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
15	D3	Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngoài ra, BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. Các thông tin về danh mục tín dụng, chất lượng tín dụng... đều được báo cáo Hội đồng Quản trị và Ban điều hành theo định kỳ hoặc đột xuất.

BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. BIDV đã hoàn tất dự án hiện đại hoá, theo đó BIDV có thể khai thác thông tin về khách hàng, nhóm khách hàng, danh mục tín dụng tự động từ hệ thống.

b. Quản lý rủi ro thanh khoản

BIDV triển khai quản lý rủi ro thanh khoản theo đúng các quy định của NHNN trong từng thời kỳ. Quản lý rủi ro thanh khoản được thực hiện tập trung tại trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Hệ thống văn bản chế độ về quản lý rủi ro thanh khoản được ban hành đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó xác định rõ phương pháp, mô hình đo lường rủi ro thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra. Bên cạnh các chỉ tiêu an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN, BIDV còn thiết lập giới hạn đối với hệ thống chỉ tiêu nội bộ và dấu hiệu và xây dựng bộ chỉ tiêu nhận dạng căng thẳng thanh khoản; thực hiện tính toán, theo dõi và báo cáo hàng ngày để đưa ra các cảnh báo kịp thời. BIDV luôn bám sát các diễn biến của thị trường, nhu cầu thanh toán của khách hàng và dự kiến các tình huống bất lợi để chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành cân đối vốn phù hợp. Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ 2 lần/năm nhằm xác định khả năng chống đỡ của ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng thanh khoản, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp. BIDV cũng đã xây dựng mô hình hành vi khách hàng cho một số sản phẩm chính để dự đoán chính xác hơn dòng tiền thực tế, qua đó tăng cường hiệu quả công tác quản lý rủi ro thanh khoản. Hệ thống quản lý tài sản nợ có (Hệ thống ALM) triển khai chính thức hỗ trợ đo lường rủi ro thanh khoản toàn diện, hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn Basel III.

c. Quản lý rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro thị trường được xác định là một trong những loại rủi ro trọng yếu cần quản lý, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tại BIDV. Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong triển khai, cụ thể:

- ❖ Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tập trung tại Trụ sở chính theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.
- ❖ Về văn bản chế độ: BIDV đã ban hành đầy đủ các văn bản chế độ hệ thống, đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, thực hiện và soát các văn bản hàng năm nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và phù hợp thực tế.
- ❖ Về công cụ quản lý: BIDV đã thiết lập hệ thống hạn mức, giới hạn kiểm soát rủi ro thị trường (LCS) bao gồm đầy đủ các hạn mức và ngưỡng cảnh báo sớm cho từng danh mục/sản phẩm, đồng thời nghiên cứu, áp dụng hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường đáp ứng yêu cầu NHNN và phù hợp theo thông lệ Basel bao gồm Trạng thái rủi ro; Lãi/lỗ thực tế và dự kiến; Độ nhạy (BPV, thời lượng, độ lồi); Giá trị chịu rủi ro (VaR); Kiểm tra hồi tố/Kiểm nghiệm giả thuyết (Backtest); Kiểm tra sức chịu đựng (Stresstest). Ngoài ra, BIDV đã chủ động nghiên cứu các phương pháp tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Basel III, triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

d. Quản lý rủi ro hoạt động

Công tác quản lý rủi ro hoạt động tại BIDV được thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình hoạt động thực tế:

- ❖ Về mô hình quản lý: BIDV thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến bảo vệ; Thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động và cơ chế theo dõi, giám sát.
- ❖ Về văn bản chế độ: BIDV đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chế độ. Các văn bản được rà soát hàng năm nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và phù hợp thực tế.
- ❖ Về công cụ quản lý: BIDV triển khai hệ thống các công cụ quản lý rủi ro hoạt động (Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động - RCSA, chỉ số rủi ro trọng yếu - KRI, thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động - LDC, sử dụng phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, thí điểm sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ); Triển khai quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới; quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài; xây dựng, triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục và mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động; Triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 22/2023/TT-NHNN và xây dựng lộ trình triển khai đáp ứng Thông tư 14/2025/TT-NHNN; kiểm tra sức chịu đựng về vốn theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
- ❖ Về hệ thống CNTT và báo cáo: BIDV đã xây dựng và triển khai các chương trình, giải pháp phần mềm hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động, hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ, đột xuất.
- ❖ Về đào tạo, truyền thông: Triển khai các chương trình đào tạo, truyền thông định kỳ nhằm nâng cao kiến thức, nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro, đồng thời xây dựng thư viện đào tạo quản lý rủi ro hoạt động để cập nhật kiến thức đến các đơn vị/cán bộ trong hoàn hệ thống.

e. Quản lý rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là những sự kiện pháp lý bất lợi nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất đối với hoạt động của doanh nghiệp. Rủi ro nói chung và rủi ro pháp lý trong hoạt động ngân hàng luôn được đề cao hơn vì kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh đặc biệt, tiềm ẩn nhiều rủi ro và có khả năng gây tác động domino mang tính hệ thống.

Tại BIDV, hoạt động quản lý, kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý luôn được tôn trọng, đề cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo đó, các hoạt động để quản lý rủi ro pháp lý của BIDV được thể hiện trên các mặt:

- ❖ Đối với từng mảng nghiệp vụ hoạt động đã xây dựng và ban hành hệ thống quy định, quy trình, quy chế, mẫu biểu hướng dẫn thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống; thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp;
- ❖ Thẩm định pháp lý toàn diện đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật đối với tất cả các văn bản chế độ nội bộ của BIDV trước khi ban hành và áp dụng trên thực tế;
- ❖ Tư vấn pháp lý thường xuyên trong mọi hoạt động BIDV, đặc biệt là tư vấn xử lý tranh chấp, thu hồi nợ;

- ❖ Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và văn bản chế độ nội bộ cho cán bộ toàn hệ thống;
- ❖ Giám sát, kiểm tra sau đối với quá trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nội bộ;
- ❖ Luôn cập nhật các chính sách, quy định pháp luật mới ban hành;
- ❖ Chủ động: (a) nghiên cứu, tham gia quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của BIDV từ đó nắm bắt xu hướng thay đổi chính sách pháp luật và có định hướng hoạt động phù hợp; và (b) kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi các mâu thuẫn, bất cập, chồng chéo tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
- ❖ Thường xuyên kiện toàn, tăng cường, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp chế đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp lý ngày càng tăng đối với hoạt động nghiệp vụ trong toàn bộ hệ thống.

Đối với các giao dịch có giá trị lớn, tính chất phức tạp hoặc liên quan đến yếu tố nước ngoài, BIDV chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và hạn chế các rủi ro pháp lý. Bên cạnh sự hỗ trợ từ Ban Pháp chế, các đơn vị thành viên cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình.

8.3.2. *Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế*

BIDV tiếp tục củng cố năng lực quản lý rủi ro theo hướng hiện đại và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, đồng thời nâng cao mức độ an toàn vốn và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Ngân hàng duy trì cách tiếp cận quản trị rủi ro toàn diện, vận hành đồng bộ trên tất cả các mảng hoạt động và thường xuyên cập nhật những thông lệ tiên tiến để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững. Với trọng tâm là quản trị rủi ro tín dụng, BIDV chú trọng hoàn thiện khung quản lý rủi ro, duy trì nguyên tắc độc lập và tập trung đáp ứng quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời chủ động thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản và chính sách cấp tín dụng nhằm nâng cao mức độ an toàn và hiệu quả. Kết quả của quá trình này thể hiện rõ qua việc ngân hàng triển khai chương trình cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, giúp phát hiện kịp thời các dấu hiệu rủi ro và góp phần giảm thiểu tổn thất tiềm ẩn.

Song song với đó, BIDV từng bước triển khai lộ trình áp dụng Basel III trên nền tảng đã đáp ứng sớm chuẩn mực Basel II theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN, đồng thời đổi mới mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo phương pháp FIRB nhằm nâng cao khả năng định lượng rủi ro, tối ưu phân bổ vốn và tăng cường năng lực chống chịu trước biến động thị trường. Các công cụ quản lý rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường cũng tiếp tục được nghiên cứu, cải tiến và triển khai theo hướng hiện đại hóa, tạo ra sự chuyển đổi tích cực trong công tác kiểm soát nội bộ và giám sát rủi ro. Việc trang bị nền tảng phần mềm đáp ứng chuẩn mực IFRS9 cũng đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc chuẩn hóa báo cáo tài chính, làm nền tảng cho hoạt động quản lý rủi ro hiện đại, chuyên nghiệp, hướng đến thông lệ quốc tế và chuẩn mực tốt..

Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, BIDV còn chú trọng hoàn thiện thể chế và tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong điều hành hoạt động tín dụng, qua đó nâng cao chất lượng quản lý và khả năng phản ứng chính sách. Những nỗ lực này kết hợp với việc tối ưu danh mục tín dụng, kiểm

soát chặt chẽ chất lượng tài sản và tăng cường thu hồi – xử lý nợ đã giúp BIDV duy trì tỷ lệ nợ xấu trong phạm vi kiểm soát và đảm bảo sức khỏe tài chính ổn định.

Tổng thể, các biện pháp được triển khai giai đoạn này cho thấy BIDV đã thực hiện quản lý rủi ro một cách bài bản, có hệ thống và phù hợp định hướng phát triển bền vững. Sự kết hợp giữa nâng cấp mô hình quản trị, ứng dụng công cụ đo lường tiên tiến, tăng cường cảnh báo sớm và hoàn thiện thể chế đã góp phần nâng cao năng lực quản trị rủi ro, củng cố mức độ an toàn vốn và tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh trong những năm tiếp theo.

8.4. Thị trường hoạt động

a. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Là một trong ba ngân hàng thương mại có mạng lưới rộng nhất Việt Nam, BIDV có địa bàn kinh doanh trải dài và mạng lưới rộng khắp, phủ kín 34 tỉnh/thành phố trên cả nước với tổng số điểm mạng lưới đến thời điểm hiện tại gồm:

- 01 Trụ sở chính tại Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- 175 Chi nhánh tại Việt Nam; 1 Chi nhánh ở nước ngoài (tại Myanmar);
- 927 Phòng Giao dịch;
- 03 Đơn vị Sự nghiệp (Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trung tâm Dịch vụ Kho quỹ phía Nam, Trường Đào tạo);
- 02 Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (TP Hồ Chí Minh và TP Đà Nẵng);
- 04 Văn phòng Đại diện ở nước ngoài (Campuchia, Lào, Đài Loan, Liên Bang Nga).

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/thành phố giúp BIDV tiếp cận một số lượng lớn khách hàng trên toàn quốc và các khu lân cận, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình tổ chức, doanh nghiệp.

b. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Về mạng lưới khách hàng:

- Khách hàng doanh nghiệp lớn

Phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn của BIDV là các khách hàng có doanh thu bình quân 2 năm gần nhất trên 2.000 tỷ đồng hoặc giới hạn cấp tín dụng của khách hàng/Nhóm KHLQ trên 3.000 tỷ đồng. Theo đó, BIDV đã tập trung khai thác tối đa tiềm năng khách hàng hiện tại, tăng cường mở rộng nền tảng khách hàng lõi, phát triển hệ thống quản trị xuyên suốt cùng cơ chế chính sách khách hàng linh hoạt phù hợp theo từng nhóm khách hàng. Đến 30/09/2025, BIDV đang có 3.439 khách hàng doanh nghiệp lớn trong đó tập trung chủ yếu ở địa bàn Hà Nội (1.160 khách hàng), địa bàn TP. Hồ Chí Minh (843 khách hàng). Trong 3.439 khách hàng này, tập trung theo ngành nghề: Bán buôn (552 khách hàng), Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (336 khách hàng), Xây dựng công trình dân dụng (257 khách hàng).

- Khách hàng doanh nghiệp MIDCOM

Phân khúc KHDN MIDCOM của BIDV là các khách hàng có doanh thu từ 500 – 2.000 tỷ đồng. Đây là phân khúc mới được BIDV phân tách từ nhóm KHDNL cũ để có thể xây dựng các chính sách, cơ chế ưu đãi với đặc thù của nhóm khách hàng này. Đến 30/09/2025, BIDV có 3.460 KHDN MIDCOM trong đó tập trung vào địa bàn Hà Nội (1.170 khách hàng), địa bàn TP Hồ Chí Minh (847 khách hàng). Trong 3.460 khách hàng này, tập trung theo ngành nghề: Bán buôn (933 khách hàng), KD BDS (296 khách hàng), Xây dựng công trình dân dụng (287 khách hàng).

- Khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

+ Về số lượng khách hàng DNNVV: Tính đến thời điểm 30/9/2025, số lượng KHDNNVV tại BIDV (bao gồm cả đơn vị hành chính sự nghiệp) đạt 461.000 khách hàng.

+ Về địa bàn: Khách hàng DNNVV của BIDV trải rộng cả 03 miền Bắc – Trung – Nam. Trong đó, khu vực Hà Nội là địa bàn có số lượng KH lớn nhất với 103.918 khách hàng (chiếm 22,5% SLKH SME), tiếp theo là địa bàn HCM với số lượng KH lên tới 68.207 khách hàng (chiếm 14,8% SLKH SME), đứng cuối cùng là địa bàn MNPB với số lượng KH SME ở mức 39.887 khách hàng (chiếm 8,6% SLKH SME).

+ Về ngành nghề kinh doanh: Hiện BIDV đang có quan hệ với các khách hàng DNNVV ở đa dạng các ngành nghề khác nhau. Trong đó khách hàng hoạt động tập trung chủ yếu trong các ngành nghề như Bán buôn (gồm 94.252 khách hàng, chiếm tỷ trọng 20,4%), Xây dựng (gồm 46.741 khách hàng, chiếm tỷ trọng 10,1%), Giáo dục đào tạo (gồm 22.819 khách hàng, chiếm tỷ trọng 4,9%), Xây dựng nhà (gồm 22.282 khách hàng, chiếm tỷ trọng 4,8%), các ngành khác.

- Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài (FDI).

Hiện nay, số lượng khách hàng FDI tại BIDV là hơn 9.800 khách hàng từ nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan... Mạng lưới khách hàng FDI của BIDV trải rộng trên toàn quốc, tập trung tại các địa bàn thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài như TP. Hồ Chí Minh (2.485 khách hàng chiếm tỷ trọng 25,4%), Hà Nội (1.343 khách hàng chiếm tỷ trọng 13,7%), Động lực phía Nam như Bình Dương, Đồng Nai (1.208 khách hàng chiếm tỷ trọng 12,3%). Ngành nghề kinh doanh của khối khách hàng FDI đa dạng, trong đó một số ngành nghề nổi bật, thu hút nhiều vốn đầu tư như công nghiệp chế biến, chế tạo (47%), Bán buôn (17%), xây dựng (5%), kinh doanh bất động sản (3%)...

- Khách hàng Định chế tài chính (ĐCTC): bao gồm 2,851 CIF khách hàng tại Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, được chia thành các nhóm khách hàng như sau:

+ ĐCTC là Tổ chức tín dụng: bao gồm ĐCTC 38 NH Việt Nam: trong đó gồm 01 NHTM quốc doanh, 33 NHTM Cổ phần, 01 Ngân hàng liên Doanh, 01 Ngân hàng hợp tác xã, 02 Ngân hàng Chính sách; 17 Công ty tài chính và Công ty tài chính tiêu dùng; 3 Công ty cho thuê tài chính; 599 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và 4 tổ chức tài chính vi mô; và ĐCTC nước ngoài: 1.149 ngân hàng đại lý trên toàn thế giới.

+ ĐCTC phi tổ chức tín dụng: bao gồm ĐCTC Việt Nam đặc biệt: BHXH, Bộ Tài Chính, Hải Quan, Kho Bạc Nhà nước, các Quỹ ngoài ngân sách...

- + ĐCTC thương mại: Các công ty chứng khoán (144 CIF khách hàng), Công ty bảo hiểm (201 CIF khách hàng), Công ty Quản lý quỹ và các quỹ đầu tư (127 CIF khách hàng và các ĐCTC (350 CIF khách hàng).
- + ĐCTC là tổ chức đa phương & ngân hàng phát triển: Quỹ khí hậu xanh (GCF), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Ngân hàng Thế giới (World Bank), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF); Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), JBIC, JICA, KDB, AIIB, CDP, CDB, Hiệp hội Ngân hàng Trung Quốc - ASEAN (CAIBA)...
- Khách hàng cá nhân:

Tính đến 30/09/2025, BIDV đã đạt gần 26 triệu khách hàng cá nhân, chiếm ~26% dân số cả nước, trong đó 33% số lượng khách hàng tập trung ở 2 thành phố lớn là Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Tốc độ tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân trung bình đạt 13%/năm. Tỷ lệ khách hàng hoạt động thường xuyên (Active) đạt 51%, trung bình mỗi khách hàng Active đăng ký sử dụng khoảng 4 sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ.

Về sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng:

- Khách hàng doanh nghiệp:
- + Sản phẩm cho vay: BIDV hiện đang có rất nhiều nhóm sản phẩm tín dụng đa dạng. Trong đó bao gồm nhóm sản phẩm liên quan tới lãi suất và kỳ hạn cho vay (ngắn hạn và vay trung dài hạn), các sản phẩm tín dụng, cơ chế đặc thù cho từng quy mô và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (cơ chế cấp tín dụng đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, cơ chế tín dụng đặc thù dành cho khách hàng DNNVV, sản phẩm tài trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, Tài trợ doanh nghiệp cung ứng, tài trợ nhà phân phối trong các lĩnh vực tiềm năng, tài trợ các chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp đầu ngành), các gói tín dụng ưu đãi lãi suất cho khách hàng doanh nghiệp...
- + Sản phẩm tiền gửi: Bên cạnh danh mục sản phẩm dùng chung cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp đã khá đa dạng và tương đồng với các Ngân hàng thương mại khác trên thị trường, BIDV thường xuyên nắm bắt nhu cầu gửi tiền/quản lý dòng tiền đặc biệt của khách hàng để kịp thời nghiên cứu, thiết kế sản phẩm tiền gửi đặc thù cho từng khách hàng/nhóm khách hàng doanh nghiệp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đặc thù của doanh nghiệp, từ đó góp phần duy trì và gia tăng nguồn tiền gửi ổn định vào hệ thống BIDV (tiền gửi như ý, như sản phẩm tiền gửi đặc thù dành cho các khách hàng Sở kế hoạch đầu tư, Văn phòng tình uỷ, Ban quản trị nhà chung cư, Cục/chi cục thi hành án, công đoàn cơ sở của các trường học, đơn vị hành chính sự nghiệp khác...).
- + Các sản phẩm dịch vụ khác: ngoài các sản phẩm liên quan tới huy động vốn và tín dụng, BIDV hiện đang cung cấp các sản phẩm phi tín dụng đa dạng tới khách hàng doanh nghiệp. Ngoài các sản phẩm về tài trợ thương mại như cho vay thực hiện hợp đồng xuất khẩu, Tài trợ nhập khẩu theo hợp đồng khung, Thanh toán CAD, Chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất, Forfaiting, Tài trợ L/C nội địa, L/C giáp lưng hoặc các sản phẩm thanh toán và quản lý tiền tệ như: Thanh toán lương, Thanh toán tự động dành cho KHDN, Sản phẩm BIDV iBank/Direct (bao gồm QLDT, KSDT),..., lương, Thanh toán tự động dành cho KHDN, Sản phẩm BIDV iBank/Direct (bao gồm QLDT, KSDT),..., BIDV đang tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ thanh toán, thu hộ với hàm lượng công nghệ cao đặc biệt được quan tâm, chú trọng nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng sử dụng

như Thu hộ qua Tài khoản định danh (Virtual Account), Thu hộ qua phí, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, truyền hình cáp, thanh toán lương, nộp thuế điện tử và các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khác nhằm tăng thu phí dịch vụ và thu hút nguồn tiền gửi không kỳ hạn với chi phí thấp của khách hàng DNNVV. Trong đó đặc biệt BIDV đã triển khai Dịch vụ cung cấp tài khoản online cho doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tại Sở KHĐT TP. Hà Nội - đây là một dịch vụ mới, chưa từng được thực hiện tại BIDV cũng như tại các Sở KHĐT trong cả nước.

- Khách hàng cá nhân:

Với thông điệp "Vững vàng vị thế, Kiến tạo tương lai", BIDV tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ. BIDV không ngừng đổi mới, sáng tạo và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính đột phá, đồng thời nâng cao trải nghiệm khách hàng qua những giải pháp số hóa tiên tiến. Với chiến lược vững chắc, BIDV không chỉ duy trì sự tin tưởng của khách hàng hiện tại mà còn mở ra tương lai phát triển bền vững, góp phần kiến tạo một hệ sinh thái tài chính hiện đại và linh hoạt.

+ BIDV SmartBanking - Hệ sinh thái tài chính số toàn diện

Ngân hàng số BIDV SmartBanking ngày càng hoàn thiện, đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của khách hàng chỉ trong vài thao tác đơn giản. Không chỉ dừng lại ở các dịch vụ giao dịch truyền thống, SmartBanking liên tục cập nhật các tính năng thông minh như nộp thuế trực tuyến, đầu tư trái phiếu, chứng chỉ quỹ, mở tài khoản số đẹp theo phong thủy với tư vấn từ AI, tính năng quản lý cửa hàng (tạo mã QR để thu hộ và quản lý doanh thu bán hàng) cho khách hàng tiểu thương. Đồng thời, ngân hàng liên tục hợp tác với các đối tác lớn để mở rộng và hoàn thiện hệ sinh thái tiện ích tài chính và phi tài chính hấp dẫn, đa dạng cho khách hàng như Data 4G, Voucher Dealtoday, Mua sắm hoàn tiền, Vietlott SMS, Dịch vụ Golf... Bên cạnh hệ sinh thái sản phẩm số, SmartBanking còn mang đến trải nghiệm khách hàng vượt trội đa kênh liền mạch với các tính năng có hàm lượng công nghệ cao như: Chatbot AI trả lời tự động các thắc mắc của khách hàng; Dấu ấn 2024 - Tổng kết giao dịch trong năm và gợi ý phong thủy; Ứng dụng công nghệ gamification với trò chơi Green Mission không chỉ giúp gia tăng tương tác với khách hàng mà thông qua trò chơi, khách hàng đóng góp vào dự án trồng 1 triệu cây xanh để bảo vệ môi trường.

+ Tín dụng xanh – Đón đầu xu thế

Hưởng ứng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tín dụng xanh, bền vững được BIDV xác định là một trong các mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong chiến lược kinh doanh dài hạn. Song song với đó là hoạt động chuyển đổi số và số hóa toàn bộ các sản phẩm tín dụng tại BIDV. Năm 2024, BIDV đẩy mạnh số hóa toàn bộ quy trình tín dụng, mang lại cho khách hàng trải nghiệm giao dịch nhanh chóng, tiện lợi và tiết kiệm chi phí, với các ứng dụng như BIDV Home 3.0, RLOS và Smart Banking cho phép khách hàng giao dịch xuyên suốt 24/7. Riêng đối với lĩnh vực xanh, BIDV đã triển khai Gói tín dụng 10.000 tỷ đồng cho vay hỗ trợ khách hàng cá nhân SXKD nông nghiệp công nghệ cao, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp như VietGap, GlobalGap, OCOP... hướng đến mục tiêu phát triển tín dụng bền vững. Đồng thời, BIDV cũng tăng cường hợp tác với các hãng xe ô tô điện lớn trong và ngoài nước như Vinfast, BYD triển khai các chính sách cho vay KHCN mua xe ô tô điện.

+ Thẻ BIDV – Khám phá trải nghiệm cá nhân hóa, dẫn lối phong cách sống tinh hoa

Với thông điệp “Thật đáng giá”, mỗi một sản phẩm dịch vụ thẻ BIDV đều được chú trọng đầu tư nghiên cứu tỉ mỉ ứng dụng công nghệ số để thiết kế riêng biệt theo hành vi khách hàng, mang lại sự phù hợp nhất đối với từng phân khúc khách hàng trong các lĩnh vực được quan tâm như: Sản phẩm thẻ Ghi nợ quốc tế BIDV Mastercard Moneyverse – sản phẩm tài chính giáo dục đầu tiên hướng đến đào tạo thế hệ trẻ có tri thức trong kiểm soát “quỹ đạo chi tiêu”, mở ra hành trình hoàn thiện bản thân, mang trong mình bản sắc của sinh viên Việt Nam; Sản phẩm thẻ Tín dụng quốc tế BIDV JCB Well-being tiên phong trên thị trường chăm sóc sức khỏe toàn diện là công cụ tài chính mang lại trải nghiệm tận hưởng trọn vẹn hành trình chăm sóc thân - tâm - trí với những đặc quyền riêng.

Đặc biệt, BIDV tiếp tục chú trọng phát triển dòng thẻ tín dụng quốc tế cao cấp với thẻ Tín dụng quốc tế “BIDV Mastercard World Travel” - dòng thẻ cao cấp đầu tiên định hình giá trị vượt trội mang tới khách hàng yêu du lịch trải nghiệm, khám phá thế giới và tận hưởng dịch vụ sống phong cách. Sản phẩm không chỉ là công cụ thanh toán mà còn là chìa khóa mở ra Hành trình trải nghiệm độc bản - trải nghiệm du lịch độc đáo, mang đậm dấu ấn cá nhân và bản sắc riêng của mỗi người. Trong xu thế số hóa mạnh mẽ, BIDV không ngừng nâng cấp các giải pháp thanh toán hiện đại, đa nền tảng. Việc triển khai Apple Pay với thẻ tín dụng VISA, Google Pay với thẻ VISA Prepaid đã giúp khách hàng tiếp cận công nghệ thanh toán nhanh chóng, an toàn và tiện lợi. Bên cạnh đó, thẻ tín dụng online cho phép khách hàng dễ dàng đăng ký và sử dụng mà không cần đến quầy giao dịch, mang đến trải nghiệm liền mạch và tối ưu trên nền tảng số. Với những bước tiến đột phá trong chiến lược phát triển sản phẩm và ứng dụng công nghệ hiện đại, BIDV tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trên thị trường thẻ, mang đến cho khách hàng những giá trị vượt trội và nâng tầm trải nghiệm thanh toán trong kỷ nguyên số.

+ Triển khai, cải tiến sản phẩm dịch vụ tiền gửi, thúc đẩy tăng trưởng CASA

BIDV không ngừng phát triển và cá nhân hóa các sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu đa dạng của từng nhóm khách hàng. BIDV luôn lắng nghe và hiểu rõ sở thích, nhu cầu của từng đối tượng để mang đến những giải pháp tài chính tối ưu nhất.

Các sản phẩm tiền gửi của BIDV được thiết kế linh hoạt, từ tính năng đáo hạn vào ngày nghỉ lễ, đến các gói tiền gửi thanh toán nhóm hỗ trợ cá nhân quản lý quỹ, hay tiền gửi online dành cho khách hàng quốc tế, cung cấp các sản phẩm đặc biệt cho đối tượng an sinh xã hội, đều nhằm tối ưu hóa lợi ích và sự tiện dụng. Đối với khách hàng tiểu thương, BIDV mang đến các tiện ích như chia sẻ biến động số dư qua OTT, kết nối dịch vụ thu hộ qua QR shop và phần mềm bán hàng, đồng thời cung cấp các gói vay kinh doanh ưu đãi để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đối với khách hàng nhận lương thông qua tài khoản BIDV, khách hàng sẽ được hưởng các sản phẩm vay lương và chương trình loyalty đặc biệt dành riêng cho nhóm khách hàng này.

+ Tiên phong mang đến những giải pháp tài chính đa dạng, khác biệt và cạnh tranh dẫn đầu thị trường dành cho khách hàng cao cấp

Bên cạnh xây dựng danh mục sản phẩm dịch vụ đa dạng, cạnh tranh dẫn đầu thị trường về các sản phẩm ngân hàng truyền thống, đầu tư, bảo vệ và tư vấn chuyên biệt (du học, định cư, đầu tư ra người ngoài...), BIDV tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong với các

giải pháp tài chính đột phá, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cao cấp. Nổi bật là BIDV Women & Wealth, P-Fund và CD Flex, giúp tối ưu dòng tiền, nâng cao hiệu quả đầu tư và đảm bảo lợi nhuận bền vững: BIDV Women & Wealth – giải pháp tài chính toàn diện dành cho nữ doanh nhân và khách hàng nữ thành đạt, P-Fund- giải pháp ủy thác đầu tư cấu trúc dành cho khách hàng sở hữu tài sản lớn và CD Flex sản phẩm tiền gửi linh hoạt với lãi suất hấp dẫn, phù hợp khách hàng có nhu cầu tối ưu nguồn vốn ngắn hạn.

Nâng tầm hợp tác với Edmond de Rothschild, BIDV là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam mang đến khách hàng cơ hội tiếp cận dịch vụ ngân hàng tại Thụy Sĩ, mở ra triển vọng đầu tư đa dạng và đầy tiềm năng. BIDV cũng là ngân hàng đầu tiên tổ chức chuỗi sự kiện chuyên biệt về đầu tư kết hợp với các đối tác trong và ngoài nước như Global Insight, Elevation Talks, Investor Days cung cấp những phân tích chuyên sâu về kinh tế vĩ mô cho khách hàng cao cấp, mang đến các giải pháp đầu tư “may đo” phù hợp với nhu cầu và khẩu vị riêng biệt của từng cá nhân với mục tiêu phát triển tài sản bền vững. Bên cạnh đó, BIDV phối hợp Edmond de Rothschild tổ chức sự kiện đầu tư kết hợp thưởng rượu vang độc quyền “The taste of time”, mở ra cơ hội đầu tư vào các kiệt tác rượu vang và mang đến trải nghiệm đẳng cấp xứng tầm.

BIDV khẳng định năng lực cung cấp dịch vụ Private Banking với lực lượng Private Banker duy nhất tại Việt Nam được đào tạo bài bản bởi các đối tác quốc tế như Singapore WMI, Edmond de Rothschild. Ghi nhận những nỗ lực trên, tháng 7/2024, Tạp chí The Asian Banker vinh danh BIDV lần thứ hai liên tiếp là ngân hàng có dịch vụ Private Banking tốt nhất Việt Nam với hệ sinh thái đối tác toàn cầu, mô hình chuẩn quốc tế, danh mục sản phẩm dịch vụ đa dạng chuyên biệt và bộ đặc quyền đẳng cấp số 1 thị trường.

c. Vị thế của BIDV trong ngành

BIDV là NHTM lâu đời nhất tại Việt Nam với bề dày 68 năm hoạt động và phát triển. BIDV là NHTM cổ phần niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, có sở hữu chi phối của Chính phủ và có cổ đông chiến lược nước ngoài là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Châu Á. Trong suốt quá trình phát triển, BIDV đã và đang khẳng định vững chắc vị thế là một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam và khu vực, với nền tảng tài chính vững mạnh, hệ thống quản trị hiện đại và chiến lược phát triển toàn diện. Ngân hàng không ngừng hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản lý rủi ro, đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, BIDV tiếp tục thể hiện vai trò ngân hàng tiên phong trong phát triển bền vững, hiện thực hóa các cam kết ESG và thúc đẩy tài chính xanh, qua đó khẳng định uy tín, quy mô và tầm vóc của một định chế tài chính trụ cột của Việt Nam trên trường khu vực.

Vị thế dẫn đầu

Tại thời điểm 30/09/2025, BIDV đứng đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam về quy mô Tổng tài sản (3.072 nghìn tỷ đồng). Là một ngân hàng đa năng, BIDV cung cấp tất cả các dịch vụ ngân hàng và sản phẩm tài chính cho khách hàng cá nhân, tổ chức và Chính phủ. BIDV có thể mạnh về mạng lưới rộng khắp bao gồm 175 chi nhánh trong nước và 927 phòng giao dịch tại tất cả 34 tỉnh thành phố trong cả nước, có quan hệ hợp tác với 2.300 định chế tài chính ở 178 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Ngoài ra, BIDV có các công ty trực thuộc hoạt động trong các lĩnh vực chứng khoán (BSC), bảo hiểm (BIC), cho thuê tài chính (BSL), Quản lý nợ

và khai thác tài sản (BAMC)...giúp BIDV đáp ứng nhu cầu đa dạng của nền khách hàng rộng lớn bao gồm 23 triệu khách hàng cá nhân và gần 500 nghìn khách hàng doanh nghiệp. BIDV duy trì vị thế dẫn đầu thị trường trong nhiều lĩnh vực chủ chốt như bán lẻ, SME, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán, nghiên cứu thị trường, đồng thời đang hướng mạnh đến lĩnh vực ngân hàng số.

Năng lực tài chính vững mạnh và ngày càng được nâng cao

Tổng tài sản đến 30/09/2025 đạt 3.072 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3% so với đầu năm; dư nợ tín dụng đạt 2.244 nghìn tỷ đồng (tăng 8,8%), huy động vốn đạt 2.299 nghìn tỷ đồng (tăng 6,5%) duy trì vị thế là ngân hàng có quy mô tổng tài sản lớn nhất trên thị trường. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất quý III/2025 của BIDV đạt 23.632 tỷ đồng, tăng 7.2% so với cùng kỳ năm trước. Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt. Các tỷ lệ an toàn hoạt động luôn đảm bảo theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Vốn điều lệ của BIDV tính đến 30/09/2025 đạt 70.213,62 tỷ đồng. Ngoài ra, với sự hợp tác chiến lược cùng đối tác Hana Bank, BIDV nhận được chương trình hỗ trợ kỹ thuật dài hạn trên 5 lĩnh vực trọng tâm gồm: (i) Phát triển kinh doanh, (ii) Ngân hàng bán lẻ, (iii) Quản lý rủi ro, (iv) CNTT & mô hình kinh doanh mới, (v) Chiến lược tương lai (ESG, văn hóa, nhân lực). Theo đó, năng lực quản trị điều hành; quản trị rủi ro; phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực;...v.v. của BIDV đang ngày càng phát triển, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu sản phẩm, tiện ích của khách hàng, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Tiên phong áp dụng chuẩn mực quốc tế

BIDV là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hoàn thành Basel II và đang chủ động triển khai lộ trình áp dụng tiêu chuẩn Basel III, sẵn sàng đáp ứng quy định của NHNN cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro. Đặc biệt, việc áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế số 9 (IFRS9) thể hiện nỗ lực của BIDV nhằm nâng cao tính minh bạch và chuẩn hóa báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế. Về phát triển bền vững, BIDV tiên phong phát hành Báo cáo Phát triển bền vững độc lập theo chuẩn quốc tế GRI và tham chiếu đến các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, cung cấp thông tin minh bạch cho các tổ chức quốc tế đánh giá hiệu quả và thực trạng triển khai ESG tại BIDV.

Dẫn đầu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin

BIDV được đánh giá là một trong top 5 NHTM dẫn đầu ICT Index trong nhiều năm qua. Hiện nay, BIDV đang tiếp tục phát triển nhiều sản phẩm ngân hàng số theo xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0. Đặc biệt BIDV xác định chiến lược phát triển kinh doanh với công nghệ và ngân hàng số là một trong 3 trụ cột chính của BIDV.

Bảng 18: So sánh một số chỉ tiêu tài chính của BIDV với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 30/09/2025)

Đơn vị: Tỷ đồng

Tiêu chí	BID	VCB	MBB	CTG	TCB	VPB
Vốn điều lệ	70.213,619	83.556,751	80.549,999	53.699,917	70.648,517	79.339,236
Vốn chủ sở hữu	167.986,701	222.791,545	133.090,745	169.881,000	179.430,593	159.545,287

Tiêu chí	BID	VCB	MBB	CTG	TCB	VPB
Tổng tài sản	3.071.970,196	2.378.185,628	1.328.560,306	2.761.550,938	1.129.570,458	1.178.298,568
Tiền gửi khách hàng	2.087.181,421	1.611.966,698	788.030,328	1.775.527,421	595.086,941	585.833,049
Cho vay khách hàng	2.197.470,752	1.595.933,982	917.699,001	1.952.226,906	756.078,003	879.072,205
Tổng thu nhập hoạt động	611.417,880	53.185,091	48.165,069	63.870,207	38.596,352	52.238,275
Lợi nhuận sau thuế	18.940,359	26.564,650	18.480,026	23.763,855	18.974,646	16.236,187
ROE	16,14%	16,9%	19,7%	19,9%	15,5%	14,1%
Định hạng tín nhiệm của Moody's (Định hạng nhà phát hành dài hạn)	Ba2	Ba2	Ba3	Ba2	Ba3	Ba3

Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ quý III năm 2025 của các một số ngân hàng niêm yết: BID, VCB, MBB, CTG, TCB và VPB

Theo đó, BIDV đang đứng đầu về tổng tài sản, tiền gửi khách hàng, cho vay khách hàng, tổng thu nhập hoạt động.

Thị phần và khả năng cạnh tranh

Vị thế thị trường cũng như thị phần về quy mô hoạt động của BIDV (Dư nợ, huy động vốn) nằm trong top các ngân hàng đứng đầu thị trường trong nhiều năm.

Bảng 19: Thị phần của BIDV so với toàn ngành trong những năm gần đây

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Năm	Dư nợ tín dụng (*)		Huy động vốn	
	BIDV	Thị phần	BIDV	Thị phần
2021	1.369	13,11%	1.509	13,79%
2022	1.535	12,87%	1.636	13,84%
2023	1.785	13,16%	1.906	14,25%
2024	2.062	13,20%	2.159	14,65%
2025	2.244	12,67% (**)	2.299	14,62% (***)

Nguồn: BIDV, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Lưu ý:

(*) *Dư nợ tín dụng = Cho vay khách hàng + Trái phiếu doanh nghiệp (Chứng khoán nợ do tổ chức kinh tế trong nước phát hành mục chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;*

Huy động vốn (HDV) = Tiền gửi khách hàng + Phát hành Giấy tờ có giá + Tiền gửi của BTC.

(**) *Thị phần về Dư nợ tín dụng của BIDV: Số dư nợ của BIDV và dư nợ toàn ngành được cập nhật lần lượt đến ngày 30/09/2025 và 29/09/2025.*

(***) *Thị phần về HDV của BIDV: Số HDV của BIDV được cập nhật đến 30/09/2025 và số HDV toàn ngành được cập nhật đến 31/07/2025.*

Trong những năm gần đây, BIDV liên tục khẳng định vị thế của ngân hàng hàng đầu Việt Nam với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế. Ngân hàng nhiều năm liền nằm trong Top 2.000 công ty lớn nhất thế giới (Forbes) và Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (Forbes Việt Nam). Bên cạnh đó, BIDV liên tục được vinh danh trong nhiều giải thưởng lớn, tiêu biểu có thể kể đến: “Ngân hàng Lưu ký - Giám sát tốt nhất Việt Nam năm 2025” (Tạp chí The Asian Banker), “Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam năm 2024” (Euromoney), “Ngân hàng bán lẻ tốt nhất năm 2024” (Tạp chí The Asian Banker), “Nơi làm việc tốt nhất châu Á năm 2024” (HR Asia Magazine), “Ngân hàng cung cấp giải pháp số hàng đầu Việt Nam” (Asianmoney, 2023), ...

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Trong giai đoạn năm 2023-30/09/2025, để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, BIDV đầu tư, đảm bảo cơ sở vật chất trụ sở làm việc và quảng bá thương hiệu hình ảnh trên thị trường, việc đánh giá ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của BIDV như sau:

- Một số dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV như: Làm tăng nhận diện thương hiệu, quảng bá hình ảnh, đảm bảo cơ sở vật chất là trụ sở cho Chi nhánh hoạt động kinh doanh.
- Các dự án đầu tư đang triển khai phù hợp nhu cầu kinh doanh, được quản lý với kế hoạch, phân bổ các nguồn chi phí đầu tư đảm bảo trong kế hoạch hoạt động kinh doanh của BIDV.
- Một số dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai trong năm 2023-30/09/2025 theo phụ lục đính kèm với 29 dự án là trụ sở Chi nhánh hoặc phòng giao dịch đang triển khai ở các giai đoạn khác nhau của dự án đầu tư.

Bảng 20: Một số dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai trong năm 2023-30/09/2025

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai
1	Trụ sở làm việc Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 5 khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai
2	Trụ sở làm việc CN Bình Dương	28 Lê Duẩn P. Hòa Phú, TP TDM Bình Dương	Đang thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
3	Trụ sở làm việc Chi nhánh Tây Đô	số 5 Phan Đình Phùng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
4	Trụ sở làm việc PGD Di Linh – Chi nhánh Bảo Lộc	số 33-35 lý thường kiệt khu 5, TT Di Linh tỉnh Lâm Đồng	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình và điều chỉnh thủ tục đất
5	Trụ sở làm việc PGD Chi Lăng - Chi nhánh Lâm Đồng	55A Phan chu Trinh, P9, TP Đà Lạt	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình và điều chỉnh thủ tục đất
6	Trụ sở làm việc của BIDV tại 111 Nguyễn Chí Thanh	111 Nguyễn Chí Thanh, Đà Nẵng	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
7	Tòa nhà làm việc của BIDV tại 20 Hàng Tre và số 2+ 4 Hàng Thùng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	20 Hàng Tre và số 2+ 4 Hàng Thùng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đang tổ chức Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công-Dự toán
8	Trụ sở làm việc PGD Đô Thi - Chi nhánh Gia Lai	66 Tăng Bạt Hồ, Pleiku, Gia Lai	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
9	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hạ Long	Số 74 Trần Hưng Đạo, P.Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long, Quảng Ninh	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu
10	Trụ sở làm việc BIDV tại 38-40 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	38-40 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đang tổ chức triển khai thi công xây dựng công trình
11	Trụ sở làm việc PGD Phan Thiet	125 Tran Phú, Phan Thiet, Bình thuận	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
12	Trụ sở làm việc PGD Lê Lợi và kho chứng từ	92 Ngô Quyền, Phường 1, Tiền Giang	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
13	Trụ sở CN Quy Nhơn	399-403 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Đang tổ chức công tác quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành
14	Trụ sở làm việc Chi nhánh Sa Pa (nay là PGD Sa Pa)	Số 20 đường Ngũ Chi Sơn, thị trấn Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Đang tổ chức thi công phần hoàn thiện công trình

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai
15	ĐTXDCT Trụ sở PGD Thanh Niên - CN Thành Đông	Khu Dân cư Bắc Đường Thanh Niên, Hải Dương, Hải Phòng	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
16	Xây dựng kho lưu trữ chứng từ Lai Vung	Số 66, Khu vực chợ, Khóm 3, TT Lai Vung, huyện Lai Vung, Đồng Tháp	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Đang tổ chức công tác quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành
17	Trụ sở làm việc CN Tam Điệp	Đường Trần Phú, P Bắc Sơn, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
18	Trụ sở làm việc chi nhánh Bắc Quảng Bình	Số 368 Quang Trung - TX Ba Đồn - Tỉnh Quảng Bình	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
19	Trụ sở làm việc BIDV Lam Sơn	Số 7, đường Phan Chu Trinh, P Điện Biên, TP Thanh Hóa	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
20	Trụ sở LV chi nhánh Hùng Vương	1464 đường Hùng Vương, P Tiên Cát, Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Đang tổ chức công tác quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành
21	Xây dựng đơn nguyên mới Trụ sở Chi nhánh Nam Thái Nguyên	TDP 5, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
22	Trụ sở làm việc PGD Thành Phố - CN Hà Giang	Tổ 07, phường Trần Phú, tỉnh Phú Thọ	Đang tổ chức thi công xây dựng công trình
23	Trụ sở làm việc PGD Phú Bình - CN Nam Thái Nguyên	TDP Đông, thị trấn Hương Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
24	Trụ sở làm việc PGD Đô Lương	Khối 4, TT Đô Lương, Lương, Tỉnh Nghệ An	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
25	Xây mới PGD ĐăkMil-Chi nhánh ĐăkNông	Thị trấn ĐăkMil-Tỉnh Lâm Đồng	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Đang tổ chức công tác quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành
26	Xây dựng trụ sở PGD Không Năng, kho tài liệu	105 Nguyễn Tất Thành, TT Không Năng, Huyện Không Năng, Tỉnh Đăk Lăk	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
27	Đầu tư xây dựng kho chứng từ - Chi nhánh Đông Đăk Lăk	156 đường Giải Phóng, thị trấn Phước An, tỉnh ĐăkLăk	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai
28	Trụ sở làm việc Chi nhánh Phú Thọ	Số 1155A, đường Hùng Vương, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	Đang triển khai công tác thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc
29	Trụ sở làm việc PGD Hồng Hà - Chi nhánh Yên Bái	Số 114, Đường Tuệ Tĩnh, Xã Mậu A, Tỉnh Lào Cai	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Đang tổ chức công tác quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành

Nguồn: BIDV

Bảng 21: Một số dự án đầu tư công nghệ chính đang thực hiện trong năm 2021-2025

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai và thời gian triển khai
1	Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	
-	Hạng mục: Mua sắm, triển khai hệ thống phần mềm Corebanking thuộc Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2023
-	Hạng mục: Mua sắm, triển khai phần mềm hệ thống tài trợ thương mại của BIDV	Dự án đã hoàn thành triển khai tháng 3/2021
2	Trang bị giải pháp quản lý khoản vay (cho khách hàng doanh nghiệp)	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2020.
3	Mua sắm mới giải pháp quản trị nhân sự tổng thể	Dự án đã hoàn thành triển khai Quý II/2021.
4	Đầu tư và xây dựng Trung tâm dữ liệu mới theo tiêu chuẩn TIER 3	Dự án hoàn thành triển khai và đưa vào sử dụng năm 2020.
5	Triển khai hệ thống Hạ tầng quản trị doanh nghiệp (ECM)	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2020.
6	Trang bị giải pháp hệ thống ALM	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2023
7	Triển khai giải pháp Quản trị dữ liệu	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2023
8	Triển khai quy trình khởi tạo khoản vay bán lẻ trên nền tảng giải pháp quản lý quy trình nghiệp vụ BPM	Dự án đã hoàn thành triển khai và golive năm 2024
9	Mua sắm máy ATM đa năng (CRM) giai đoạn 2020-2022	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2023
10	Đầu tư môi trường đám mây riêng tại Trung tâm dữ liệu của BIDV	Dự án đã hoàn thành triển khai và golive năm 2024
11	Trang bị ứng dụng tài trợ chuỗi cung ứng (SCF)	Đang triển khai hợp đồng, dự án đã golive vào tháng 10/2025
12	Mua sắm hệ thống thanh toán Thẻ mới	Đang triển khai hợp đồng, dự án đã golive và kiến hoàn thành trong năm 2025

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai và thời gian triển khai
13	Trang bị hệ thống Ngân hàng điện tử cho Khách hàng tổ chức	Dự án BIDV tự thực hiện nghiên cứu xây dựng và triển khai, dự án đã golive từ tháng 7/2025.
14	Hệ thống chuyển đổi số quản trị nội bộ toàn hàng (B.One)	Dự án BIDV tự thực hiện nghiên cứu xây dựng và triển khai. Đã golive giai đoạn 1, giai đoạn 2, đang tiếp tục triển khai giai đoạn 3
15	Xây dựng hệ thống PaymentHub	Dự án BIDV tự thực hiện nghiên cứu xây dựng và triển khai. Đã golive giai đoạn 1 năm 2023, đang tiếp tục triển khai giai đoạn 2 trong năm 2025.
16	Dự án Quản lý khoản vay khách hàng tổ chức (Lending hub)	Dự án BIDV tự thực hiện nghiên cứu xây dựng và triển khai. Dự kiến golive trong năm 2026.
17	Dự án Hệ sinh thái số toàn diện về bất động sản, ô tô và tư vấn tài chính, tài chính xanh (BIDV Home)	Dự án BIDV tự thực hiện nghiên cứu xây dựng và triển khai. Dự kiến golive trong năm 2026.

Nguồn: BIDV

Ngoài ra, BIDV tiếp tục đẩy mạnh công tác làm chủ công nghệ thông qua việc tự phát triển các nền tảng ứng dụng CNTT với cách làm nhiều đổi mới, cải tiến, áp dụng linh hoạt các phương thức tổ chức, phát triển phần mềm (Fusion team, Agile, DevSecOps,...), trong đó tập trung nguồn lực phát triển các hệ thống ứng dụng quan trọng như: Notification Hub; All in One Teller; FX Hub; các hệ thống Paygate, iConnect, ePay, hệ thống thanh toán B2B, SOA, vắn tin dữ liệu lịch sử,...

8.6. Chiến lược kinh doanh

Hướng tới sự phát triển bền vững, BIDV xác định các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

Chiến lược kinh doanh

- ❖ **Tầm nhìn:** Là định chế tài chính hàng đầu khu vực Đông Nam Á, có nền tảng số tốt nhất Việt Nam, phần đầu thuộc nhóm 100 Ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á
- ❖ **Sứ mệnh:** BIDV đem lại lợi ích, tiện ích tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.
- ❖ **Giá trị cốt lõi:** Trí tuệ - Niềm tin – Liêm chính – Chuyên nghiệp – Khát vọng
- ❖ **Các trụ cột phát triển:**
 - (i) Khách hàng: Khách hàng là trung tâm; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, đem lại sự trải nghiệm, sự hài lòng tối đa cho khách hàng.
 - (ii) Nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp: Xây dựng, phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có trình độ năng lực, có phẩm chất, hướng đến mục tiêu chung; phát huy các giá trị truyền thống, thực hành văn hóa Doanh nghiệp là động lực hoạt động của hệ thống.

- (iii) Công nghệ và ngân hàng số: Tập trung nguồn lực áp dụng công nghệ hiện đại trong quản trị điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh; ưu tiên phát triển ngân hàng số.

❖ **Mục tiêu chiến lược:**

- Năng lực tài chính lành mạnh đáp ứng các yêu cầu an toàn hoạt động theo quy định và thông lệ tốt, làm nền tảng tăng trưởng quy mô hoạt động, gia tăng thị phần và duy trì vị thế đứng đầu trên thị trường ngân hàng.
- Hiệu quả hoạt động bền vững trên cơ sở nâng cao chất lượng tài sản, cơ cấu lại nguồn thu, nâng dần tỷ trọng thu nhập phi tín dụng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng - tài chính - bảo hiểm tốt nhất cho khách hàng.
- Cơ cấu nền khách hàng chuyển dịch tích cực, phát triển khách hàng FDI, duy trì vị thế ngân hàng đứng đầu Việt Nam về thị phần trong phân khúc khách hàng bán lẻ và SME.
- Quản trị điều hành minh bạch, hiệu quả theo thông lệ, phấn đấu niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài.
- Đi đầu về công nghệ thông tin và ứng dụng ngân hàng số tại Việt Nam trong hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành, thích ứng được với sự thay đổi của thời đại.
- Đội ngũ nhân sự chất lượng cao đảm bảo yêu cầu phát triển của ngành ngân hàng trong xu thế hội nhập và CMCN 4.0; Phát triển văn hóa doanh nghiệp, xây dựng và duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, học hỏi, sáng tạo, trách nhiệm xã hội.

Nguồn vốn và nguồn lực:

Để thực hiện chiến lược đặt ra, BIDV tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng cường năng lực nguồn vốn và các nguồn lực khác bao gồm nguồn nhân lực, năng lực vận hành và năng lực CNTT. Cụ thể:

❖ **Đối với năng lực nguồn vốn:**

- Tập trung tăng vốn điều lệ thông qua các hình thức: (i) Phát hành bổ sung cho cổ đông hiện hữu; (ii) Chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài và phát hành riêng lẻ cho nhóm cổ đông; (iii) tăng từ nguồn trái phiếu chuyển đổi (khi phù hợp). Trong đó, ưu tiên sử dụng nguồn chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài (nhà đầu tư tài chính) để tăng cường năng lực tài chính.
- Gia tăng nguồn vốn tự có từ các nguồn khác ngoài vốn điều lệ: (i) Phát hành trái phiếu cấp 2 đủ điều kiện tính vào vốn tự có; (ii) Tăng vốn từ nguồn thặng dư phát hành thêm cổ phần trong trường hợp bán được cổ phần đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài, phát hành riêng lẻ,....

- ❖ **Đối với nguồn lực nhân sự:** BIDV định hướng phát triển nguồn nhân lực gắn với chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số. Ngân hàng ưu tiên xây dựng đội ngũ chủ chốt, nâng cao chất lượng nhân sự thông qua đào tạo và hoàn thiện cơ chế đánh giá – đãi ngộ. Đồng thời, BIDV thúc đẩy văn hóa

tuân thủ và đổi mới nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và hỗ trợ thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của BIDV.

- ❖ **Đối với nguồn lực CNTT:** BIDV xây dựng kiến trúc CNTT theo hướng kiến trúc mở, chú trọng tăng cường năng lực, chuẩn hóa cơ sở hạ tầng, đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, tự động hóa quy trình và phát triển đội ngũ CNTT để nâng cao hiệu quả vận hành và hỗ trợ phát triển kinh doanh. Bên cạnh đó, BIDV tăng cường hợp tác với các tổ chức công nghệ tài chính, công ty công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Đối với chiến lược giai đoạn 2026 – 2030, BIDV sẽ thực hiện cập nhật và công bố thông tin sau khi có phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

9. Thông tin về cổ đông lớn

Tên cổ đông	Nhà nước (NHNN Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV)	KEB Hana Bank
Năm thành lập	1951	1967
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số giao dịch	15/SL	Đăng ký kinh doanh số 202-81-14695 do Sở thuế Namdeamun cấp ngày 30/01/1967
Vốn điều lệ	N/A	KRW Million 5.359.578
Quốc tịch	Việt Nam	Hàn Quốc
Địa chỉ trụ sở chính	49 Phố Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	35 Eulji-ro, Jung-Gu, Seoul, 04523, Korea
Người đại diện theo pháp luật	Bà Nguyễn Thị Hồng - Thống đốc NHNN Việt Nam	Ông Lee, Ho Sung - Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành	- Ông Phan Đức Tú (Chủ tịch Hội đồng quản trị) - Ông Lê Ngọc Lâm (Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc) - Ông Ngô Văn Dũng (Ủy viên HĐQT) - Ông Quách Hùng Hiệp (Ủy viên HĐQT) - Ông Lê Kim Hòa (Ủy viên HĐQT) - Ông Trần Xuân Hoàng (Ủy viên HĐQT) - Ông Phạm Quang Tùng (Ủy viên HĐQT) - Ông Đặng Văn Tuyên (Ủy viên HĐQT)	Ông Seo Joong Gun - Trưởng Khối Kinh doanh toàn cầu KEB Hana Bank
Số lượng cổ phần nắm giữ	5.586.154.083	1.034.627.290
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	79,56%	14,74%
Cổ phần có quyền biểu quyết	5.586.154.083	1.034.627.290

Tên cổ đông	Nhà nước (NHNN Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV)	KEB Hana Bank
Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của người có liên quan	- Ông Phan Đức Tú, Chủ tịch HĐQT của BIDV, đại diện phần vốn của NHNN Việt Nam với số lượng 1.396.538.521 cổ phiếu (chiếm 19,8898524% vốn điều lệ), và sở hữu cá nhân 74.620 cổ phiếu (chiếm 0,0010627% vốn điều lệ); - Ông Lê Ngọc Lâm, Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc, đại diện phần vốn của NHNN Việt Nam với số lượng 837.923.112 cổ phiếu (chiếm 11,9339114% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 1.239 cổ phiếu (chiếm 0,0000176% vốn điều lệ); - Ông Ngô Văn Dũng, Ủy viên HĐQT, đại diện phần vốn của NHNN Việt Nam với số lượng 558.615.408 cổ phiếu (chiếm 7,9559409% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 1.337 cổ phiếu (chiếm 0,000019% vốn điều lệ); - Ông Quách Hùng Hiệp, Ủy viên HĐQT, đại diện phần vốn của NHNN Việt Nam với số lượng 558.615.408 cổ phiếu (chiếm 7,9559409% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 128 cổ phiếu (chiếm 0,0000018% vốn điều lệ); - Ông Lê Kim Hòa, Ủy viên HĐQT, đại diện phần vốn của NHNN Việt Nam với số lượng 558.615.408 cổ phiếu (chiếm 7,9559409% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 73.713 cổ phiếu (chiếm 0,0010498% vốn điều lệ); - Ông Trần Xuân Hoàng, Ủy viên HĐQT, đại diện phần vốn của NHNN Việt Nam với số lượng 558.615.408 cổ phiếu (chiếm 7,9559409% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 136 cổ phiếu (chiếm 0,0000019% vốn điều lệ); - Ông Phạm Quang Tùng, Ủy viên HĐQT, đại diện phần vốn của NHNN Việt Nam với số lượng 558.615.408 cổ phiếu (chiếm 7,9559409% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 1 cổ phiếu (chiếm ~0% vốn điều lệ); - Ông Đặng Văn Tuyên, Ủy viên HĐQT, đại diện phần vốn của NHNN Việt Nam với số lượng 558.615.408 (chiếm 7,9559409% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).	Không có

Tên cổ đông	Nhà nước (NHNN Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV)	KEB Hana Bank
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

10.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 22: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV

STT	Tên	Chức vụ
1.	Ông Phan Đức Tú	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Lê Ngọc Lâm	Ủy viên
3.	Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên
4.	Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
5.	Ông Phạm Quang Tùng	Ủy viên
6.	Ông Yoo Je Bong	Ủy viên
7.	Ông Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
8.	Ông Lê Kim Hòa	Ủy viên
9.	Ông Quách Hùng Hiệp	Ủy viên
10.	Ông Lê Quốc Nghị	Ủy viên
11.	Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên độc lập

Nguồn: BIDV

10.1.1. Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ tên: **Phan Đức Tú**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **22/12/1964**

Nơi sinh: **Nghệ An**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 040064000382 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/09/2018
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
- 01/1983 - 08/1985: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Huyện Minh Long, Nghĩa Bình
 - 09/1985 - 09/1987: Phụ trách phòng Tín dụng - Tổng hợp, Ngân hàng Nhà nước Huyện Minh Long, Nghĩa Bình
 - 10/1987 - 09/1988: Cán bộ phòng Nghiệp vụ, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Khu vực I
 - 10/1988 - 10/1992: Phó phòng Nguồn vốn và Quản lý kinh doanh kiêm Phụ trách Trung tâm tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Quảng Ngãi
 - 11/1992 - 01/1994: Trưởng phòng Nguồn vốn và Quản lý kinh doanh BIDV Quảng Ngãi
 - 02/1994 - 11/1998: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
 - 11/1998 - 02/2005: Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi.
 - 03/2005 - 05/2007: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - BIDV
 - 06/2007 - 04/2012: Phó Tổng Giám đốc BIDV
 - 05/2012 - 11/2018: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV
 - 11/2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
- Sở hữu cá nhân: 74.620 cổ phiếu (chiếm 0,0010627% vốn điều lệ).
 - Đại diện phần vốn góp cho NHNN Việt Nam: 1.396.538.521 cổ phiếu (tương đương 25% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ và chiếm 19,8898524% vốn điều lệ của BIDV)
 - Sở hữu của người có liên quan: 15.919 cổ phiếu

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2025)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
--------	-------------	--	--------------------------

Đoàn Thị Trần Hùng Phi	Vợ	15.919	0,0002267
------------------------	----	--------	-----------

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	20
Tổng cộng	20

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
2.481 triệu đồng	2.731 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.2. Ông Lê Ngọc Lâm - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lê Ngọc Lâm**
 Giới tính: **Nam**
 Ngày tháng năm sinh: **23/07/1975**
 Nơi sinh: **Hà Nội**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Số CMND/CCCD: **001075008069, do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ kinh tế**
 Quá trình công tác:
 - 09/1997 – 01/2005: **Cán bộ BIDV**
 - 01/2005 – 05/2006: **Phó Trưởng phòng Tín dụng 2 BIDV**
 - 6/2006 – 8/2007: **Phó Trưởng phòng Pháp chế tín dụng BIDV**
 - 8/2007 – 8/2008: **Trưởng phòng Pháp chế tín dụng BIDV**
 - 8/2008 – 3/2009: **Trưởng phòng Quản lý rủi ro tín dụng 1 BIDV**
 - 03/2009 - 10/2010: **Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Tín dụng - BIDV**
 - 10/2010 - 03/2012: **Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1.**
 - 04/2012 - 04/2013: **Giám đốc ban Quản lý rủi ro Tín dụng BIDV**

- 04/2013 - 01/2015: Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp BIDV
- 01/2015 – 11/2018: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 11/2018 – 03/2021: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành BIDV
- 03/2021 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 1.239 cổ phiếu (chiếm 0,0000176% vốn điều lệ)
- Đại diện phần vốn góp cho NHNN Việt Nam: 837.923.112 cổ phiếu (tương đương 15% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ và chiếm 11,9339114% vốn điều lệ của BIDV)
- Sở hữu của người có liên quan: 14 cổ phiếu

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2025)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Lê Thị Phương Hải	Vợ	9	0,0000002

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	88
Tổng cộng	88

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
2.153 triệu đồng	2.327 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.3. Ông Đặng Văn Tuyên - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: **Đặng Văn Tuyên**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **09/04/1973**
- Nơi sinh: **Hà Nam**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Số CMND/CCCD: **035073003681 do Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/11/2020**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Luật, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng**
- Quá trình công tác:
- 04/1996 – 08/2000: **lần lượt là Chuyên viên, Thanh tra viên Thanh tra Ngân hàng Trung ương;**
 - 08/2000 – 03/2016: **lần lượt là Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng thuộc Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;**
 - 03/2016 – 02/2020: **là Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;**
 - 02/2020 – 28/04/2023: **là Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.**
 - 28/04/2023 – nay: **là Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV**
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
 - ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: **0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)**
 - Đại diện phần vốn góp cho NHNN Việt Nam: **558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ và chiếm 7,9559409% vốn điều lệ của BIDV)**
 - Sở hữu của người có liên quan: **0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)**
 - ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025: Không
 - ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức

1.089 triệu đồng (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)	1.720 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)
--	------------------	---

10.1.4. Ông Ngô Văn Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Ngô Văn Dũng**
Giới tính: **Nam**
Ngày tháng năm sinh: **19/01/1968**
Nơi sinh: **Hải Dương**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Số CMND/CCCD: **030068013787 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021**
Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**
Quá trình công tác:
- 07/1991 - 12/1996: **Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**
- 01/1997 - 11/1998: **Phó Trưởng phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**
- 12/1998 - 01/2000: **Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Thăng Long**
- 02/2000 - 04/2001: **Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Thăng Long**
- 05/2001 - 08/2002: **Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Thăng Long**
- 09/2002 - 08/2004: **Phó Giám đốc Ban Tín dụng BIDV**
- 09/2004 - 07/2007: **Giám đốc Ban Quản lý rủi ro BIDV**
- 08/2007 - 11/2007: **Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh BIDV Hà Nội.**
- 12/2007 - 05/2015: **Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.**
- 06/2015 - nay: **Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV**

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 1.337 cổ phiếu (chiếm 0,000019% vốn điều lệ)
 - Đại diện phần vốn góp cho NHNN Việt Nam: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ và chiếm 7,9559409% vốn điều lệ của BIDV)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	36
Tổng cộng	36

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.903 triệu đồng	1.995 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.5. Ông Phạm Quang Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Phạm Quang Tùng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/09/1971

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 034071000042 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày cấp ngày 04/02/2022

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 08/1996 - 06/2000: Cán bộ phòng Thẩm định tư vấn BIDV

- 07/2000 - 07/2002: Phó Trưởng phòng Thẩm định tư vấn BIDV

- 08/2002 - 04/2003: Trưởng phòng Tín dụng dịch vụ BIDV

- 05/2003 - 07/2004: Phó Giám đốc Ban Tín dụng và dịch vụ BIDV

- 08/2004 - 02/2005: Phó Giám đốc Ban Tín dụng BIDV

- 03/2005 - 12/2005: Phó Giám đốc BIDV Chi nhánh Sở giao dịch 1

- 01/2006 - 12/2008: Quyền Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam

- 01/2009 - 09/2010: Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 09/2010 - 10/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 10/2010 - 04/2011: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 04/2011 - 05/2016: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 06/2016 - 12/2017: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB).
- 12/2017 - 04/2018: Tiếp nhận trở lại BIDV công tác để triển khai quy trình bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao tại BIDV.
- 04/2018 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Tháp BIDV.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
- Sở hữu cá nhân: 01 cổ phiếu (chiếm ~0% vốn điều lệ)
- Đại diện phần vốn góp cho NHNN Việt Nam 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ và chiếm 7,9559409% vốn điều lệ của BIDV)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	6
Tổng cộng	6

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)	Lợi ích khác
--	---------------------

Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.969 triệu đồng	2.095 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.6. Ông Yoo Je Bong - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên:	Yoo Je Bong
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	07/08/1962
Nơi sinh:	Hàn Quốc
Quốc tịch:	Hàn Quốc
Số Hộ Chiếu:	M82753714 cấp ngày 11/12/2017 bởi Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- 07/1988 - 09/1991:	Thư ký Công ty TNHH Tài chính đầu tư
- 09/1991 - 02/1994:	Phó Trưởng phòng Ngân hàng Boram
- 02/1994 - 07/1997:	Quản lý cấp cao Chi nhánh Hongkong của Ngân hàng Boram
- 07/1997 - 12/1998:	Quản lý cấp cao Ngân hàng Boram
- 01/1999 - 03/2000:	Quản lý cấp cao Chi nhánh Kwanghwamoon/Chi nhánh Busan – Ngân hàng Hana
- 03/2000 - 08/2004:	Trưởng nhóm Quan hệ nhà đầu tư - Ngân hàng Hana
- 08/2004 - 07/2006:	Trưởng bộ phận Đào tạo học thuật ở nước ngoài - Ngân hàng Hana
- 08/2006 - 07/2010:	Trưởng Ban Kinh doanh toàn cầu - Ngân hàng Hana;
- 08/2010 - 02/2012:	Phó chủ tịch & Giám đốc thường trực phụ trách Kinh doanh toàn cầu - Ngân hàng Jilin;
- 03/2012 - 11/2014:	Chủ tịch & Giám đốc điều hành, Ngân hàng TNHH Hana (Trung Quốc);
- 12/2014 - 07/2015:	Giám đốc điều hành Khối Kinh Doanh Toàn Cầu, Ngân hàng Hana;
- 08/2015 - 12/2015:	Phó Chủ tịch Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Minsheng;
- 01/2016 - 12/2018:	Giám Đốc Khối Chiến Lược Toàn Cầu, Tập Đoàn Tài Chính Hana (trong đó giai đoạn 01/2016 – 12/2017 kiêm chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng phụ trách Khối kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng KEB Hana);

- 01/2019 - 10/2019: Phó Tổng Giám Đốc Tập Đoàn Tài Chính Hana, Chuyên Trách Chiến Lược Miền Nam Và Miền Bắc,

- 12/2019 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	8
Tổng cộng	8

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
4.027 triệu đồng	4.264 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.7. Ông Trần Xuân Hoàng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Trần Xuân Hoàng**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **22/10/1965**

Nơi sinh: **Phù Mỹ, Bình Định**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND/CCCD: 031065004184 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/06/2022

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 11/1987 - 06/1989: Giáo viên Trường nghiệp vụ Ngân hàng Thị xã Kon Tum
- 07/1989 - 07/1992: Cán bộ Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/1992 - 10/1993: Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 10/1993 - 06/1996: Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/1996 - 07/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/2006 - 08/2008: Phó Giám đốc BIDV Chi nhánh Sở Giao dịch 2.
- 08/2008 - 04/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 05/2012 - 03/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 03/2020 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC);
- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần bất động sản và xây dựng nhà Mê Kông (MHBR).

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 136 cổ phiếu (chiếm 0,0000019% vốn điều lệ)
- Đại diện phần vốn góp cho NHNN Việt Nam: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ và chiếm 7,9559409% vốn điều lệ của BIDV)
- Sở hữu của người có liên quan: 59.077 cổ phiếu (chiếm 0,0008414% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2025)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Hoàng Thị Giang Hà	Vợ	59.077	0,0008414

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0

Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	29
Tổng cộng	29

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
2.264 triệu đồng	2.393 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.8. Ông Lê Kim Hòa - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Lê Kim Hòa**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **08/10/1965**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND/CCCD: **066065000004 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/10/2022**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**

Quá trình công tác:

- 12/1987 - 03/1995: **Cán bộ Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.**
- 04/1995 - 01/1997: **Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.**
- 02/1997 - 05/1997: **Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.**
- 05/1997 - 10/2002: **Phó Giám đốc BIDV Đắk Lắk.**
- 11/2002 - 07/2007: **Giám đốc Chi nhánh BIDV Đắk Lắk.**
- 08/2007 - 08/2008: **Giám đốc Ban tín dụng – BIDV**
- 09/2008 - 02/2009: **Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng – BIDV**
- 03/2009 - 04/2009: **Phó giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.**
- 05/2009 - 08/2013: **Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.**
- 09/2013 - 05/2014: **Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.**
- 06/2014 - 02/2018: **Phó Tổng Giám đốc BIDV**
- 03/2018 - 03/2020: **Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.**

- 03/2020 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC).

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 73.713 cổ phiếu (chiếm 0,0010498% vốn điều lệ)

- Đại diện phần vốn góp cho NHNN Việt Nam 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ và chiếm 7,9559409% vốn điều lệ của BIDV)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	191
Tổng cộng	191

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.999 triệu đồng	2.180 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.9. Ông Quách Hùng Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Quách Hùng Hiệp**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **23/09/1969**

Nơi sinh: **Hà Nội**

Quốc tịch: **Việt Nam**

- Số CMND/CCCD: 001069007554 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/07/2021
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
- 05/1991 - 03/1994: Cán bộ Trụ sở chính BIDV
 - 04/1994 - 08/1996: Cán bộ Phòng Quan hệ Quốc tế và NHDL – Trụ sở chính BIDV
 - 08/1996 - 05/1999: Phó Trưởng phòng Quan hệ quốc tế và NHDL – Trụ sở chính BIDV
 - 06/1999 - 07/2002: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (Biệt phái LVB).
 - 08/2002 - 03/2004: Phó Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ BIDV
 - 03/2004 - 03/2005: Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ BIDV
 - 12/2004 - 03/2010: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID - Public (Kiêm nhiệm)
 - 04/2005 - 10/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 BIDV
 - 11/2006 - 12/2006: Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 BIDV
 - 01/2007 - 03/2011: Giám đốc Sở Giao dịch 3 BIDV
 - 10/2010 - 01/2019: Phó Tổng Giám đốc BIDV
 - 01/2019 - 05/2019: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc chi nhánh BIDV Thăng Long.
 - 05/2019 – 01/2024: Phó Tổng Giám đốc BIDV
 - 30/01/2024 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
- Sở hữu cá nhân: 128 cổ phiếu (chiếm 0,0000018% vốn điều lệ)
 - Đại diện phần vốn góp cho NHNN Việt Nam: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ và chiếm 7,9559409% vốn điều lệ của BIDV)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	35
Tổng cộng	35

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
2.099 triệu đồng	2.301 triệu đồng (Miễn nhiệm PTGD ngày 30/1/2024, bổ nhiệm UV HĐQT ngày 30/1/2024)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.10. Ông Lê Quốc Nghị - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên:	Lê Quốc Nghị
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/03/1965
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001065008667
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	
- 03/1987 – 04/1989:	Quân nhân thuộc Sư đoàn – Sư đoàn 327, quân khu I, Quân đội Nhân dân Việt Nam
- 05/1989 – 11/1993:	Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tây (cũ)
- 12/1993 – 03/1995:	Phó Trưởng phòng Tổng hợp và Nghiên cứu kinh tế Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tây (cũ)
- 04/1995 – 07/1995:	Trưởng phòng Tin học Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tây (cũ)
- 08/1995 – 09/1996:	Kiểm soát viên Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 10/1996 – 04/2004:	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- 05/2004 – 02/2025: Phó Vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 01/03/2025 – 25/04/2025: Vụ trưởng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 26/04/2025 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	9
Tổng cộng	9

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
0 đồng (Bổ nhiệm Ủy viên HĐQT BIDV từ 26/4/2025)	0 đồng (Bổ nhiệm Ủy viên HĐQT BIDV từ 26/4/2025)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.11. Ông Nguyễn Văn Thanh - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập

Họ tên: **Nguyễn Văn Thanh**
Giới tính: **Nam**
Ngày tháng năm sinh: **01/01/1960**
Nơi sinh: **Vụ Bản, Nam Định**
Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND/CCCD: 036060003921 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/06/2021

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 04/1982 - 04/1985: Cán bộ tín dụng NHNN thị xã Hòn Gai – Quảng Ninh.
- 05/1985 - 03/1991: Cán bộ tín dụng NHNN tỉnh Hà Nam Ninh.
- 04/1991 – 08/1994: Phó phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Hà Nam Ninh.
- 09/1994 - 01/1996: Chánh Văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 02/1996 – 09/1999: Trưởng phòng Quản lý tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 10/1999 – 01/2012: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 01/2012 – 05/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam.
- 05/2015 – 01/2020: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 02/2020 – 04/2022: Nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội.
- 05/2022 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập BIDV.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	3
Tổng cộng	3

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
600 triệu đồng	600 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 23: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Tạ Thị Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Cao Cự Trí	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
4	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên Ban Kiểm soát
5	Ông Huỳnh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát

Nguồn: BIDV

10.2.1. Bà Tạ Thị Hạnh – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ tên:	Tạ Thị Hạnh
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	05/05/1972
Nơi sinh:	Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	033172000269 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/08/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Ngân hàng
Quá trình công tác:	
- 09/1994 - 01/1999:	Cán bộ Phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 01/1999 - 02/2001:	Phó trưởng phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 02/2001 - 05/2002:	Phó trưởng phòng Phụ trách Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 06/2002 - 10/2006:	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 11/2006 - 12/2009:	Phó Giám đốc BIDV - Chi nhánh Sở Giao dịch 1.
- 01/2010 - 05/2011:	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng BIDV

- 06/2011 - 10/2011: Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – BIDV
- 11/2011 - 04/2012: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 05/2012 – 01/2024: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 30/01/2024 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 3.862 cổ phiếu (chiếm 0,000055% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	3
Tổng cộng	3

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.818 triệu đồng	1.987 triệu đồng (Miễn nhiệm KTT ngày 30/1/2024, bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát ngày 30/1/2024)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2.2. Ông Cao Cự Trí - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: **Cao Cự Trí**

Giới tính: **Nam**

- Ngày tháng năm sinh: 04/10/1966
- Nơi sinh: Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 040066000196 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)
- Quá trình công tác:
- 10/1984 - 06/1995: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An, Ngân hàng Nhà nước Trung ương)
 - 07/1995 - 01/1996: Phó Trưởng phòng - Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An
 - 02/1996 - 06/1996: Quyền Trưởng phòng-Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An
 - 07/1996 - 01/1997: Trưởng phòng-Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước Nghệ An
 - 01/1997 - 06/2002: Phó Trưởng phòng - Ngân hàng Nhà nước Trung ương
 - 07/2002 - 02/2004: Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 BIDV
 - 02/2004 - 09/2006: Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 BIDV
 - 10/2006 - 02/2009: Phó Giám đốc - Sở Giao dịch 3 BIDV (trong đó từ 20/07/2007 – 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định chế, Kiêm Trưởng Phòng Thẩm định và Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Sở Giao dịch 3 BIDV).
 - 03/2009 - 04/2012: Phó Trưởng Ban Kiểm Soát BIDV
 - 05/2012 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BIDV
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
- Sở hữu cá nhân: 6.139 cổ phiếu (chiếm 0,0000874% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	3
Tổng cộng	3

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.487 triệu đồng	1.306 triệu đồng (thôi giao nhiệm vụ Thành viên phụ trách Ban Kiểm soát từ 30/1/2024)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2.3. Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: **Nguyễn Thị Thu Hà**

Giới tính: **Nữ**

Ngày tháng năm sinh: **17/01/1980**

Nơi sinh: **Hưng Yên**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND/CCCD: **030180004532 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2021**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Tài Chính Ngân Hàng**

Chứng chỉ nghề nghiệp: **Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)**

Quá trình công tác:

- 10/2002 - 07/2004: Chuyên viên Ban Tài Chính Kế toán BIDV
- 08/2004 - 02/2007: Chuyên viên Ban Tài Chính BIDV
- 03/2007 - 04/2011: Phó Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV
- 05/2011 - 07/2015: Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV
- 08/2015 - 02/2020: Phó Giám đốc Ban Quản lý hiệu quả hoạt động BIDV
- 03/2020 - 10/2020: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Hai Bà Trưng
- 11/2020 - 03/2021: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch BIDV
- 03/2021 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát BIDV.

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	553
Tổng cộng	553

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
974 triệu đồng	1.052 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2.4. Ông Nguyễn Trung Kiên - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: **Nguyễn Trung Kiên**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **17/01/1973**

Nơi sinh: **Hà Nội**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND/CCCD: **001073013318 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**

Quá trình công tác:

- 10/1995 - 02/1999: Chuyên viên tại Chi nhánh BIDV Hà Tây
- 02/1999 - 06/1999: Phó Trưởng phòng Tín dụng tại Chi nhánh BIDV Hà Tây
- 06/1999 - 07/2002: biệt phái sang công tác tại Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
- 07/2002 - 11/2006: Phó Trưởng phòng nghiệp vụ tại Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC)
- 11/2006 - 02/2008: Phó Trưởng phòng Ban Chuyên viên thuộc HĐQT BIDV
- 02/2008 - 06/2009: Phó Trưởng phòng Kiểm toán – Ban Kiểm soát BIDV
- 06/2009 - 01/2012: Phó Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB) Chi nhánh Hà Nội
- 01/2012 – 10/2013: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
- 10/2013 – 10/2022: Giám đốc Chi nhánh BIDV Chương Dương
- 10/2022 – 01/2024: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm toán nội bộ BIDV
- 30/01/2024 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 84 cổ phiếu (chiếm 0,0000012% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	1
Tổng cộng	1

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức

0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 30/1/2024)	970 triệu đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 30/1/2024)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)
--	--	---

10.2.5. Ông Huỳnh Phương – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên:	Huỳnh Phương
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/06/1968
Nơi sinh:	Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	024068000135 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/11/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- từ 09/1996 – 09/2003:	Cán bộ BIDV Chi nhánh Quảng Ngãi
- từ 09/2003 – 06/2004:	Phó Trưởng phòng Giao dịch số 1 tại Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
- từ 07/2004 - 05/2006:	Kiểm tra trưởng tại Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
- từ 06/2006 - 11/2006:	Trưởng phòng Tổ chức hành chính tại Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
- từ 12/2006 - 10/2007:	Trưởng phòng Tín dụng cá nhân tại Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
- từ 11/2007 – 12/2011:	Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm tra 2 thuộc Ban Kiểm tra nội bộ – Trụ sở chính BIDV
- từ 01/2012 – 06/2017:	Trưởng phòng – Ban Kiểm tra & Giám sát – Trụ sở chính BIDV
- từ 02/2011 – 02/2013:	Tham gia Tổ giám sát của NHNN Việt Nam tại NHTMCP Sài Gòn
- từ 07/2017 – 03/2019:	Phó Giám đốc Ban Kiểm tra & Giám sát – Trụ sở chính BIDV
- từ 08/2015 – 03/2019:	Tham gia Thành viên Ban Kiểm soát đặc biệt của NHNN Việt Nam tại NHTMCP Đông Á
- từ 04/2019 – 25/04/2025:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đông Á (nay là Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki)
- từ 26/04/2025 đến nay:	Thành viên Ban Kiểm soát BIDV
❖ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Không.

- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 26/4/2025)	0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 26/4/2025)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 24: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Hoàng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
9	Ông Lại Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Đoàn Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
11	Ông Ham Jin Sik	Thành viên Ban điều hành
12	Bà Bùi Thị Hòa	Kế toán trưởng

10.3.1. Ông Lê Ngọc Lâm - Tổng Giám đốc

Xem phần 10.1.2

10.3.2. Ông Trần Phương - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Trần Phương**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 27/12/1973
Nơi sinh: Bắc Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND/CCCD: 024073001735 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/04/2021
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:
- 10/1997-11/2000: Cán bộ BIDV Chi nhánh Hà Nội
- 12/2000-07/2004: Phó Trưởng phòng BIDV Chi nhánh Hà Nội
- 08/2004 - 01/2006: Cán bộ Phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển Trụ sở chính BIDV
- 02/2006 - 07/2006: Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển BIDV
- 08/2006 - 12/2006: Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển – Ban Kế hoạch Phát triển BIDV
- 01/2007 - 08/2008: Phó Giám đốc điều hành, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá BIDV
- 09/2008 - 04/2012: Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển BIDV
- 05/2012 - nay : Phó Tổng Giám đốc BIDV
❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
- Sở hữu cá nhân: 36.264 cổ phiếu (chiếm 0,0005165% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 10.566 cổ phiếu (chiếm 0,0001505% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại thời điểm 30/09/2025)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Phạm Thị Kim Oanh	Vợ	10.566	0,0001505

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	19
Tổng cộng	19

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.903 triệu đồng	2.095 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.3. Ông Lê Trung Thành - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lê Trung Thành**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 05/09/1964
 Nơi sinh: An Giang
 Quốc tịch: Việt Nam
 Số CMND/CCCD: 089064000170 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/12/2022
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
 Quá trình công tác:
 - 10/1988 - 01/1992: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh An Giang
 - 02/1992 - 11/1992: Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang
 - 12/1992 - 07/1993: Quyền Trưởng phòng BIDV An Giang
 - 08/1993 - 08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV An Giang
 - 09/2002 - 01/2004: Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh BIDV An Giang.

- 02/2004 - 11/2004: Trưởng ban chuyên trách phát triển mạng lưới kinh doanh BIDV tại Thành Phố Hồ Chí Minh.
- 12/2004 - 07/2014: Giám đốc Chi nhánh BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- 07/2014 - 03/2018: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 04/2018 – 04/2019: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- 05/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 3.861 cổ phiếu (chiếm 0,000055% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	9
Tổng cộng	9

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.903 triệu đồng	1.994 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.4. Ông Nguyễn Thiên Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Nguyễn Thiên Hoàng**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **03/06/1973**

- Nơi sinh: Bồ Trạch – Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 044073001666 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/06/2022
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 01/1994 - 12/1999: Cán bộ Chi nhánh BIDV Quảng Bình
 - 01/2000 - 01/2003: Phó trưởng phòng Tín dụng Chi nhánh BIDV Quảng Bình
 - 02/2003 - 10/2006: Trưởng phòng Tín dụng BIDV Quảng Bình
 - 11/2006 - 09/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
 - 10/2007 - 04/2012: Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
 - 05/2012 - 07/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
 - 07/2012 - 05/2016: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV
 - 06/2016 – 09/2016: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV.
 - 09/2016 - nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,00000004% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	25
Tổng cộng	25

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.811 triệu đồng	1.954 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.5. Ông Phan Thanh Hải – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên:	Phan Thanh Hải
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1977
Nơi sinh:	Chương Mỹ – Hà Tây
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001077021938 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác:	
- 07/2000 - 11/2001:	Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.
- 12/2001 - 10/2002:	Cán bộ Chi nhánh Sở giao dịch 1 BIDV
- 10/2002 - 03/2005:	Cán bộ Ban Quản lý tín dụng BIDV
- 04/2005 - 01/2007:	Cán bộ Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 01/2007 - 08/2008:	Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ 1 – Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 09/2008 - 12/2009:	Trưởng phòng Ban Phát triển sản phẩm & Tài trợ thương mại BIDV
- 01/2010 - 10/2010:	Phó Giám đốc Ban Phát triển sản phẩm & Tài trợ thương mại BIDV.
- 11/2010 - 03/2012:	Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng.
- 04/2012 - 08/2014:	Giám Đốc Chi nhánh BIDV Vĩnh Long (Biệt phái/trung tập).
- 09/2014 - 10/2014:	Phó Giám đốc thứ nhất Ban Kế hoạch chiến lược BIDV.
- 10/2014 - 04/2019:	Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV.
- 04/2019 – 05/2019:	Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn BIDV.
- 05/2019 - 03/2020:	Trưởng khối Ngân hàng bán buôn, kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn BIDV.
- 03/2020 – nay:	Phó Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 7 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 233 cổ phiếu (chiếm 0,0000033% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại thời điểm 30/09/2025)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Đoàn Thị Hồng	Vợ	233	0,0000033

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	121
Tổng cộng	121

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.625 triệu đồng	1.719 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.6. Ông Hoàng Việt Hùng – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Hoàng Việt Hùng**
 Giới tính: **Nam**
 Ngày tháng năm sinh: **16/10/1972**
 Nơi sinh: **Nghệ An**
 Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND/CCCD: 040072019999 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/04/2023

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 12/1996 - 12/2003: Cán bộ phòng Tín dụng Chi nhánh BIDV Nghệ An
- 12/2003 - 02/2006: Phó trưởng phòng Hành chính quản trị Chi nhánh BIDV Nghệ An
- 03/2006 - 02/2007: Trưởng phòng hành chính quản trị – Chi nhánh BIDV Nghệ An.
- 03/2007 - 10/2007: Trưởng phòng Tín dụng 1 – Chi nhánh BIDV Nghệ An.
- 11/2007 - 12/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Nghệ An.
- 01/2013 - 04/2019: Giám đốc Chi nhánh BIDV Nghệ An.
- 04/2019 - 03/2020: Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự BIDV
- 03/2020 – 12/2023: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.
- 01/2024 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh Lào Việt Bank
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	499
Tổng cộng	499

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.641 triệu đồng	1.790 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.7. Ông Trần Long – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Trần Long**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/03/1976

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 038076000418 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp 18/12/2021

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/1999 - 05/2001: Cán bộ phòng Tín dụng – Sở giao dịch 1 BIDV
- 05/2001 - 08/2002: Phó trưởng phòng Tín dụng 2 - Sở giao dịch 1 BIDV
- 08/2002 - 10/2002: Chuyên viên Phòng Tín dụng – dịch vụ 3 Ban Tín dụng Trụ sở chính BIDV
- 10/2002 - 02/2004: Chuyên viên Phòng Quản lý dự án – Sở giao dịch 3 BIDV
- 02/2004 - 08/2006: Phó trưởng phòng Quản lý dự án – Sở giao dịch 3 BIDV
- 08/2006 - 10/2007: Trưởng phòng Thư ký tổng hợp – Trụ sở chính BIDV.
- 11/2007 - 02/2012: Tổng Giám đốc – CTCP cho thuê máy bay (VALC) – đơn vị liên doanh góp vốn của BIDV.
- 02/2012 – 05/2012: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV
- 05/2012 – 09/2014: Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV
- 09/2014 – 03/2020: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành.
- 03/2020 – 06/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV, kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành, kiêm giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn
- 06/2020- 04/2024: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 04/2024 – 10/2024: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài
- 10/2024 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	128
Tổng cộng	128

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.641 triệu đồng	1.789 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.8. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Nguyễn Thị Quỳnh Giao**

Giới tính: **Nữ**

Ngày tháng năm sinh: **29/11/1978**

Nơi sinh: **Phú Xuyên, Hà Tây (Hà Nội)**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số CMND/CCCD: **001178023543 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/04/2021**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**

Quá trình công tác:

- 12/2000 - 09/2003: **Cán bộ phòng Tín dụng 1- Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1**
- 09/2003 - 10/2006: **Phó Trưởng phòng Tín dụng 1 – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.**

- 11/2006 - 08/2007: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2007 - 10/2008: Trưởng phòng Tín dụng 1, Giám đốc Phòng giao dịch – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng phòng Quan hệ khách hàng 1 – Khối Quan hệ khách hàng Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2009 - 06/2010: Giám đốc phòng giao dịch 1 – Khối trực thuộc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 07/2010 - 07/2010: Trưởng phòng Tổ chức nhân sự - Khối Quản lý nội bộ Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2010 - 03/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 04/2012 - 05/2015: Giám đốc Ban Phát triển Ngân hàng bán lẻ.
- 06/2015 - 03/2020: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 03/2020 – 06/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV, kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 06/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,0000004% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 1.000 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại thời điểm 30/09/2025)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Nguyễn Thị Cẩm Trà	Chị ruột	1.000	0,0000142

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0

Hình thức khác (thẻ tín dụng)	1
Tổng cộng	1

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
1.641 triệu đồng	1.790 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.9. Ông Lại Tiến Quân – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lại Tiến Quân**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/12/1974

Nơi sinh: Hà Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 035074001989 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/08/2022

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 10/1997 - 10/2003: Cán bộ Trung tâm Công nghệ thông tin BIDV.
- 10/2003 - 08/2004: Phó Trưởng phòng Tổng hợp hành chính – Trung tâm Công nghệ thông tin BIDV.
- 09/2004 - 08/2006: Thư ký Phòng Thư ký tổng hợp – Văn phòng Trụ sở chính BIDV.
- 08/2006 - 08/2008: Phó Trưởng phòng Thư ký tổng hợp – Văn phòng Trụ sở chính BIDV.
- 09/2008 - 11/2008: Quyền Trưởng phòng – Phòng Marketing bán lẻ – Ban Phát triển sản phẩm bán lẻ và Marketing – Trụ sở chính BIDV.
- 12/2019 - 03/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân.
- 03/2012 – 07/2021: Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân.
- 07/2021 – 10/2022: Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân kiêm phụ trách Chi nhánh BIDV Nam Sài Gòn.
- 10/2022 – 01/2024: Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân.
- 01/2024 – 02/2025: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân.

- 02/2025 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC).
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 13.705 cổ phiếu (chiếm 0,00019519% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 3 cổ phiếu (chiếm 0,00000004% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại thời điểm 30/09/2025)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Lại Thị Diệu Hương	Em ruột	3	0,00000004

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	9
Tổng cộng	9

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
0 đồng (Bổ nhiệm Phó TGD ngày 30/1/2024)	1.503 triệu đồng (Bổ nhiệm Phó TGD ngày 30/1/2024)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.10. Ông Đoàn Việt Nam - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Đoàn Việt Nam**
 Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: 22/07/1976

Nơi sinh: Yên Bái

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 015076000015 do Bộ Công an cấp ngày 11/08/2024

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 09/1998 - 12/2002: Cán bộ Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 12/2002 - 11/2005: Phó Trưởng phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 11/2005 - 02/2008: Trưởng phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 03/2008 - 06/2010: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 07/2010 - 09/2012: Giám đốc Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 10/2012 - 12/2012: Trưởng Văn phòng đại diện tại Lào, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng liên doanh Lào Việt Bank.
- 01/2013 – 03/2016: Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt.
- 04/2016 – 08/2016: Giám đốc Ban Trụ sở chính BIDV.
- 08/2016 – 01/2024: Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 01/2024 – 16/10/2024: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 01/10/2024 – 16/10/2024: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Kiểm tra và giám sát tuân thủ.

16/10/2024 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
----------	----------------------

Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	2
Tổng cộng	2

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
0 đồng (Bổ nhiệm Phó TGD ngày 30/1/2024)	1.503 triệu đồng (Bổ nhiệm Phó TGD ngày 30/1/2024)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.11. Ông Ham Jin Sik - Thành viên Ban Điều hành

Họ tên: Ham Jin Sik

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/03/1969

Nơi sinh: Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu số: M93387414 cấp ngày 21/11/2017 bởi Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 02/1994 - 08/2015: Nhân viên Ngân hàng Korea Exchange (Hàn Quốc).
- 08/2001 - 12/2002: Phó trưởng phòng Ngân hàng Korea Exchange (Hàn Quốc).
- 08/2003 - 02/2006: Quản lý Ngân hàng Korea Exchange, Bộ phận Nhân sự.
- 02/2006 - 08/2009: Quản lý cấp cao Ngân hàng Korea Exchange, chi nhánh Hà Nội.
- 08/2009 - 07/2011: Quản lý cấp cao & Chuyên viên kiểm toán, Ngân hàng Korea Exchange, Bộ phận kiểm toán.
- 07/2011 - 01/2014: Quản lý cấp cao, Ngân hàng Korea Exchange, chi nhánh Hà Nội.
- 01/2014 – 12/2014: Quản lý cấp cao và quản lý khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng KEB Hana, chi nhánh Yangjaedong.
- 07/2016 – 11/2017: Giám đốc Ban Quản lý khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng KEB Hana, chi nhánh Ga Seolleung.
- 11/2017 – 07/2022: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng KEB Hana, chi nhánh Hà Nội.

- 07/2022 – 01/2024: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng KEB Hana, chi nhánh Nam Seoul.
- 01/2024 – 03/2024: Giám đốc Ban Ngân hàng KEB Hana, Khối kinh doanh Gangnam Seocho.
- 01/03/2024 – nay: Thành viên Ban điều hành BIDV.

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban điều hành BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	3
Tổng cộng	3

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
n/a (Bổ nhiệm Thành viên Ban điều hành BIDV ngày 01/03/2024 và không thuộc Người quản lý BIDV phải công bố thông tin)	n/a (Bổ nhiệm Thành viên Ban điều hành BIDV ngày 01/03/2024 và không thuộc Người quản lý BIDV phải công bố thông tin)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.12. Bà Bùi Thị Hòa - Kế toán trưởng

Họ tên: **Bùi Thị Hòa**

Giới tính: **Nữ**

Ngày tháng năm sinh: **27/11/1976**

Nơi sinh: **Nam Định**

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 036176012322 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/01/2022

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 12/1999 - 01/2005: Cán bộ Ban Tài chính kế toán, Trụ sở chính BIDV
- 01/2005 - 09/2006: Phó Trưởng phòng tại Ban Tài chính – Trụ sở chính BIDV
- 09/2006 - 03/2007: Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng tại Ban Tài chính, BIDV
- 03/2007 - 09/2008: Trưởng phòng Ban Tài chính, BIDV
- 09/2008 - 06/2013: Phó Giám đốc Ban Tài chính – Trụ sở chính BIDV
- 06/2013 - 07/2014: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 3
- 07/2014 - 08/2015: Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV
- 08/2015 - 01/2020: Giám đốc Ban Quản lý hiệu quả hoạt động (Khối Tài chính kế toán)
- 01/2020 – 02/2023: Giám đốc Ban Phát triển Ngân hàng bán lẻ BIDV
- 02/2023 – 04/2023: Giám đốc Ban Khách hàng bán lẻ BIDV
- 04/2023 – 01/2024: Phó Trưởng Khối Ngân hàng bán lẻ BIDV
- 01/2024 – 10/2025: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 16/10/2025 – nay: Kế toán trưởng BIDV.

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2025:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2025:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0

Hình thức khác (thẻ tín dụng)	2
Tổng cộng	2

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương (theo BCTC hợp nhất)		Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Cổ tức
0 đồng (Bổ nhiệm Kế toán trưởng vào tháng 01/2024)	1.306 triệu đồng (Bổ nhiệm Kế toán trưởng vào tháng 01/2024)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức của BIDV được dựa trên các yếu tố sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và ý kiến của NHNN về tỷ lệ chi trả cổ tức
- Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

Bảng 25: Tình hình chi trả cổ tức của BIDV giai đoạn 2022 –2024

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Giá trị	Ghi chú
2022	21% vốn điều lệ bằng cổ phiếu	11.971 tỷ đồng	Đã chi trả năm 2024
2023	Dự kiến 19,9% vốn điều lệ bằng cổ phiếu	13.973 tỷ đồng	Dự kiến theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 440/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025
2024	4,5%/năm bằng tiền mặt	3.160 tỷ đồng	Đã chi trả năm 2025
	Dự kiến 11,3% vốn điều lệ bằng cổ phiếu	7.917 tỷ đồng	Dự kiến theo Phụ lục Công văn số 1070/BIDV-TC gửi NHNN ngày 09/10/2025

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Trong 3 năm gần nhất trước khi phát hành Trái Phiếu (từ năm 2022-2024) và đến thời điểm 30/09/2025, BIDV luôn thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn (bao gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu đến hạn).

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn tại thời điểm 30/09/2025

Tính đến ngày 30/09/2025, tổng số dư trái phiếu do BIDV phát hành nhưng chưa đáo hạn là **60.193.127 triệu đồng** (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 59.736.000 triệu đồng, chiếm 99,24% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.
- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 457.127 triệu đồng, chiếm 0,76% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.

13.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất thời điểm 30/09/2025

STT	Nội dung	Số tiền (Triệu VND)
1	Tổng giá trị hợp đồng	11.467.770
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	6.186.345
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	807.289
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	4.474.136

Nguồn: BIDV

13.3. Những cam kết chưa thực hiện khác tại thời điểm 30/09/2025

Chi tiết các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết nhưng chưa thực hiện khác của BIDV tại ngày 30/09/2025 như sau:

Bảng 26: Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của BIDV tại 30/09/2025

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
1. Các khoản bảo lãnh	219.498
- Bảo lãnh vay vốn	6.425
- Bảo lãnh khác	213.073
2. Cam kết thanh toán LC	55.410
3. Các cam kết đưa ra	11.224

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, BIDV đã khởi kiện một số khách hàng tại các Toà án có thẩm quyền để đưa ra yêu cầu thanh toán nợ, xử lý tài sản bảo đảm. Đây là một trong các phương thức, biện pháp xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, nợ tiềm ẩn rủi ro được thực hiện thông thường trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, BIDV còn tham gia tố tụng trong một số vụ án tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính, hình sự với tư cách là bị đơn/người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đối với tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính); hoặc với tư cách bị hại/nguyên đơn dân sự/người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong vụ án hình sự).

Về cơ bản, đây là các tranh chấp thông thường phát sinh trong hoạt động ngân hàng của các TCTD nói riêng và của các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung, không ảnh hưởng khả năng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của BIDV phát sinh đối với trái phiếu phát hành theo Bản Cáo Bạch này.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BIDV không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của BIDV trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 27: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024/2023	30/06/2025	30/09/2025
Tổng giá trị tài sản	2.300.869	2.760.792	19,99%	2.991.644	3.071.970
Tổng doanh thu	184.178	175.757	-4,57%	89.746	137.204
Thu nhập lãi thuần	56.136	58.208	3,69%	28.937	44.110
Tổng thu nhập hoạt động	73.013	81.061	11,02%	39.988	61.142
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	47.932	53.094	10,77%	26.715	40.495
Lợi nhuận trước thuế	27.589	31.985	15,93%	16.039	23.632
Lợi nhuận sau thuế	21.978	25.604	16,50%	12.853	18.940

Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức (*)	19,9%	15,8%	-4,1% (**)	(***)	(***)
--	-------	-------	------------	-------	-------

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

(*): Cổ tức đã được BIDV chi trả và dự kiến chi trả

(**): Chênh lệch tuyệt đối

(***) : Chính sách chi trả cổ tức năm 2025 sẽ được thực hiện trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của năm và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền

Bảng 28: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024/2023	30/06/2025	30/09/2025
Tổng giá trị tài sản	2.258.060	2.709.287	19,98%	2.935.726	3.011.170
Tổng doanh thu	175.902	166.844	-5,15%	84.874	129.892
Thu nhập lãi thuần	54.253	56.238	3,66%	28.124	42.828
Tổng thu nhập hoạt động	70.307	77.012	9,54%	38.093	58.184
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	46.708	51.215	9,65%	25.773	39.057
Lợi nhuận trước thuế	26.706	30.609	14,61%	15.259	22.387
Lợi nhuận sau thuế	21.375	24.059	12,56%	12.222	17.923

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý III năm 2025

Hoạt động kinh doanh năm 2024 theo BCTC hợp nhất của BIDV duy trì ổn định, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch theo mục tiêu đề ra.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng giá trị tài sản hợp nhất đạt 2.760.792 tỷ đồng, tăng 19,99% so với năm 2023. Tổng thu nhập hoạt động năm 2024 hợp nhất đạt 81.061 tỷ đồng, tăng 11,02% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 31.985 tỷ đồng, tăng 15,93% so với năm trước. BIDV đã kiểm soát tốt chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Đến 30/09/2025, các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất của BIDV đều tăng so với cùng kỳ năm 2024. Tổng giá trị tài sản hợp nhất của BIDV đạt gần 3.072 nghìn tỷ đồng, tăng 11,27% so với thời điểm cuối năm 2024, tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng TMCP có quy mô lớn nhất

thị trường. Tổng thu nhập hoạt động 9 tháng đầu năm 2025 đạt 61.142 tỷ đồng, tăng 18,37 % so với cùng kỳ năm 2024.

1.2. Các chỉ tiêu khác

Cơ cấu thu nhập

Bảng 29: Cơ cấu thu nhập của BIDV giai đoạn 2023 – 30/09/2025 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	56.136	76,9%	58.008	71,6%	28.937	72.36%	44.110	72,1%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6.570	9,0%	7.074	8,7%	3.426	8.57%	5.159	8,4%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.707	6,4%	5.361	6,6%	2.221	5.55%	3.186	5,2%
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	305	0,4%	285	0,4%	261	0.65%	328	0,5%
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.872	3,9%	4.900	6,0%	793	1.98%	1.310	2,1%
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	2.068	2,8%	4.987	6,2%	4.114	10.29%	6.670	10,9%
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	355	0,5%	446	0,6%	236	0.59%	379	0,6%
	Tổng cộng	73.013	100%	81.061	100%	39.988	100%	61.142	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

Bảng 30: Cơ cấu thu nhập của BIDV trong giai đoạn 2023 – 30/09/2025 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025	30/09/2025
----------	----------	----------	------------	------------

ST T		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	54.253	77,2%	56.238	73,0%	28.124	73.83%	42.828	73,6%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.458	7,8%	5.629	7,3%	2.802	7.36%	4.192	7,2%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.634	6,6%	5.264	6,8%	2.186	5.74%	3.214	5,5%
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	135	0,2%	91	0,1%	138	0.36%	68	0,1%
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.872	4,1%	4.851	6,3%	788	2.07%	1.304	2,2%
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	2.628	3,7%	4.733	6,1%	3.952	10.37%	6.475	11,1%
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	327	0,5%	206	0,3%	102	0.27%	103	0,2%
Tổng cộng		70.307	100%	77.012	100%	38.092	100%	58.184	100%

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý III năm 2025

Cơ cấu lãi thuần

Bảng 31: Cơ cấu doanh thu của BIDV giai đoạn 2023 – 30/09/2025 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	152.761	82,9%	138.288	78,7%	72.813	81.13%	81.13%	81,1%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	11.893	6,5%	13.465	7,7%	6.440	7.18%	7.18%	7,0%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	8.886	4,8%	8.671	4,9%	3.829	4.27%	4.27%	4,2%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	346	0,2%	460	0,3%	471	0.52%	0.52%	0,5%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.394	1,8%	5.235	3,0%	698	0.78%	0.78%	0,9%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	6.543	3,6%	9.192	5,2%	5.259	5.86%	5.86%	6,1%
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	355	0,2%	446	0,3%	236	0.26%	0.26%	0,3%
Tổng cộng		184.178	100%	175.757	100%	89.746	100%	137.204	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

Bảng 32: Cơ cấu doanh thu của BIDV giai đoạn 2023 – 30/09/2025 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	149.868	85,2%	135.299	81,1%	71.194	83.88%	108.702	83,7%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.762	5,0%	9.663	5,8%	4.418	5.21%	6.576	5,1%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.972	4,0%	7.380	4,4%	3.139	3.70%	4.895	3,8%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	149	0,1%	211	0,1%	244	0.29%	268	0,2%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.394	1,9%	5.180	3,1%	698	0.82%	1.211	0,9%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	6.430	3,7%	8.905	5,3%	5.079	5.98%	8.137	6,3%
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	327	0,2%	206	0,1%	102	0.12%	103	0,1%
Tổng cộng		175.902	100%	166.844	100%	84.874	100%	129.892	100%

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý III năm 2025

Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 33: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV trong giai đoạn 2023 – 30/09/2025 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	14.478	57,7%	15.999	57,2%	7.425	55.94%	11.847	57,4%
2	Chi về tài sản	4.002	16,0%	4.565	16,3%	2.015	15.18%	3.129	15,2%
3	Chi hoạt động quản lý công vụ	5.630	22,4%	5.999	21,5%	3.048	22.96%	4.483	21,7%
4	Chi phí hoạt động khác	971	3,9%	1.404	5,0%	785	5.91%	1.188	5,8%
Tổng chi phí hoạt động		25.081	100%	27.967	100%	13.273	100%	20.647	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

Bảng 34: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV giai đoạn 2023 – 30/09/2025 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	13.475	57,1%	14.844	57,5%	6.912	56.11%	11.032	57,7%

2	Chi về tài sản	3.695	15,7%	4.210	16,3%	1.869	15.17%	2.889	15,1%
3	Chi hoạt động quản lý công vụ	5.209	22,1%	5.475	21,2%	2.802	22.75%	4.121	21,5%
4	Chi phí hoạt động khác	1.220	5,2%	1.267	4,9%	736	5.97%	1.085	5,7%
Tổng chi phí hoạt động		23.599	100%	25.796	100%	12.319	100%	19.127	100%

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý III năm 2025

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu

Bảng 35: Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu trong giai đoạn 2023–30/09/2025 theo BCTC hợp nhất

S T T	Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Vốn của TCTD	72.711.297	59,2%	84.788.796	58,5%	89.089.347	54.74%	90.089.431	53,6%
	+ Vốn điều lệ	57.004.359	46,4%	68.975.153	47,6%	70.213.619	43.15%	70.213.619	41,8%
	+ Thặng dư Vốn cổ phần	15.361.020	12,5%	15.361.020	10,6%	18.875.728	11.60%	18.875.728	11,2%
	+ Vốn khác	345.918	0,3%	452.623	0,3%	452.623	0.28%	1.000.084	0,6%
2	Quỹ của TCTD	15.662.247	12,7%	19.396.820	13,4%	22.095.156	13.58%	21.878.833	13,0%
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(803.547)	-0,6%	(701.036)	-0,5%	(265.450)	0.16%	(234.953)	-0,1%
4	LNST chưa phân phối	30.330.738	24,7%	36.192.494	25,0%	45.989.929	28.26%	50.816.786	30,3%
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	4.966.154	4,0%	5.234.039	3,6%	5.375.705	3.30%	5.436.604	3,2%

S T T	Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng cộng	122.866.889	100%	144.911.113	100%	162.737.310	100%	167.986.701	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý III năm 2025

Bảng 36: Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu trong giai đoạn 2023–30/09/2025 theo BCTC riêng

S T T	Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024		30/06/2025		30/09/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Vốn của TCTD	71.296.741	61,9%	83.267.535	61,1%	88.020.709	57,44%	88.020.709	55,7%
	+ Vốn điều lệ	57.004.359	49,5%	68.975.153	50,6%	70.213.619	45,82%	70.213.619	44,4%
	+ Thặng dư Vốn cổ phần	14.292.382	12,4%	14.292.382	10,5%	17.807.090	11,62%	17.807.090	11,3%
	+ Vốn khác	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
2	Quỹ của TCTD	15.166.344	13,2%	18.848.053	13,8%	21.538.963	14,06%	21.544.891	13,6%
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	0,0%	-	0,0%	42.387	0,03%	(21.276)	0,0%
4	LNST chưa phân phối	28.707.837	24,9%	34.164.156	25,1%	43.642.384	28,48%	48.458.940	30,7%
	Tổng cộng	115.170.922	100%	136.279.744	100%	153.244.443	100%	158.003.264	100%

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC soát xét bán niên năm 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý III năm 2025

1.3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập

Không có.

1.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tốc độ tăng trưởng	
				2023/2022	2024/2023
LNST riêng	17.990.097	21.374.934	24.509.019	118,8%	114,7%
LNST hợp nhất	18.348.524	21.977.141	25.604.037	119,8%	116,5%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của BIDV năm 2023 tăng tương ứng 18,8% và 19,8% so với năm 2022. Năm 2024, lợi nhuận sau thuế riêng và hợp nhất tiếp tục tăng lần lượt 14,7% và 16,5% so với năm 2023. Lợi nhuận 02 năm liên tục tăng do ngân hàng tập trung tối đa hóa thu nhập từ hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư và thu nợ ngoại bảng.

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Bảng 37: Tình hình nợ phải thu, nợ phải trả giai đoạn 2023 – 30/09/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	30/09/2025
Theo số liệu BCTC riêng				
1	Tổng nợ phải thu	37.580	44.580	51.972
2	Tổng nợ phải trả	47.034	43.124	44.034
	Tổng	84.614	87.704	96.006
Theo số liệu BCTC hợp nhất				
1	Tổng nợ phải thu	41.475	48.921	56.728
2	Tổng nợ phải trả	53.467	50.411	53.600
	Tổng	94.942	99.332	110.328

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất và riêng giữa niên độ Quý III năm 2025

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Tính đến ngày 30/09/2025, tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành của BIDV là 60.193.127 triệu đồng theo mệnh giá. Toàn bộ trái phiếu chưa đáo hạn của BIDV đều là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, cụ thể như sau:

Bảng 38: Danh mục trái phiếu chưa đáo hạn tại thời điểm 30/09/2025

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Ngày mua lại trước hạn dự kiến
Trái phiếu phát hành riêng lẻ								
BID12539	1.000.000.000	600	600.000	6,26%	15/09/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	15/09/2035
BID12514	1.000.000.000	600	600.000	5,68%	05/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	05/06/2027
BID12513	1.000.000.000	3.000	3.000.000	5,83%	29/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	28/05/2028
BID12125	1.000.000.000	50	50.000	6,90%	29/07/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/07/2031
BID12101	1.000.000.000	200	200.000	6,90%	30/08/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/08/2031
BID12544	1.000.000.000	150	150.000	6,30%	29/09/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/09/2035
BID12540	1.000.000.000	120	120.000	5,68%	18/09/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	18/09/2027
BID12541	1.000.000.000	250	250.000	5,83%	18/09/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	18/09/2028
BID12543	1.000.000.000	200	200.000	5,83%	29/09/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/09/2028
BID12542	1.000.000.000	320	320.000	5,68%	29/09/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/09/2027
BID12538	1.000.000.000	415	415.000	5,68%	10/09/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	10/09/2027
BID12536	1.000.000.000	100	100.000	5,68%	30/07/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/07/2027
BID12532	1.000.000.000	100	100.000	5,68%	03/07/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	03/07/2027
BID12533	1.000.000.000	1.200	1.200.000	5,83%	03/07/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	03/07/2028
BID12534	1.000.000.000	400	400.000	5,68%	09/07/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	09/07/2027
BID12535	1.000.000.000	200	200.000	5,68%	15/07/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	15/07/2027
BID12531	1.000.000.000	2.000	2.000.000	5,88%	30/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/06/2028
BID12526	1.000.000.000	367	367.000	5,68%	27/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/06/2027

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng



Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Ngày mua lại trước hạn dự kiến
BID12528	1.000.000.000	150	150.000	5,83%	27/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/06/2028
BID12527	1.000.000.000	150	150.000	5,68%	27/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/06/2027
BID12529	1.000.000.000	200	200.000	5,83%	27/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/06/2028
BID12525	1.000.000.000	135	135.000	5,68%	24/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	24/06/2027
BID12524	1.000.000.000	150	150.000	5,83%	24/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	24/06/2028
BID12521	1.000.000.000	260	260.000	5,68%	20/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	20/06/2027
BID12522	1.000.000.000	122	122.000	5,83%	20/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	20/06/2028
BID12523	1.000.000.000	100	100.000	5,68%	20/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	20/06/2027
BID12520	1.000.000.000	202	202.000	5,83%	13/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	13/06/2028
BID12518	1.000.000.000	360	360.000	5,68%	13/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	13/06/2027
BID12519	1.000.000.000	850	850.000	5,68%	13/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	13/06/2028
BID12515	1.000.000.000	250	250.000	5,68%	10/06/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	10/06/2027
BID12517	1.000.000.000	200	200.000	5,83%	10/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	10/06/2028
BID12150	1.000.000.000	40	40.000	6,90%	08/09/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	08/09/2031
BID12152	1.000.000.000	200	200.000	6,90%	22/09/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	22/09/2031
BID12510	1.000.000.000	238	238.000	5,68%	26/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/05/2027
BID12509	1.000.000.000	1.500	1.500.000	5,68%	26/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/05/2027
BID12511	1.000.000.000	150	150.000	5,83%	27/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/05/2028
BID12504	1.000.000.000	1.100	1.100.000	5,68%	16/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	16/05/2027

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng



Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Ngày mua lại trước hạn dự kiến
BID12505	1.000.000.000	2.200	2.200.000	5,83%	16/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	16/05/2028
BID12507	1.000.000.000	53	53.000	5,68%	20/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	20/05/2027
BID12508	1.000.000.000	355	355.000	5,83%	20/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	20/05/2028
BID12441	1.000.000.000	100	100.000	5,78%	09/09/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	09/09/2026
BID12442	1.000.000.000	13	13.000	5,88%	09/09/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	09/09/2027
BID12371	1.000.000.000	186	186.000	5,78%	12/12/2023	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	12/12/2025
BID12372	1.000.000.000	257	257.000	5,98%	12/12/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	12/12/2026
BID12427	1.000.000.000	1.500	1.500.000	5,88%	23/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	23/07/2027
BID12501	1.000.000.000	780	780.000	5,68%	15/05/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	15/05/2027
BID12502	1.000.000.000	305	305.000	5,83%	15/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	15/05/2028
BID12433	1.000.000.000	100	100.000	5,78%	26/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/08/2026
BID12434	1.000.000.000	392	392.000	5,88%	26/08/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/08/2027
BID12435	100.000.000	10.000	1.000.000	5,88%	27/08/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/08/2027
BID12436	1.000.000.000	400	400.000	5,78%	28/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	28/08/2026
BID12437	1.000.000.000	450	450.000	5,78%	29/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/08/2026
BID12438	1.000.000.000	100	100.000	5,78%	29/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/08/2026
BID12439	1.000.000.000	250	250.000	5,88%	29/08/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/08/2027
BID12432	1.000.000.000	95	95.000	5,88%	21/08/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	21/08/2027
BID12431	1.000.000.000	900	900.000	5,78%	21/08/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	21/08/2026

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng



Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Ngày mua lại trước hạn dự kiến
BID12426	1.000.000.000	50	50.000	5,88%	17/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	17/07/2027
BID12425	1.000.000.000	105	105.000	5,78%	17/07/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	17/07/2026
BID12404	1.000.000.000	950	950.000	5,78%	10/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	10/05/2026
BID12413	1.000.000.000	50	50.000	5,78%	30/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/05/2026
BID12415	1.000.000.000	3.500	3.500.000	6,08%	07/06/2024	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	07/06/2029
BID12257	1.000.000.000	60	60.000	7,20%	09/09/2022	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	09/09/2032
BID12211	1.000.000.000	200	200.000	8,50%	09/12/2022	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	09/12/2037
BID12416	1.000.000.000	720	720.000	5,78%	17/06/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	17/06/2026
BID12417	1.000.000.000	150	150.000	5,88%	17/06/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	17/06/2027
BID12418	1.000.000.000	400	400.000	5,93%	26/06/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/06/2027
BID12419	1.000.000.000	180	180.000	5,78%	27/06/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/06/2026
BID12420	1.000.000.000	150	150.000	5,93%	27/06/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/06/2027
BID12422	1.000.000.000	1.000	1.000.000	5,88%	05/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	05/07/2027
BID12421	1.000.000.000	100	100.000	5,88%	05/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	05/07/2027
BID12423	1.000.000.000	450	450.000	5,78%	09/07/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	09/07/2026
BID12424	1.000.000.000	50	50.000	5,88%	09/07/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	09/07/2027
BID12406	1.000.000.000	245	245.000	5,78%	22/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	22/05/2026
BID12407	1.000.000.000	50	50.000	5,93%	22/05/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	22/05/2027
BID12408	1.000.000.000	50	50.000	5,78%	24/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	24/05/2026

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Ngày mua lại trước hạn dự kiến
BID12409	1.000.000.000	300	300.000	5,93%	24/05/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	24/05/2027
BID12410	1.000.000.000	700	700.000	5,78%	28/05/2024	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	28/05/2026
BID12411	100.000.000	20.000	2.000.000	5,88%	29/05/2024	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/05/2027
BID12376	1.000.000.000	100	100.000	5,78%	20/12/2023	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	20/12/2025
BID12375	1.000.000.000	1.000	1.000.000	6,18%	20/12/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	20/12/2028
BID12301	1.000.000.000	202	202.000	5,78%	26/12/2023	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/12/2025
BID12302	1.000.000.000	35	35.000	5,98%	26/12/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/12/2026
BID12212	1.000.000.000	100	100.000	8,50%	27/12/2022	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/12/2037
BID12121	1.000.000.000	50	50.000	6,90%	29/06/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/06/2031
BID12238	1.000.000.000	100	100.000	7,00%	26/07/2022	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/07/2037
BID2_RL 20.14	1.000.000.000	500	500.000	7,95%	26/05/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/05/2030
BID2_RL 20.35	1.000.000.000	230	230.000	7,70%	25/06/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	25/06/2030
BID12373	1.000.000.000	100	100.000	6,88%	13/12/2023	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	13/12/2033
BID12405	1.000.000.000	1.000	1.000.000	6,50%	21/05/2024	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	21/05/2034
BID12412	1.000.000.000	200	200.000	6,50%	30/05/2024	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/05/2039
BID12414	1.000.000.000	100	100.000	6,50%	30/05/2024	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/05/2034
BID12303	1.000.000.000	1.000	1.000.000	5,98%	27/12/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/12/2026
BID12367	1.000.000.000	322	322.000	5,78%	23/11/2023	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	23/11/2025
BID12368	1.000.000.000	732	732.000	5,98%	23/11/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	23/11/2026

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng



Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Ngày mua lại trước hạn dự kiến
BID12369	1.000.000.000	10	10.000	6,08%	23/11/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	23/11/2028
BID12364	1.000.000.000	3.000	3.000.000	5,98%	29/09/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/09/2028
BID12363	1.000.000.000	10	10.000	5,98%	29/09/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/09/2028
BID12328	1.000.000.000	240	240.000	5,78%	30/08/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/08/2026
BID12329	1.000.000.000	60	60.000	5,88%	30/08/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/08/2028
BID12349	1.000.000.000	200	200.000	5,88%	13/09/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	13/09/2026
BID12255	1.000.000.000	27	27.000	5,98%	26/08/2022	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/08/2027
BID12131	1.000.000.000	24	24.000	5,68%	16/07/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	16/07/2026
BID12206	100.000	2.000.000	200.000	5,88%	06/05/2022	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	06/05/2032
BID12243	1.000.000.000	14	14.000	5,68%	22/06/2022	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	22/06/2027
BID12246	1.000.000.000	200	200.000	5,98%	29/06/2022	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/06/2027
BID12237	1.000.000.000	25	25.000	5,78%	26/07/2022	12	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	26/07/2029
BID12122	1.000.000.000	300	300.000	5,68%	27/07/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/07/2026
BID12124	1.000.000.000	90	90.000	5,68%	29/07/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/07/2026
BID12102	1.000.000.000	800	800.000	5,68%	29/07/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/07/2026
BID12309	1.000.000.000	200	200.000	5,78%	18/08/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	18/08/2026
BID12119	1.000.000.000	5	5.000	5,68%	25/06/2021	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	25/06/2026
BID2_RL 19.18	1.000.000.000	100	100.000	6,38%	18/12/2019	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	18/12/2029
BIDL203 5059	1.000.000.000	50	50.000	7,00%	24/09/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	24/09/2030

Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng



Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Ngày mua lại trước hạn dự kiến
BIDL2035065	1.000.000.000	47	47.000	7,20%	14/10/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	14/10/2030
BIDL2035063	1.000.000.000	50	50.000	7,00%	19/10/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	19/10/2030
BIDL2035050	1.000.000.000	200	200.000	7,00%	29/10/2020	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/10/2030
BID12307	1.000.000.000	460	460.000	7,60%	21/07/2023	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	21/07/2033
BID12326	1.000.000.000	700	700.000	7,70%	24/07/2023	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	24/07/2038
BID12308	1.000.000.000	500	500.000	7,70%	01/08/2023	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	01/08/2038
BID12530	1.000.000.000	500	500.000	6,40%	30/06/2025	20	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/06/2040
BID12537	1.000.000.000	150	150.000	6,30%	30/07/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/07/2035
BID12116	1.000.000.000	800	800.000	6,90%	21/05/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	21/05/2031
BID12370	1.000.000.000	100	100.000	7,00%	30/11/2023	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	30/11/2033
BID12440	1.000.000.000	200	200.000	6,50%	29/08/2024	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	29/08/2034
BID12503	1.000.000.000	173	173.000	5,90%	15/05/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	15/05/2028
BID12506	1.000.000.000	1.200	1.200.000	6,26%	20/05/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	20/05/2035
BID12117	1.000.000.000	120	120.000	6,90%	23/06/2021	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	23/06/2031
BID12512	1.000.000.000	100	100.000	6,30%	27/05/2025	15	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	27/05/2035
BID12516	1.000.000.000	85	85.000	5,90%	10/06/2025	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	10/06/2028
BID12430	1.000.000.000	2.460	2.460.000	5,48%	16/08/2024	5	Trái phiếu thường	16/08/2029
BID12365	1.000.000.000	980	980.000	6,20%	25/10/2023	5	Trái phiếu thường	25/10/2028
BID12366	1.000.000.000	1.520	1.520.000	5,38%	25/10/2023	5	Trái phiếu thường	25/10/2028
BID12429	1.000.000.000	540	540.000	5,68%	16/08/2024	5	Trái phiếu thường	16/08/2029
Trái phiếu phát hành ra công chúng								

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Ngày mua lại trước hạn dự kiến
BID123003	100.000	1.000	100	6,08%	16/01/2023	8	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	16/01/2026
BID123004	100.000	3.000.000	300.000	6,18%	16/01/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	16/01/2028
BID122005	100.000	1.570.272	157.027	5,68%	25/01/2022	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	25/01/2027
Tổng		6.657.808	60.193.127				<i>Nguồn: BIDV</i>	

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 39: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các khoản phải nộp	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	Việc tuân thủ theo QĐPL
Theo số liệu BCTC riêng					
1	Các khoản thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, các loại thuế khác)	3.424.621	2.982.584	1.547.012	BIDV thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với NSNN theo các cơ chế chính sách hiện hữu
2	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	171.725	171.646	171.633	
Tổng		3.596.346	3.154.230	1.718.645	
Theo số liệu BCTC hợp nhất					
1	Các khoản thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, các loại thuế khác)	3.580.397	3.150.153	1.705.312	BIDV thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với NSNN theo các cơ chế chính sách hiện hữu
2	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	176.457	177.339	176.092	
Tổng		3.756.854	3.327.492	1.881.404	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất và riêng giữa niên độ Quý III năm 2025

2.1.4. Trích lập các quỹ

Năm 2023, BIDV đã được ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại cụ thể như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 2.137,2 tỷ đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 2.137,2 tỷ đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.677,3 tỷ đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 427,4 tỷ đồng

Năm 2024, BIDV đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua về phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại, cụ thể như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 2.452,9 tỷ đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 2.452,9 tỷ đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.154,9 tỷ đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 490,6 tỷ đồng

9 tháng đầu năm 2025: thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, trong đó ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức tạm trích lập các quỹ trong năm 2025. Mức trích lập tối đa theo quy định hiện hành và phù hợp với kết quả kinh doanh trong năm. Theo đó, đến thời điểm 30/09/2025 căn cứ kết quả kinh doanh BIDV đã tạm trích lập các quỹ như sau:

- Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.909 tỷ đồng.

Việc đề xuất trích lập Quỹ của BIDV đảm bảo tuân thủ các quy định trong quản lý tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức trích lập các hàng năm theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 40: Chi tiết chỉ tiêu tài chính trong năm 2023 – 30/09/2025

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1. Chỉ tiêu về vốn							
- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	57.004	68.975	70.214	57.004	68.975	70.214
- Vốn tự có	Tỷ đồng	160.661	185.956	218.221	170.636	196.312	227.194
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	8,85%	8,78%	9,22%	9,18%	9,03%	9,40%
2. Chất lượng tài sản							
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	0,14	0,56	0,95	0,19	0,55	0,97
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,21	1,37	1,84	1,26	1,41	1,87
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	77,79	74,80	73,26	77,89	74,89	73,28

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,6	97,2	96,6	97,4	97,0	96,4
3. Khả năng thanh khoản (*)							
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	13,39	14,02	14,33	n/a	n/a	n/a
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	20,56	24,27	28,46	n/a	n/a	n/a
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	83,85	83,65	84,13	n/a	n/a	n/a
4. Kết quả hoạt động kinh doanh							
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	25,20	24,35	15,21	24,30	23,89	15,11
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,23	1,23	0,78	1,25	1,26	0,81
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	2,60	2,30	2,06	2,64	2,33	2,06
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,99	0,99	0,63	0,99	1,01	0,65
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,17	19,49	12,18	19,36	19,12	12,11
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phiếu	3.973	3.891	2.575	4.085	4.065	2.722

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	7,76	7,31	7,20	9,00	8,73	8,44
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	20,44	18,39	18,72	23,81	22,12	21,83

Nguồn: BIDV

(*) Theo Quy định NHNN, tỷ lệ này chỉ áp dụng với hoạt động riêng Ngân hàng.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:

+ Theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2023, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024:

+ Theo ý kiến của Công ty TNHH KPMG tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2024, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Theo ý kiến của Công ty TNHH KPMG tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần

Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2025:

- + Căn cứ trên kết quả soát xét của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam tại Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 2025, Tổ chức kiểm toán không thấy có vấn đề gì khiến Tổ chức kiểm toán cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.
- + Căn cứ trên kết quả soát xét của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 2025, Tổ chức kiểm toán không thấy có vấn đề gì khiến Tổ chức kiểm toán cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm: Không thuộc trường hợp áp dụng.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 41: Kế hoạch lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2025	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2024
Tổng thu nhập hoạt động	82.500	+7,1%
Lợi nhuận sau thuế	25.600	+6,4%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động	31,0%	-0,2%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	≥16,5%	≥ -3%
Tỷ lệ cổ tức	Thực hiện theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền	

Nguồn: BIDV

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch các chỉ tiêu KHKD chủ yếu, ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức thực hiện theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức nêu trên

❖ Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2025

BIDV xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch NHNN giao (hiện BIDV được giao là 14,32% và sẽ điều chỉnh phù hợp với chỉ đạo của NHNN), bám sát chủ trương, giải pháp điều hành kinh tế của Chính phủ, chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của NHNN.
- Cân đối nguồn vốn, sử dụng vốn an toàn - hiệu quả, đảm bảo thanh khoản, đáp ứng kịp thời nhu cầu tín dụng và thanh toán của nền kinh tế, củng cố vị trí dẫn đầu trên các phân khúc thị trường chủ đạo như bán lẻ, SME, gia tăng FDI, ...
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng đảm bảo tỷ lệ nợ xấu $\leq 1,6\%$, quyết liệt triển khai các giải pháp xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp thu hồi nợ ngoại bảng.
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động Ngân hàng số, phân đầu gia tăng các nguồn thu phi lãi theo đúng định hướng; Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Gia tăng quản trị chi phí hiệu quả.
- Cấu trúc lại toàn diện hoạt động đầu tư đảm bảo công khai, minh bạch và tối đa hóa lợi ích của BIDV.
- Rà soát, sắp xếp mạng lưới hoạt động, nâng cao năng lực quản trị điều hành, tăng cường công tác quản trị rủi ro trên tất cả các mặt hoạt động.

Tiếp tục triển khai hiệu quả quan hệ hợp tác với cổ đông chiến lược Hana Bank trong 6 lĩnh vực đã ký kết: (i) Quản trị chiến lược phát triển ngân hàng; (ii) Quản lý hệ thống công nghệ và ngân hàng số; (iii) Tăng cường phát triển ngân hàng bán lẻ; (iv) Đa dạng hóa danh mục tài sản sinh lời; (v) Quản trị rủi ro; và (vi) Đào tạo & phát triển nguồn nhân lực.

❖ Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2025:

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2025 của ngân hàng;
- Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

5.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Với tư cách là tổ chức tư vấn cho đợt chào bán, MAS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của BIDV.

Trên cơ sở phân tích tiềm năng phát triển của ngành ngân hàng và các thông tin thu thập được, cùng đánh giá về BIDV trên các phương diện như năng lực lãnh đạo của đội ngũ lãnh đạo, hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng khách hàng cũng như định hướng chiến lược phát triển, MAS cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của BIDV dự kiến cho năm 2025 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của BIDV.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Trong 03 năm tới, dự kiến BIDV sẽ tiếp tục triển khai chào bán sản phẩm trái phiếu, việc chào bán phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước cũng như trên cơ sở phương án phát hành được cấp thẩm quyền chấp thuận. Tại thời điểm lập Bản cáo bạch này, BIDV chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu cụ thể cho giai đoạn 03 năm tiếp theo.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Mục VI dưới đây bao gồm các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu được chào bán theo Bản Cáo Bạch này. Trái Phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") được quy định tại Phụ Lục I Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Với việc đăng ký mua Trái Phiếu và/hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

Trái Phiếu được phát hành thành nhiều đợt (các "**Đợt Phát Hành**") như được định nghĩa dưới đây). Theo đó, tại mỗi Đợt Phát Hành, trừ khi được quy định khác đi thì các quy định đối với và liên quan đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ quy định nào đề cập chung đến Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu được hiểu là đề cập đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc quy định cho Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu của Đợt Phát Hành tương ứng đó.

Định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng trong Mục VI Bản Cáo Bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

“**Bản Cáo Bạch**” có nghĩa là tài liệu do Tổ Chức Phát Hành ban hành bao gồm các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu phát hành mà Tổ Chức Phát Hành có quyền và nghĩa vụ đối với những Người Sở Hữu Trái Phiếu (bao gồm nhưng không giới hạn khối lượng, lãi suất, các cam kết khác) của Trái Phiếu phát hành.

“**Chuyển Quyền Sở Hữu**” có nghĩa là các hình thức chuyển nhượng, bán, tặng, cho, để lại thừa kế hoặc thực hiện các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định pháp luật.

“**Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu**” có nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

“**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như quy định tại Điểm 13 Mục VI Bản Cáo Bạch này.

“**Đợt Phát Hành**” có nghĩa là (i) đợt phát hành thứ nhất dự kiến thực hiện trong Quý I/2026 - Quý II/2026, sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng (“**Đợt 1**”); (ii) đợt phát hành thứ hai dự kiến thực hiện trong Quý I/2026 - Quý III/2027 theo quyết định của Tổ Chức Phát Hành, sau khi kết thúc Đợt 1 nhưng không quá 12 (mười hai) tháng (“**Đợt 2**”) và (iii) đợt phát hành thứ ba dự kiến thực hiện trong Quý II/2026 - Quý I/2027 theo quyết định của Tổ Chức Phát Hành, sau khi kết thúc Đợt 2 nhưng không quá 12 (mười hai) tháng (“**Đợt 3**”).

“**Văn Bản Chỉ Định**” có nghĩa là văn bản số 10344/BIDV-KDV ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tổ Chức Phát Hành về việc chỉ định và ủy quyền cho Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu để (i) quản lý Trái Phiếu trong giai đoạn trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC; và (ii) quản lý và thanh toán gốc lãi Trái Phiếu chưa lưu ký áp dụng cho giai đoạn sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong từng thời kỳ.

“**Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ**” có nghĩa là hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số **01-2025/HĐDV-MAS-BIDV** được ký kết vào ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“**Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ**” hoặc “**Tổ Chức Tư Vấn**” hoặc “**Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán**”), theo đó Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ được chỉ định là tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu.

“**Hợp Đồng Đại Diện**” có nghĩa là hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số **01/ĐDNSHTP/BIDV-MAS** được ký kết vào ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định là tổ chức đại diện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 06 (Sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành.

“**Kỳ Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành (đối với Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên) hoặc Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất trước đó (đối với các Kỳ Thanh Toán Lãi tiếp theo) cho đến nhưng không gồm Ngày Đến Hạn Gốc.

“**Kỳ Hạn Trái Phiếu**” có nghĩa như quy định tại Điểm 6 Mục VI Bản Cáo Bạch này.

“**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, nghỉ bù, nghỉ hoán đổi theo quy định của pháp luật Việt Nam) mà vào ngày đó hoạt động thanh toán giữa các ngân hàng tại Việt Nam được thực hiện bình thường.

“**Ngày Phát Hành**” có nghĩa là một Ngày Làm Việc theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành, là ngày mà toàn bộ số tiền đặt mua Trái Phiếu của Đợt Phát Hành được chuyển vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 19 Mục VI Bản Cáo Bạch này. Ngày Phát Hành là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu.

“**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**” có nghĩa là (i) ngày tròn hai (02) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2633001C, BIDL2633004C và BIDL2633007C; (ii) ngày tròn ba (03) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2634002C, BIDL2634005C và BIDL2634008C; và (iii) ngày tròn năm (05) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2636003C và BIDL2636006C.

“**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa là (i) ngày tròn bảy (07) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2633001C, BIDL2633004C và BIDL2633007C; (ii) ngày tròn tám (08) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2634002C, BIDL2634005C và BIDL2634008C; và (iii) ngày tròn mười (10) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2636003C và BIDL2636006C.

“**Ngày Đến Hạn Gốc**” có nghĩa là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn hoặc Ngày Đáo Hạn.

“**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là định kỳ các ngày tròn 06 (Sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành (bao gồm Ngày Đáo Hạn, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại) và/hoặc ngày trùng với ngày đến hạn khác khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn.

“**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**” có nghĩa là:

(A) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC:

- (i) Theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành, trong vòng 15 (Mười lăm) Ngày Làm Việc trước ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện gửi hồ sơ đăng ký Trái Phiếu tới VSDC; hoặc
- (ii) Ngày Làm Việc thứ 10 (Mười) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu; hoặc
- (iii) Ngày Làm Việc được Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức liên quan đến đợt chào bán Trái Phiếu lựa chọn nhằm triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản.

(B) Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC:

- (i) Theo thông báo của VSDC (hoặc bên khác có quyền ấn định và thông báo ngày đăng ký cuối cùng đó) để thực hiện quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm nhưng không giới hạn các mục đích sau: (i.1) thực hiện thanh toán gốc, lãi

Trái Phiếu; (i.2) thực hiện triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản, (i.3) thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu và/hoặc (i.4) các mục đích khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Văn Kiện Trái Phiếu; hoặc

- (ii) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức liên quan đến đợt chào bán Trái Phiếu phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của VSDC nhằm chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc;
- (iii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

“Người Sở Hữu Trái Phiếu” là bất kỳ tổ chức/cá nhân trở thành người sở hữu trái phiếu theo quy định của Pháp luật, có tên trong Sổ Đăng Ký do Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc có tên trong danh sách người sở hữu trái phiếu do VSDC quản lý (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) (tùy thời điểm áp dụng).

“Quyền Mua Lại Trước Hạn” là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại trước hạn toàn bộ Trái Phiếu đã phát hành vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu do mình sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ.

“Tổ Chức Phát Hành” có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

“Thành Viên Lưu Ký” có nghĩa là là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSDC chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.

“Văn Kiện Trái Phiếu” có nghĩa là bất kỳ văn kiện nào, bao gồm: (i) Nghị quyết số 1266/NQ-BIDV ngày 17/11/2025 và Nghị quyết số ~~1338~~ ¹³³⁸./NQ-BIDV ngày ~~11~~ ¹¹./12/2025, trong đó bao gồm phương án phát hành; (ii) Bản Cáo Bạch; (iii) Văn Bản Chỉ Định; (iv) Hợp Đồng Đại Diện; (v) Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ; (vi) Bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định và/hoặc liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận (và được những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) là một Văn Kiện Trái Phiếu; và (vii) Bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các Mục từ (i) đến (vi) trên đây.

“VSDC” có nghĩa là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc bất kỳ tổ chức nào khác kế thừa chức năng đăng ký, và/hoặc lưu ký chứng khoán tại Việt Nam) (tùy từng trường hợp áp dụng).

1. Tên gọi và mã Trái Phiếu chào bán

Tên Trái Phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm các mã Trái Phiếu như sau:

Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu		
	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
Trái Phiếu kỳ hạn 07 (bảy) năm	BIDL2633001C	BIDL2633004C	BIDL2633007C
Trái Phiếu kỳ hạn 08 (tám) năm	BIDL2634002C	BIDL2634005C	BIDL2634008C
Trái Phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm	BIDL2636003C	BIDL2636006C	

2. Loại trái phiếu

- (a) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành theo quy định.
- (b) Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức ghi sổ kèm theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu.

3. Mệnh giá

100.000 VND (một trăm nghìn Đồng Việt Nam)/01 (một) Trái Phiếu.

4. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán

Tổng số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán của các Đợt Phát Hành là 90.000.000 (chín mươi triệu) Trái Phiếu, chi tiết như sau:

Mã Trái Phiếu	Kỳ Hạn Trái Phiếu	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá	Thời điểm phát hành dự kiến
BIDL2633001C	07 năm	20.000.000 (Hai mươi triệu)	2.000.000.000.000 VND (Hai nghìn tỷ đồng)	Quý I – Quý II/2026
BIDL2634002C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	
BIDL2636003C	10 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	
Tổng cộng		40.000.000 (Bốn mươi triệu)	4.000.000.000.000 VND (Bốn nghìn tỷ đồng)	

BIDL2633004C	07 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Quý I – Quý III/2026
BIDL2634005C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	
BIDL2636006C	10 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	
Tổng cộng		30.000.000 (Ba mươi triệu)	3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)	
BIDL2633007C	07 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Quý II/2026 – Quý I/2027
BIDL2634008C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	
Tổng cộng		20.000.000 (Hai mươi triệu)	2.000.000.000.000 VND (Hai nghìn tỷ đồng)	

Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết số lượng chào bán như dự kiến thì số lượng Trái Phiếu chưa chào bán sẽ được chuyển qua đợt sau tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu. Để làm rõ, tổng số lượng Trái Phiếu chào bán trong đợt sau bao gồm số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán của đợt sau ban đầu (nêu trên) và số lượng Trái Phiếu không chào bán hết trong đợt trước chuyển sang tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu (nếu có).

5. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá của các Đợt Phát Hành là 9.000.000.000.000 (chín nghìn tỷ) Đồng Việt Nam, chi tiết quy định tại Điểm 4 Mục VI Bản Cáo Bạch này.

6. Kỳ Hạn Trái Phiếu

Trái Phiếu được phát hành với các kỳ hạn 07 năm, 08 năm và 10 năm. Chi tiết kỳ hạn Trái Phiếu tương ứng với mã Trái Phiếu được quy định chi tiết tại Điểm 4 Mục VI Bản Cáo Bạch này.

7. Lãi suất

- (a) Lãi suất của Trái Phiếu cho từng Kỳ Thanh Toán Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau:

Mã Trái Phiếu	Lãi suất áp dụng
----------------------	-------------------------

BIDL2633001C, BIDL2633004C và BIDL2633007C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,80% (<i>Một phẩy tám mươi phần trăm</i>)/năm
BIDL2634002C, BIDL2634005C và BIDL2634008C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,85% (<i>Một phẩy tám mươi lăm phần trăm</i>)/năm
BIDL2636003C và BIDL2636006C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 1,90% (<i>một phẩy chín mươi phần trăm</i>)/năm

(b) Vì mục đích của Điểm 7(a):

- (i) **“Ngày Xác Định Lãi Suất”** có nghĩa là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và là Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo;
- (ii) **“Lãi Suất Tham Chiếu”**, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.
- (iii) **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – khu vực/thành phố Hà Nội, (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là **“Ngân Hàng Tham Chiếu”** và gọi chung là **“Các Ngân Hàng Tham Chiếu”**).
- (iv) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:

Mã Trái Phiếu	Lãi suất áp dụng
BIDL2633001C, BIDL2633004C và BIDL2633007C	Lãi Suất áp dụng trong 02 (hai) năm cuối (04 (Bốn) Kỳ Tính Lãi cuối cùng) = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 4,3% (<i>bốn phẩy ba phần trăm</i>)/năm
BIDL2634002C, BIDL2634005C và BIDL2634008C	Lãi Suất áp dụng trong 03 (ba) năm cuối (06 (Sáu) Kỳ Tính Lãi cuối cùng) = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 3,52% (<i>hai phẩy năm mươi hai phần trăm</i>)/năm
BIDL2636003C và BIDL2636006C	Lãi Suất áp dụng trong 05 (năm) năm cuối (10 (Mười) Kỳ Tính Lãi cuối cùng) = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ tối đa 2,90% (<i>hai phẩy chín mươi phần trăm</i>)/năm

(c) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo các nguyên tắc sau:

- (i) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu không xác định được Lãi Suất Tham Chiếu do một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất tương ứng. Khi đó, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu phải có bằng chứng chứng minh trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên. Để tránh nhầm lẫn, nguyên tắc này không áp dụng đối với trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào vẫn công bố nhưng thay đổi cách thức công bố lãi suất (công bố lãi suất theo Chi nhánh cụ thể) dẫn đến việc (một hoặc một số) Lãi Suất Tham Chiếu của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Điểm 7(b) không xác định được thì Ngân Hàng Tham Chiếu được sử dụng có giá trị tương đương là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 1 (bao gồm cả trường hợp Chi nhánh Ngân Hàng Tham Chiếu đó đổi tên) để thay thế cho Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng.
- (ii) Bằng chứng về thông tin lãi suất thu thập được có thể là bản chụp màn hình trang thông tin điện tử của các Ngân Hàng Tham Chiếu, văn bản, thông báo của các Ngân Hàng Tham Chiếu (dù công bố công khai tại các địa điểm kinh doanh tương ứng nêu trên, công bố trên trang thông tin điện tử hay gửi riêng cho Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu), hoặc bất kỳ bằng chứng hợp lệ nào khác (theo đánh giá hợp lý của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu) về việc mức lãi suất đó là mức lãi suất hợp lệ dùng để xác định Lãi Suất Tham Chiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- (iii) Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.
- (d) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì (A) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 7(a) nêu trên thì lãi suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 7(a) đó; (B) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 7(a) nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (C) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu nhưng lãi suất Trái Phiếu được quy định tại Điểm 7(a) nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 7(a) nêu trên.

8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

8.1. Kỳ hạn trả lãi:

Lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần, vào ngày tròn 06 (sáu) tháng từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn trái phiếu.

8.2 Kỳ hạn trả gốc:

Trừ khi Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Điểm 12.1, tiền gốc Trái Phiếu được trả một lần bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc theo quy định cụ thể của BIDV tại từng đợt phát hành.

8.3. Phương thức thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu: Tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán bằng cách chuyển khoản vào tài khoản được đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc phương thức khác theo quy chế của VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC).

8.4. Tiền Lãi

- (a) Tiền lãi Trái Phiếu được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc, và được thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi với Ngày Thanh Toán Lãi thứ nhất sẽ là ngày tròn 06 (sáu) tháng đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành hoặc ngày đến hạn khác khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái Phiếu (nếu phát sinh) tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước. Trái Phiếu có thứ tự Kỳ Thanh Toán Lãi trùng với Kỳ Tính Lãi. Theo đó, lãi suất của Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi thứ nhất là lãi suất được xác định tại Kỳ Tính Lãi thứ nhất.

Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì:

- (i) **Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2633001C, BIDL2633004C và BIDL2633007C:** Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi thứ 04 (Bốn) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của Kỳ Tính Lãi thứ 04 (Bốn) cùng với các khoản lãi khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng.
- (ii) **Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2634002C, BIDL2634005C và BIDL2634008C:** Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi thứ 06 (Sáu) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của Kỳ Tính Lãi thứ 06 (Sáu) cùng với các khoản lãi khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng.
- (iii) **Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2636003C và BIDL2636006C:** Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi thứ 10 (Mười) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của Kỳ Tính Lãi thứ 10 (Mười) cùng với các khoản lãi khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng.

Nếu Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (1) được hưởng lãi đối với khoản gốc Trái Phiếu chưa được thanh toán;

và (2) không được hưởng lãi đối với khoản lãi Trái Phiếu chưa được thanh toán do Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc không phải là Ngày Làm Việc.

- (b) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) giữ hộ và không được hưởng lãi.
- (c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm 8.4(a), mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào các ngày đó, mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp).

Theo đó, nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu thì khoản tiền gốc Trái Phiếu đó sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi có khoản gốc đến hạn đó (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán), tính từ và bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc, cho đến nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán. Đối với các khoản chậm thanh toán phát sinh do lỗi của Thành Viên Lưu Ký hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) thì việc thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lưu Ký hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó.

- (d) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, nếu khoản tiền lãi đến hạn của Trái Phiếu bị từ chối thanh toán hoặc được thanh toán không đầy đủ do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu (tùy từng trường hợp) thì Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi quá hạn đối với số tiền bị chậm trả tính kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức 150% Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi bị chậm trả. Đối với các khoản chậm thanh toán phát sinh do lỗi của Thành Viên Lưu Ký hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) thì việc thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lưu Ký hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó.
- (e) Tiền lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điểm 8.4(c) và (d) nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp)) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (f) Tiền lãi tại Điểm 8.4(a) được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu} = \frac{\text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ thực tế tại}}{\text{Lãi suất}} \times \frac{\text{Số ngày thực tế tính lãi Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó}}{360}$$

được
hưởng

Ngày Đăng Ký Cuối
Cùng

Trái
Phiếu

365

Trong đó:

- (i) Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ thực tế tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là mệnh giá của 01 Trái Phiếu nhân với số lượng Trái Phiếu nắm giữ thực tế tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng;
 - (ii) Lãi suất Trái Phiếu là lãi suất áp dụng tại Kỳ Thanh Toán Lãi xảy ra việc tính lãi theo Điểm 8.4(a) trên đây; và
 - (iii) Số ngày thực tế tính lãi Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành (đối với Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên) hoặc Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất trước đó (đối với các Kỳ Thanh Toán Lãi tiếp theo) cho đến nhưng không gồm ngày thanh toán thực tế.
- (g) Tiền lãi tại các Điểm 8.4(c), (d) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

8.5. Ngày Thanh Toán Tiền Lãi

- (a) Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đến Hạn Gốc, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ (“Số Tiền Lãi Chậm Trả”). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Kiện Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào.
- (b) Số Tiền Lãi Chậm Trả sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Chậm Trả), tính trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.
- (c) Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Chậm Trả là Lãi Suất cho Kỳ Thanh Toán Lãi tương ứng mà Tổ Chức Phát Hành chậm trả lãi (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian chậm trả lãi của Số Tiền Lãi Chậm Trả tương ứng).
- (d) Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ theo quy định tại Điểm 8.5(a), (b), (c) Mục VI Bản Cáo Bạch này.

9. Giá chào bán

100% mệnh giá tương đương 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng Việt Nam)/ 01 (một) Trái Phiếu.

10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

11.1. Quyền Của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

(a) Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

(i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu sẽ lập sổ đăng ký tại Ngày Phát Hành, quản lý và duy trì sổ đăng ký ("**Sổ Đăng Ký**") ghi tên Người Sở Hữu Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận gốc, lãi Trái Phiếu và các thông tin khác của những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(Mỗi) Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu, thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu theo quy định tại Văn Bản Chỉ Định ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu. (Mỗi) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký.

Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao hoàn thành các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu mà Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trong Sổ Đăng Ký. Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu sẽ cấp, hoặc bảo đảm cấp cho bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận (i) khoản tiền gốc của Trái Phiếu đã được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và (ii) quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (để tránh nhầm lẫn, bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu ngay khi quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa). Các chi phí liên quan đến việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu ấn định khi thực hiện việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, phù hợp với luật

Việt Nam và thực tiễn thị trường và sẽ do bên Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu thanh toán cho Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu.

Nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thay đổi thông tin trên Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu thì Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Văn Bản Chỉ Định sau khi người yêu cầu cấp lại thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại đó cho Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu và người yêu cầu cấp lại phải cung cấp chứng cứ liên quan đến việc cấp lại đó. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách nát, hư hại hoặc cần thay đổi thông tin phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

(ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, đối với các Trái Phiếu được lưu ký tập trung, việc cấp Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu (nếu phát sinh) sẽ theo quy định có liên quan của VSDC và quy định của pháp luật. Đối với các Trái Phiếu chưa lưu ký tập trung, việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu (nếu phát sinh) sẽ do Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành) cấp theo quy định tại Văn Bản Chỉ Định (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSDC).

(b) ***Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác***

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này đối với số Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- (i) Đối với các Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSDC (bao gồm cả giai đoạn trước và sau khi Trái Phiếu đăng ký tại VSDC), mỗi khoản thanh toán tiền lãi định kỳ vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc khoản thanh toán tiền gốc và lãi vào Ngày Đến Hạn Gốc sẽ được trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký hoặc theo thông báo của VSDC (tùy từng trường hợp) tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng thông qua hình thức chuyển trực tiếp vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký hoặc theo thông báo của VSDC (tùy từng trường hợp) hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận bằng văn bản của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó.

Để tránh nhầm lẫn, những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký hoặc theo thông báo của VSDC (tùy từng trường hợp) tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng nêu trên sẽ là người nhận các khoản thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu mà không phụ thuộc vào việc Trái Phiếu đó có phát sinh các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu sau Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho tới và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc hay không. Tổ Chức Phát Hành và Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện hoặc bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu đã thực hiện việc thanh toán như quy định tại Điểm (i) này.

- (ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC và các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định của Văn Kiện Trái Phiếu khác (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu khác không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC).

(c) Quyền giao dịch Trái Phiếu

- (i) Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu trong giai đoạn (i.1) từ Ngày Phát Hành đến Ngày Chốt Danh Sách để Tổ Chức Phát Hành thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSDC; và (i.2) sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, trừ các trường hợp khác theo các quy định pháp luật. Để làm rõ, Trái Phiếu sẽ không được thực hiện giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSDC cho đến khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC.
- (ii) Trái Phiếu được sử dụng làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- (iii) Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại BIDV theo quy định của pháp luật và quy định của BIDV từng thời kỳ.
- (iv) Không ảnh hưởng đến quy định tại Điểm 11.1(c)(iii), Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu trừ trường hợp mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- (v) Trước thời điểm Tổ Chức Phát Hành chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký Trái Phiếu, việc giao dịch Trái Phiếu như trên sẽ được thực hiện thông qua đăng ký tại Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu theo thủ tục quy định tại Văn Bản Chi Định.
- (vi) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC và các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định của Văn Kiện Trái Phiếu (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC).

(d) Quyền biểu quyết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại Hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu mà phải xin ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định tại Điểm 23.2 dưới đây.

(e) Quyền có tổ chức đại diện

Theo quy định của Pháp luật, Tổ Chức Phát Hành đã ký kết Hợp Đồng Đại Diện với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu như quy định tại Điểm 13.a.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu công nhận và đồng ý việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 11.1(e) này và Hợp Đồng Đại Diện.

(f) Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông tin mà Tổ Chức Phát Hành, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức quy định tại Điểm 23.3 dưới đây.

(g) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành

- (i) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Điểm 8.5) và vẫn tiếp tục không thanh toán trong thời gian mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng (mỗi trường hợp như vậy được gọi là một “**Sự Kiện Vi Phạm**”), thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
- (ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) (mỗi trường hợp như vậy đều được gọi là một “**Sự Kiện Vi Phạm**”), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
- (iii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (1) biết có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (2) nhận được thông báo từ Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại đoạn (ii) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, sau khi xác minh thông tin, phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác và các bên liên quan khác (nếu có) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn toàn bộ ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) và các khoản tiền khác (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.
- (iv) Trường hợp tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Điều này, nếu có bất kỳ thủ tục phá sản, giải thể, phán quyết, quyết định của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền về việc Tổ Chức Phát Hành đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khác thì việc thanh toán Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu

sẽ theo thủ tục phá sản, giải thể hoặc đồng thời phải tuân thủ theo các phán quyết, quyết định khác của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

- (h) Toàn quyền quyết định và có thể tự thực hiện các thủ tục để lưu ký Trái Phiếu do mình nắm giữ.
- (i) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

11.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu.
- (b) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký/hủy đăng ký, lưu ký/hủy lưu ký và niêm yết Trái Phiếu.
- (c) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của Tổ Chức Phát Hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu.
- (d) Thực hiện Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật.
- (e) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Văn Bản Chi Định, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và các quy định pháp luật khác (nếu có).

11.3. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo một Nghị Quyết những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điểm 23.2(c), 23.2(d) và 23.2(e) hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

12. Quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành

12.1. Quyền Của Tổ Chức Phát Hành

(a) Mua Lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

- (i) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điểm 12.1(a)(iii) dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ Trái Phiếu đã phát hành tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu.
- (ii) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và tất cả các Giấy Chứng Nhận

Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu (nếu còn đang được nắm giữ bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu) sẽ tự động hết hiệu lực.

- (iii) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điểm 12.1(a) này, Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 10 (mười) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của (mỗi) Người Sở Hữu Trái Phiếu như được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.

(b) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Các Văn Kiện Trái Phiếu.

12.2. Nghĩa Vụ Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- (b) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố.
- (c) Thực hiện chế độ quản lý tài chính, báo cáo và kế toán thống kê theo quy định của pháp luật.
- (d) Tùy thuộc quy định của pháp luật Việt Nam từng thời điểm, khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên khoản tiền lãi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu
- (e) Thực hiện các thủ tục và công việc thuộc trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký và niêm yết Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- (f) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và các Văn Kiện Trái Phiếu.

13. Đại diện người sở hữu trái phiếu

Công ty cổ phần chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) được Tổ Chức Phát Hành chỉ định là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- (a) Thực hiện mọi hành vi và công việc với mục đích tối thượng là bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (b) Ký kết và thực hiện bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và/hoặc vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

- (c) Giám sát việc tuân thủ và/hoặc xử lý đối với các cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu; thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- (d) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu; ký các quyết định/ng nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (e) Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác; Nhận và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc VSDC yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (f) Nhận và nhanh chóng thông báo hoặc chuyển tiếp cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (g) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc VSDC thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (h) Hỗ trợ Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (i) Phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để hỗ trợ, hướng dẫn Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC và niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và các quy chế của VSDC hoặc Sở giao dịch chứng khoán;
- (j) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC, hỗ trợ Người Sở Hữu làm việc với Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu trong việc tiếp nhận, thu hồi các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách, bị mờ, hết hiệu lực hoặc đã báo thất lạc mà được tìm thấy và cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu;
- (k) Thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (l) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và của Hợp Đồng Đại Diện.

14. Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành là Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu theo Văn Bản Chỉ Định. Theo đó, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu thực hiện các công việc sau:

14.1. Quản lý đăng ký Trái Phiếu trước đăng ký tại VSDC

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, kể từ Ngày Phát Hành, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- (a) Lập và lưu giữ Sổ Đăng Ký ghi thông tin của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, cấp cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại phần Các Điều Khoản Trái Phiếu và Văn Bản Chỉ Định;
- (b) Thực hiện thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, Văn Bản Chỉ Định và cập nhật việc Chuyển Quyền Sở Hữu này vào Sổ Đăng Ký;
- (c) Thực hiện cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc bị phá hủy hoặc điều chỉnh thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (d) Vào Ngày Làm Việc thứ 10 (Mười) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, hoặc Ngày Đáo Hạn, gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng;
- (e) Duy trì và lưu giữ sổ sách ghi chép về các tài liệu mà Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu nhận được liên quan đến quá trình Chuyển Quyền Sở Hữu và các dịch vụ khác mà Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu cung cấp theo Văn Bản Chỉ Định;
- (f) Cung cấp bản sao Sổ Đăng Ký cập nhật về Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành và trợ giúp những yêu cầu hợp lý liên quan đến Sổ Đăng Ký những Người Sở Hữu Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành;
- (g) Xác nhận số lượng Trái Phiếu sở hữu và xác nhận phong tỏa, giải tỏa Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc của đồng thời Người Sở Hữu Trái Phiếu và bên thứ ba khác nhằm phục vụ cho cầm cố/thế chấp Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (h) Tùy thuộc quy định của luật pháp Việt Nam từng thời điểm, khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Văn Bản Chỉ Định.
- (j) Thực hiện các chế độ báo cáo, công bố thông tin và các công việc khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

14.2. Quản lý Trái Phiếu cho giai đoạn sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện các công việc sau:

- (a) Tiếp nhận và xử lý đề nghị thay đổi thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký Trái Phiếu tại VSDC;
- (b) Tiếp nhận và xử lý đề nghị điều chỉnh trạng thái Trái Phiếu tại VSDC đối với các Trái Phiếu phát sinh giao dịch phong tỏa/tạm khóa Trái Phiếu trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC;
- (c) Thay mặt Tổ Chức Phát Hành in và giải quyết các vấn đề liên quan đến Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu như cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu do thay đổi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc do Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu bị mất, rách, hỏng... theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký và phù hợp với quy định tại Văn Bản Chỉ Định.
- (d) Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Văn Bản Chỉ Định.
- (e) Thực hiện các chế độ báo cáo, công bố thông tin và các công việc khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

14.3. Chức năng thanh toán cho Trái Phiếu

Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện:

- (a) Xác định lãi suất Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi tương ứng phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- (b) Thanh toán tiền lãi của Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký tập trung tại VSDC vào Ngày Thanh Toán Lãi và các ngày đến hạn thanh toán khác phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu và Văn Bản Chỉ Định.
- (c) Thanh toán tiền gốc và lãi của Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC vào Ngày Đến Hạn Gốc hoặc vào một ngày khác phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu và Văn Bản Chỉ Định.
- (d) Thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán gốc, lãi, lãi phạt hoặc các khoản thanh toán khác mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu (bao gồm cả Trái Phiếu lưu ký và chưa lưu ký) trong trường hợp việc thanh toán không được thực hiện qua VSDC và Thành Viên Lưu Ký theo quy chế của VSDC;
- (e) Phù hợp với quy định tại Điểm 8.4(b) Mục VI Bản Cáo Bạch này, trường hợp bất kỳ khoản tiền lãi, gốc và/hoặc các khoản phải thanh toán khác cho một Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến số Trái Phiếu mà người đó nắm giữ nhưng khoản tiền đó bị trả lại Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu sẽ thực hiện lại việc thanh toán khoản tiền đó trong vòng một (01) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu nhận được khoản tiền gửi trả lại. Trường hợp khoản tiền đó (hoặc bất kỳ phần nào của khoản tiền đó) được gửi trả lại cho Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu sau lần thanh toán thứ hai, thì Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu có quyền dừng việc thanh toán các khoản tiền đó cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan và gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu không thể thực hiện việc thanh toán như

vậy. Toàn bộ số dư của khoản thanh toán bị trả lại đó sẽ được Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu giữ và phong tỏa tại một tài khoản của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu cho tới khi nhận được yêu cầu thanh toán hợp lý từ Người Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng.

- (f) Chịu trách nhiệm trước mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất cứ tổn thất hoặc trách nhiệm nào phát sinh do lỗi của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu dẫn đến khoản tiền gốc và/hoặc lãi Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điểm 8.4(b) và (c).
- (g) Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Văn Bản Chỉ Định.
- (h) Thực hiện các chế độ báo cáo, công bố thông tin và các công việc khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

15. Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn

- (a) Mua lại Trái Phiếu theo Quyền Mua Lại Trước Hạn của Tổ Chức Phát Hành vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại theo quy định tại Điểm 12.1(a).
- (b) Không ảnh hưởng tới Điểm 12.1(a), trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (c) Các trường hợp mua lại khác theo quy định của pháp luật.

16. Phương thức phân phối

- a) Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành chào bán không có bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành. Tổ Chức Phát Hành thực hiện chào bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại các chi nhánh/Phòng giao dịch/Trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành.
- b) Việc phân phối Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành (i) nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và (ii) thực hiện việc công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định của pháp luật và trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành.
- c) Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu một cách công khai, công bằng và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian phân phối và chào bán Trái Phiếu/1 đợt chào bán dự kiến tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, phù hợp với quy định của pháp luật.

17. Đăng ký mua Trái Phiếu

- (a) **Đối tượng được đăng ký mua:** là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài, phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

(b) Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu:

- (i) Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin và ban hành Bản thông báo phát hành Trái Phiếu Đợt 1 ra công chúng ("**Thông Báo Phát Hành Đợt 1**"). Đối với các đợt chào bán sau, Tổ Chức Phát Hành sẽ ban hành Bản thông báo phát hành sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tương ứng đối với từng đợt chào bán đó.
- (ii) Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu mỗi đợt thực hiện theo quy định tại Điểm 18 và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư của mỗi đợt chào bán theo quy định tại Điểm 16(c).
- (iii) **Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu:** là 100 (một trăm) Trái Phiếu, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái Phiếu.

(c) Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu

- (i) Nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu tại các chi nhánh/Phòng giao dịch/Trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành.
- (ii) Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản theo hướng dẫn đặt mua của Tổ Chức Phát Hành tại Bản thông báo phát hành của đợt chào bán liên quan.
- (iii) Để tránh hiểu nhầm, trong mọi trường hợp, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành tại các bản Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng có liên quan. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký coi như không có giá trị.

(d) Phương thức phân bổ Trái Phiếu

- (i) Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công bằng, công khai.
- (ii) Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua mỗi Đợt Phát Hành bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép phát hành của đợt đó thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà nhà đầu tư đó đăng ký mua.
- (iii) Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua mỗi Đợt Phát Hành vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành của đợt đó thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

(e) Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu

Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu, cụ thể:

- Thời gian: Trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt chào bán theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.
- Cách thức: Chuyển vào tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đã đăng ký hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu (chỉ đối với trường hợp không có tài khoản ngân hàng).

(f) Phương thức xử lý trong trường hợp trả lại tiền mua Trái Phiếu cho Nhà đầu tư trong trường hợp Nhà đầu tư không được phân bổ đủ số lượng Trái Phiếu đặt mua

Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu hoặc tổng khối lượng đăng ký đặt mua Trái Phiếu vượt quá khối lượng Trái Phiếu chào bán, cụ thể:

- Thời gian: Trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán).
- Cách thức: Chuyển vào tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đã đăng ký hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu (chỉ đối với trường hợp không có tài khoản ngân hàng).

18. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện phân phối Trái Phiếu trong thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày và tối đa không quá 90 (chín mươi) ngày/1 đợt chào bán kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng có hiệu lực.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng như sau:

18.1. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 1

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Ghi chú
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng	T	
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 1 ra công chúng	T1	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo phát

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Ghi chú
			hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 1	Từ T1 đến T1+45	Đây là thời gian phân phối dự kiến. Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 1 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng và theo tình hình thực tế nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày
3.1	- Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 1 và bắt đầu nhận tiền mua Trái Phiếu Đợt 1	T1	
3.2	- Thời gian cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 1 và nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 1	T1 + 45	
4	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 1	Từ T1 + 45 đến T1 + 55	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
5	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán	Từ T1 + 55 đến T1 + 58	Trong thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán
6	Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục cấp và chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư; đồng thời hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu.	Từ T1 + 58 đến T1 + 88	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

18.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2

Sau khi kết thúc Đợt 1 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 2, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch phát hành và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư so với Bản cáo bạch này (nếu có).

Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết.

Khoảng cách giữa Đợt 2 và Đợt 1 không quá 12 tháng và việc chào bán Trái Phiếu Đợt 2 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp tục chào bán Đợt 2 và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 2 ra công chúng.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2 như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Ghi chú
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2	T'	
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 2 ra công chúng	T2	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày UBCKNN cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu đợt 2, Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 2	Từ T2 đến T2+45	Đây là thời gian phân phối dự kiến. Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 2 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2 và theo tình hình thực tế nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Ghi chú
3.1	- Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 2 và bắt đầu nhận tiền mua Trái Phiếu Đợt 2	T_2	
3.2	- Thời gian cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 2 và nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 2	$T_2 + 45$	
4	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 2	<i>Từ $T_2 + 45$ đến $T_2 + 55$</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
5	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán	<i>Từ $T_2 + 55$ đến $T_2 + 58$</i>	Trong thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán
6	Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục cấp và chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư; đồng thời hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu.	<i>Từ $T_2 + 58$ đến $T_2 + 88$</i>	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

18.3. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 3

Sau khi kết thúc Đợt 2 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 3, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch phát hành và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư so với Bản cáo bạch này (nếu có).

Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết.

Khoảng cách giữa Đợt 3 và Đợt 2 không quá 12 tháng và việc chào bán Trái Phiếu Đợt 3 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp tục chào bán Đợt 3 và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 3 ra công chúng.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 3 như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Ghi chú
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 3	T''	
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 3 ra công chúng	T3	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày UBCKNN cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu đợt 3, Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 3	Từ T3 đến T3+45	Đây là thời gian phân phối dự kiến. Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 3 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 3 và theo tình hình thực tế nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày
3.1	- Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 3 và bắt đầu nhận tiền mua Trái Phiếu Đợt 3	T3	
3.2	- Thời gian cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 3 và nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 3	T3 + 45	
4	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 3	Từ T3 + 45 đến T3 + 55	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
5	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu chấm dứt	Từ T3 + 55 đến T3 + 58	Trong thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Ghi chú
	phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán		
6	Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục cấp và chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư; đồng thời hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu.	<i>Từ T3 + 58 đến T3 + 88</i>	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

19. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Số tài khoản: 124000087243

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

20. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành

Ngày 11/09/2025, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (hiệu lực từ ngày 11/09/2025), trong đó, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, cụ thể là không còn quy định TCTD phải nộp hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng.

Như vậy, áp dụng Nghị định 245/2025/NĐ-CP, BIDV không phải xin NHNN chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra công chúng.

21. Các loại thuế có liên quan

21.1. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán) phải tuân theo các quy định riêng.

(a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%.

- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam đều là đối tượng chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo quy định Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/10/2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với tổ chức nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc đáp ứng điều kiện kê khai đầy đủ doanh thu, chi phí và thu nhập, việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN được thực hiện theo phương pháp kê khai, trên cơ sở doanh thu – chi phí thực tế phát sinh.

Đối với tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không đáp ứng điều kiện kê khai, việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN được thực hiện theo phương pháp khấu trừ hoặc nộp thay (thuế nhà thầu) trên từng khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Hiện nay, đến khi có hướng dẫn thay thế chính thức, việc xác định thuế TNDN đối với thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu của tổ chức nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

(c) Thuế Giá trị Gia tăng

Theo các quy định tại Luật thuế GTGT số 48/2025/QH15, Nghị định 181/2025/NĐ-CP, các khoản thu tài chính (lãi Trái Phiếu) được loại trừ khỏi giá tính thuế giá trị gia tăng; việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

21.2. Khấu trừ Thuế

Trường hợp Trái Phiếu chưa được lưu ký tại Thành Viên Lưu Ký của VSDC: Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào ("**Thuế**") do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Trường hợp Trái Phiếu đã được lưu ký tại Thành Viên Lưu Ký của VSDC: việc khấu trừ thuế sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và quy định của VSDC.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

22. Thông tin về các cam kết**(a) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư**

- Tổ Chức Phát Hành đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện phát hành Trái Phiếu.
- Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và có các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu.

(b) Cam kết về thực hiện niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán

Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện các công việc để triển khai niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt chào bán Trái Phiếu. Kế hoạch cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Tổ Chức Phát Hành thực hiện đăng ký Trái Phiếu tại VSDC	Sau khi Trái Phiếu phát hành, có xác nhận kết quả phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2	Tổ Chức Phát Hành hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng và sau khi đăng ký Trái Phiếu tại VSDC
3	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định chấp thuận niêm yết Trái Phiếu	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nộp đầy đủ và hợp lệ các hồ sơ đăng ký niêm yết đối với mỗi đợt chào bán Trái Phiếu
4	Tổ Chức Phát Hành đưa Trái Phiếu vào giao dịch	Trong thời hạn tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định chấp thuận niêm yết Trái Phiếu mỗi đợt

23. Các Điều Khoản Khác

23.1. Hủy Bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoặc người được uỷ quyền của Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc hoàn trả vào Ngày Đáo Hạn hoặc mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu nêu trên sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại. Các Trái Phiếu đã hủy bỏ sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi đến hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.

23.2. Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc những Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 10% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó triệu tập với thông báo bằng văn bản gửi trước ít nhất 06 (Sáu) Ngày Làm Việc hoặc theo thời hạn khác theo quy định của VSDC (tùy từng trường hợp) (trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì phải gửi thông báo cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành (tùy từng trường hợp áp dụng)). Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập, như hội nghị qua điện thoại, video, trao đổi qua thư điện tử... Để làm rõ, mọi chi phí, phí tổn thực tế phát sinh liên quan đến việc triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do bên triệu tập chi trả trừ trường hợp Hội Nghị có nội dung xác định về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu theo quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu. Khi đó, bên vi phạm sẽ thực hiện chi trả mọi chi phí, phí tổn thực tế phát sinh liên quan đến việc triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Phụ thuộc vào Điểm 23.2(c), số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện trên 65% theo tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại thời điểm đó.
- (c) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung sửa đổi (i) Ngày Đáo Hạn, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi, (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc, hoặc (iii) thay đổi lãi suất phải trả liên quan đến Trái Phiếu, hoặc (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu; hoặc (v) thay đổi quy định về Vấn Đề Loại Trừ; hoặc (vi) thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu ("**Vấn Đề Loại Trừ**"), thì Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thông qua Vấn Đề Loại Trừ khi có ít nhất một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại thời điểm đó chấp thuận. Bất kỳ vấn đề nào khác ngoài các Vấn Đề Loại Trừ sẽ được thông qua trong Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu được chấp thuận bởi một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 65% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại thời điểm đó.

- (d) Nghị quyết được (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 23.2(c) sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp hội nghị hay không) với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Vấn Đề Loại Trừ phải được sự chấp thuận của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành.
- (e) Không phụ thuộc vào các quy định tại Điểm 23.2 (a), (b), (c) và (d) nêu trên, Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua tại một cuộc họp với sự tham dự của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và chưa thanh toán tại thời điểm tiến hành Hội Nghị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội Nghị không đúng quy định.
- (f) Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Điểm 23.2(a) và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 65% tổng mệnh giá Trái Phiếu thông qua (đối với Vấn Đề Loại Trừ, phải được tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu đang nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).
- (g) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Điểm 23.2 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Phát Hành (trừ các nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- (h) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điểm 23.2 (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (g) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua. Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.

23.3. Thông báo

Mọi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành hoặc VSDC hoặc Sở giao dịch chứng khoán, hoặc chuyển tận tay, hoặc gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, hoặc gửi qua fax, qua đường thư điện tử (đối

với Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức – nếu có nhu cầu) đến địa chỉ tại Sở Đăng Ký, hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo hoặc theo các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

23.4. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi, trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ chào bán trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2026-2027 được BIDV sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề dự kiến như sau:

STT	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn	Tiến độ sử dụng vốn
I	Đợt 1	4.000	
	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	2.000	Quý I/2026- Quý III/2026
	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	1.000	
	Lĩnh vực khác	1.000	
II	Đợt 2	3.000	
	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	1.000	Quý I/2026- Quý I/2027
	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	1.000	
	Lĩnh vực khác	1.000	
II	Đợt 3	2.000	
	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	1.000	Quý II/2026- Quý II/2027
	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	500	
	Lĩnh vực khác	500	
	Tổng cộng	9.000	

- Kế hoạch giải ngân thực tế (bao gồm cả số tiền, thời gian giải ngân và lĩnh vực sử dụng vốn) phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công của từng đợt. Trường hợp Trái Phiếu chào bán Đợt trước chưa được phân phối hết như kế hoạch chào bán dự kiến thì kế hoạch sử dụng vốn Trái Phiếu đợt trước sẽ được phân bổ lại theo từng ngành nghề tương ứng theo tỷ trọng khối lượng Trái Phiếu chào bán thành công/khối lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán. Phần kế hoạch sử dụng vốn còn lại của Đợt trước sau khi phân bổ lại sẽ được chuyển sang kế hoạch sử dụng vốn của Đợt sau, tương ứng theo từng ngành nghề.
- Nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Tổ Chức Phát Hành có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác,... phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của Tổ Chức Phát Hành.
- Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu chưa sử dụng sẽ tạm thời được giữ dưới dạng tiền mặt; hoặc tiền gửi tại các ngân hàng đại lý bao gồm tại NHNN Việt Nam và/hoặc các tổ chức tín dụng khác; hoặc các khoản tương đương tiền.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán

(a) Kế hoạch trả lãi Trái Phiếu

Lãi thu được từ các lĩnh vực mà BIDV dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của BIDV bị lỗ. Việc thanh toán lãi trái phiếu sẽ được thực hiện vào các Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, ngày đến hạn khác khi BIDV thực hiện mua lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn (tùy trường hợp áp dụng).

(b) Kế hoạch trả nợ gốc Trái Phiếu

BIDV sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của BIDV để thanh toán gốc Trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái phiếu. Việc thanh toán gốc trái phiếu được thực hiện vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, ngày đến hạn khác khi BIDV thực hiện mua lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn (tùy trường hợp áp dụng).

Dự kiến nguồn thu dự phóng từ các khoản giải ngân/ cho vay từ nguồn vốn thu được từ chào bán Trái Phiếu ra công chúng được dùng để thanh toán các khoản gốc, lãi Trái Phiếu như sau:

Đợt 1:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/ lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc + lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 1	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 1	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 2	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 2	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 3	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 3	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 4	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 4	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 5	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 5	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 6	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 6	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 1 Năm 7	6%	4.000	120	0	120	4.000
Kỳ 2 Năm 7	6%	4.000	120	2.000	2.120	2.000
Kỳ 1 Năm 8	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 8	6%	2.000	60	1000	1.060	1.000
Kỳ 1 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 1 Năm 10	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 10	6%	1.000	30	1.000	1.030	0

Đợt 2:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/ lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc + lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 1	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 1	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 2	6%	3.000	90	0	90	3.000

Kỳ 2 Năm 2	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 3	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 3	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 4	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 4	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 5	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 5	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 6	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 6	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 1 Năm 7	6%	3.000	90	0	90	3.000
Kỳ 2 Năm 7	6%	3.000	90	1.000	1.090	2.000
Kỳ 1 Năm 8	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 8	6%	2.000	60	1.000	1.060	1.000
Kỳ 1 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 9	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 1 Năm 10	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 10	6%	1.000	30	1.000	1.030	0

Đợt 3:

Đơn vị: tỷ đồng

Kỳ thu nợ cho vay dự kiến	Lãi suất đầu ra/ lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay đầu kỳ dự kiến	Lãi phải thu từ các khoản cho vay dự kiến	Gốc trả trong kỳ dự kiến	Gốc + lãi phải thu dự kiến	Dư nợ cho vay cuối kỳ dự kiến
Kỳ 1 Năm 1	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 1	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 2	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 2	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 3	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 3	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 4	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 4	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 5	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 5	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 6	6%	2.000	60	0	60	2.000

Kỳ 2 Năm 6	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 1 Năm 7	6%	2.000	60	0	60	2.000
Kỳ 2 Năm 7	6%	2.000	60	1.000	1.060	1.000
Kỳ 1 Năm 8	6%	1.000	30	0	30	1.000
Kỳ 2 Năm 8	6%	1.000	30	1.000	1.030	0

Trường hợp Đợt trước chưa bán hết số lượng Trái phiếu theo dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua Đợt sau tương ứng theo kỳ hạn Trái phiếu. Dư nợ đầu kỳ có thể thay đổi theo số lượng Trái phiếu phát hành thực tế của mỗi Đợt.

Các giả định như sau:

- + Kỳ thu nợ cho vay dự kiến kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu của mỗi Đợt;
- + Lãi suất cho vay giả định là 6%/năm và không thay đổi trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu. Lãi suất cho vay thực tế được BIDV xác định theo chính sách cho vay từng thời kỳ và phù hợp với quy định pháp luật;
- + Trái phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu.

Dự kiến kế hoạch thanh toán nợ như sau:

Thời hạn thanh toán:

- Tiền gốc Trái Phiếu: Tiền gốc Trái Phiếu được trả một (01) lần bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu của BIDV hoặc vào ngày mua lại trước hạn theo thỏa thuận, hoặc vào ngày đến hạn khác theo các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu;
- Tiền lãi Trái Phiếu: Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ sáu (06) tháng một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn sáu (06) tháng kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu		Trái phiếu							
		Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm
Thời điểm phát hành dự kiến		Đợt 1 (Quý I-II/2026)			Đợt 2 (Quý I-III/2026)			Đợt 3 (Quý II/2026 – Quý I/2027)	
Khối lượng phát hành dự kiến		2.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
Năm 2026	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Dự kiến	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	0,00	0,00

Chỉ tiêu		Trái phiếu							
		Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm
Thời điểm phát hành dự kiến		Đợt 1 (Quý I-II/2026)			Đợt 2 (Quý I-III/2026)			Đợt 3 (Quý II/2026 – Quý I/2027)	
	lãi Trái phiếu lần 2								
	Tổng cộng	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	0,00	0,00
Năm 2027	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65
	Tổng cộng	116,60	59,30	60,30	58,30	59,30	60,30	58,30	59,30
Năm 2028	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65
	Tổng cộng	116,60	59,30	60,30	58,30	59,30	60,30	58,30	59,30
Năm 2029	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65
	Tổng cộng	116,60	59,30	60,30	58,30	59,30	60,30	58,30	59,30
Năm 2030	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65

Chỉ tiêu		Trái phiếu							
		Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm
Thời điểm phát hành dự kiến		Đợt 1 (Quý I-II/2026)			Đợt 2 (Quý I-III/2026)			Đợt 3 (Quý II/2026 – Quý I/2027)	
	Tổng cộng	116,60	59,30	60,30	58,30	59,30	60,30	58,30	59,30
Năm 2031	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	58,30	29,65	30,15	29,15	29,65	30,15	29,15	29,65
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	83,30	37,98	35,15	41,65	37,98	35,15	29,15	29,65
	Tổng cộng	141,60	67,63	65,30	70,80	67,63	65,30	58,30	59,30
Năm 2032	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	83,30	37,98	35,15	41,65	37,98	35,15	41,65	37,98
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	83,30	37,98	35,15	41,65	37,98	35,15	41,65	37,98
	Tổng cộng	166,60	75,97	70,30	83,30	75,97	70,30	83,30	75,97
Năm 2033	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	83,30	37,98	35,15	41,65	37,98	35,15	41,65	37,98
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	0,00	37,98	35,15	0,00	37,98	35,15	41,65	37,98
	Gốc Trái Phiếu	2.000	0,00	0,00	1.000	0,00	0,00	1.000	0,00
	Tổng cộng	2.083,30	75,97	70,30	1.041,65	75,97	70,30	1.083,30	75,97
Năm 2034	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	0,00	37,98	35,15	0,00	37,98	35,15	0,00	37,98
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00	35,15	0,00	37,98
	Gốc Trái Phiếu	0,00	1.000	0,00	0,00	1.000	0,00	0,00	1.000

Chỉ tiêu		Trái phiếu							
		Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm
Thời điểm phát hành dự kiến		Đợt 1 (Quý I-II/2026)			Đợt 2 (Quý I-III/2026)			Đợt 3 (Quý II/2026 – Quý I/2027)	
	Tổng cộng	0,00	1.037,98	70,30	0,00	1.037,98	70,30	0,00	1.075,97
Năm 2035	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00
	Tổng cộng	0,00	0,00	70,30	0,00	0,00	70,30	0,00	0,00
Năm 2036	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 1	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00	35,15	0,00	0,00
	Dự kiến lãi Trái phiếu lần 2	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Gốc Trái Phiếu	0,00	0,00	1.000	0,00	0,00	1.000	0,00	0,00
	Tổng cộng	0,00	0,00	1.035,15	0,00	0,00	1.035,15	0,00	0,00

Các giả định như sau:

- Trái Phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu;
- Lãi suất tham chiếu: là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân hàng thương mại tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi (làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân), bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - khu vực/thành phố Hà Nội.
- Giả định lãi suất tham chiếu không thay đổi trong suốt thời hạn của Trái Phiếu là 4,68%/năm. Trường hợp BIDV không mua lại trái phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, biên độ lãi suất áp dụng cho các Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu tương ứng là:

	Kỳ hạn 7 năm	Kỳ hạn 8 năm	Kỳ hạn 10 năm
Biên độ áp dụng trong 05 năm đầu	1,15%/năm	1,25%/năm	1,35%/năm

<i>Lãi suất áp dụng trong 05 năm đầu</i>	<i>5,83%/năm</i>	<i>5,93%/năm</i>	<i>6,03%/năm</i>
<i>Biên độ áp dụng từ năm thứ 06 trở đi cho đến Ngày Đáo Hạn</i>	<i>3,65%/năm</i>	<i>2,92%/năm</i>	<i>2,35%/năm</i>
<i>Lãi suất áp dụng từ năm thứ 06 trở đi cho đến Ngày Đáo Hạn</i>	<i>8,33%/năm</i>	<i>7,60%/năm</i>	<i>7,03%/năm</i>

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Từ 01/01/2019 đến 31/12/2023 và từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84.24) 6288 3568 Fax: (84.24) 6288 5678

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

Công ty TNHH KPMG

Trụ sở chính : Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hoà, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84.24) 3946 1600 Fax: (84.24) 3946 1601

TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3910 2222 Fax: (84.28) 3910 7222

Website : www.masvn.com

Trên cơ sở những thông tin về đợt chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành đã được HĐQT BIDV thông qua, và những nhận định về tình hình thị trường kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, với tư cách là tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cho đợt phát hành Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) nhận định kế hoạch chào bán Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành là hợp lý và khả thi, với giả định không có những biến động bất thường và bất khả kháng nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế và

các thông tin thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu. Ý kiến này chỉ mang tính chất tham khảo.

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRÁI PHIẾU

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Trụ sở chính : 74 Thọ Nhuộm, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 39411 846 Fax: (84.24) 39411 847

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3910 2222 Fax: (84.28) 3910 7222

Website : www.masvn.com

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ: Không có

Bản Cáo Bạch này được ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2025

Đại diện Tổ Chức Phát Hành
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



PHAN ĐỨC TÚ
Chủ tịch HĐQT

A blue ink signature of Bùi Thị Hòa is written above a horizontal line.

BÙI THỊ HÒA
Kế toán trưởng

A blue ink signature of Lê Ngọc Lâm is written above a horizontal line.

LÊ NGỌC LÂM
Tổng Giám đốc

Đại diện Tổ Chức Tư Vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)



HUI HONG SUK
Tổng Giám đốc

XI. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024.

2. Phụ lục II:

- Nghị quyết số 1266/NQ-BIDV ngày 17/11/2025 của Hội đồng quản trị BIDV phê duyệt Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu tăng vốn BIDV ra công chúng.

- Nghị quyết số ~~1338~~.... ngày ~~11~~/12/2025 của Hội đồng quản trị BIDV phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 1266/NQ-BIDV ngày 17 tháng 11 năm 2025 phê duyệt phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu tăng vốn BIDV ra công chúng.

- Nghị quyết ~~1340~~/NQ-BIDV ngày ~~11~~/12/2025 của Hội đồng quản trị BIDV thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu tăng vốn BIDV ra công chúng.

3. Phụ lục III: Điều lệ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, 2024 (riêng lẻ và hợp nhất); Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý II năm 2025 đã được soát xét (riêng lẻ và hợp nhất); và Báo cáo tài chính quý III năm 2025 (riêng lẻ và hợp nhất) của BIDV.

5. Phụ lục V: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

6. Phụ lục VI: Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 01/ĐDNSHTP/BIDV-MAS ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam).